

DANH SÁCH CÁC GS/PGS NỘI BẢN ĐĂNG KÝ
XÉT BỔ NHIỆM CHỨC DANH GS/PGS

Stt	Họ và tên	Giấy tờ kèm theo			Ghi chú
		Bản đăng ký	QĐ công nhận GS/PGS	QĐ bổ nhiệm GS/PGS	
01	GS.TS. Nguyễn Văn Kính	X	X	X	Có bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS năm 2023.
02	PGS.TS. Hoàng Đình Cảnh	X	X		Năm 2025
03	PGS.TS. Trần Tất Thắng	X	X		Năm 2025
04	PGS.TS. Quế Anh Trâm	X	X		Năm 2025
05	PGS.TS. Lương Mai Anh	X	X	X	Có bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS năm 2017.
06	PGS.TS. Dương Đình Chính	X	X	X	Có bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS năm 2017.
07	PGS.TS. Lê Trần Anh	X	X	X	Có kèm bản LLKH và các bài báo TA.
08	PGS.TS. Bùi Quang Phúc	X	X	X	
09	PGS.TS. Cao Bá Lợi	X	X	X	Có kèm bản LLKH
10	PGS.TS. Nguyễn Thị Hương Bình	X	X	X	Có kèm bản LLKH
11	PGS.TS. Tăng Xuân Hải	X	X	X	Có bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh năm 2023
12	PGS.TS. Đỗ Ngọc Ánh	X	X	X	Có kèm bản LLKH
13	PGS.TS. Lê Đình Thanh	X	X	X	Có kèm bản LLKH
14	PGS.TS. Trần Văn Thanh	X	X	X	Có kèm bản LLKH
15	PGS.TS. Phạm Hồng Vân	X	X	X	Có kèm bản LLKH
16	PGS.TS. Lê Văn Nam	X	X	X	
17	PGS.TS. Hoàng Vũ Hùng	X	X		

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

Họ và tên: BÙI QUANG PHÚC

Nam (nữ): Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 10-05-1971

Quê quán: Xã Đình Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: không

Học vị cao nhất: Tiến sĩ y học

Năm bảo vệ: 2008.

Chức vụ hiện nay: Trưởng khoa Nghiên cứu lâm sàng và thực nghiệm.

Đơn vị công tác: Viện Sốt rét- KST- CT TƯ

Địa chỉ thường trú: 25 lô B, ngõ 67/61 Phùng Khoang, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: Cơ quan: 84-24-38540099

Fax: 84-24-38543015

DD: 0913522874/0983522874

Email: phucnimpe@yahoo.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

1- Tốt nghiệp đại học: Đại học Y Hà Nội

Hệ đào tạo: Chính qui.

Chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa

Năm tốt nghiệp: 1994

2- Đào tạo Cao học: Học viện Quân y

Chuyên ngành: Ký sinh trùng

Năm tốt nghiệp: 2001

3- Đào tạo tiến sĩ: Học viện Quân y

Chuyên ngành: Dịch tễ học

Năm tốt nghiệp: 2008.

Tên đề tài làm Luận án tiến sĩ: Nghiên cứu cơ cấu ký sinh trùng sốt rét và *Plasmodium falciparum* kháng thuốc tại vùng sốt rét lưu hành nặng bằng kỹ thuật PCR.

4- Ngoại ngữ: tiếng Anh trình độ C, tiếng Nga trình độ B.

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Đơn vị công tác	Công việc đảm nhiệm
12/1994 đến 4/2007	Phòng Nghiên cứu lâm sàng, Viện Sốt rét-KST-CT TƯ	Nghiên cứu viên
4/2007 đến 11/2007	Khoa Sinh học phân tử, Viện Sốt rét-KST-CT TƯ	- Nghiên cứu viên - Phó trưởng khoa SHPT
11/2007 đến 12/2009	Khoa Nghiên cứu điều trị sốt rét, Viện Sốt rét-KST-CT TƯ	- Nghiên cứu viên - Phó trưởng khoa NCĐTSR
1/2010 đến 4/2012	Khoa Nghiên cứu điều trị sốt rét, Viện Sốt rét-KST-CT TƯ	- Nghiên cứu viên chính(NCVC) - Phó Trưởng khoa NCĐTSR
4/2012 đến nay	Khoa Nghiên cứu điều trị sốt rét, Viện Sốt rét-KST-CT TƯ	- Nghiên cứu viên chính, Tiến sĩ - Trưởng khoa NCĐTSR
11/2015 đến 3/2017	Khoa Nghiên cứu điều trị sốt rét, Viện Sốt rét-KST-CT TƯ	- NCVC, Phó giáo sư, Tiến sĩ - Trưởng khoa NCĐTSR
03/2017 đến nay	Khoa Nghiên cứu điều trị sốt rét, Viện Sốt rét-KST-CT TƯ	- Nghiên cứu viên cao cấp, PGS - Trưởng khoa Nghiên cứu lâm sàng và thực nghiệm (Khoa NCĐTSR cũ)

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Đề tài nghiên cứu khoa học:

- Chủ trì: 02 đề tài cấp Bộ Y tế và tương đương đã nghiệm thu trong đó 01 khá và 01 đạt.
- Đồng chủ trì: 05 đề tài cấp Bộ Y tế và tương đương đã nghiệm thu đạt.
- Chủ trì: 12 đề tài cấp cơ sở trong đó 07 xuất sắc, 05 khá.
- Chủ trì đề tài hợp tác quốc tế: 06 đề tài nghiệm thu đạt.
- Phó chủ nhiệm 03 đề tài hợp tác quốc tế nghiệm thu đạt.
- Tham gia: 01 đề tài cấp nhà nước nghiệm thu đạt.
- Tham gia: 04 đề tài cấp Bộ nghiệm thu xuất sắc, đạt.
- Tham gia: 03 đề tài hợp tác quốc tế đạt.
- Tham gia: 02 đề tài cấp viện nghiệm thu xuất sắc, khá.

2. Các bài báo khoa học:

- 16 bài báo đăng trong tạp chí nước ngoài, 3 bài đứng tên đầu.
- 87 bài báo đăng trong tạp chí trong nước.

3. Hướng dẫn thạc sĩ và tiến sĩ:

- Hướng dẫn thành công 04 thạc sĩ.
- Hướng dẫn thành công 06 tiến sĩ (3 chính, 3 phụ).
- Đang hướng dẫn 03 nghiên cứu sinh (3 phụ).

4. Viết sách giáo trình, sách chuyên khảo:

- Tham gia viết 04 giáo trình.
- Chủ biên 01 sách chuyên khảo.

5. Chủ nhiệm hoặc tham gia chương trình, đề tài NCKH đã nghiệm thu

	Tên CT, ĐT	Chủ nhiệm (CN)	Tham gia (TG)	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Nghiên cứu một số chỉ số dịch tễ học sốt rét ở huyện Nam Trà My tỉnh Quảng Nam bằng kỹ thuật PCR	CN		Cấp Bộ	2008-2010	2010	Khá
2	Nghiên cứu ngẫu nhiên, mù đôi, giai đoạn IIb đánh giá hiệu lực, độ an toàn, khả năng dung nạp và dược động học của phác đồ liều duy nhất Artefenomel (OZ439) phối hợp rời với Piperaquine phosphate ở người lớn và trẻ em nhiễm ký sinh trùng sốt rét Plasmodium falciparum không có biến chứng	Đồng CN		Tương đương Cấp Bộ	2014-2016	2016	Đạt
3	Hiệu lực và tính an toàn của artesunat-pyronaridin (pyramax) trong điều trị bệnh nhân sốt rét do <i>P.falciparum</i> chưa biến chứng tại một số vùng sốt rét kháng thuốc ở Việt nam	CN		Cấp Bộ	2017-2019	2019	Đạt
4	Nghiên cứu ngẫu nhiên, mù đôi, giai đoạn IIb đánh giá hiệu lực, sự an toàn, khả	Đồng CN		Tương đương		2020	Đạt

	năng dung nạp và dược động học của một phác đồ đơn liều Ferroquine (FQ) với Artefenomel (OZ439) ở người lớn và trẻ em mắc sốt rét không biến chứng do <i>Plasmodium falciparum</i>			Cấp Bộ	2016-2020		
5	Nghiên cứu Nhãn mô, Không so sánh, Đa trung tâm để Đánh giá Dược động học, Độ an toàn và Tính hiệu quả của Tafenoquine (SB-252263, WR238605) trong Điều trị Đối tượng Trẻ em bị Sốt rét <i>Plasmodium vivax</i>	Đồng CN		Tương đương Cấp Bộ	2017-2021	2022	Đạt
6	Đánh giá hiệu lực và tính an toàn phác đồ điều trị primaquin 7 ngày liều 0,5mg/kg/ngày trên bệnh nhân sốt rét do <i>Plasmodium vivax</i> tại tỉnh Lai Châu và Gia Lai năm 2022	Đồng CN		Cấp cơ sở	2022	2022	Xuất sắc
7	Đánh giá hiệu quả điều trị của phác đồ primaquin 7 ngày liều 0,5mg/kg/ngày trên bệnh nhân sốt rét do <i>Plasmodium vivax</i> tại một số vùng sốt rét lưu hành năm 2023	Đồng CN		Cấp cơ sở	2023	2023	Khá
8	Xác định cơ cấu KSTSR tại xã Thanh, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị bằng kỹ thuật PCR	CN		Cấp cơ sở	2003	2003	Xuất sắc
9	Xác định cơ cấu ký sinh trùng sốt rét trong những ca nghi ngờ bằng kỹ thuật PCR	CN		Cấp cơ sở	2002-2003	2003	Khá
10	Xác định cơ cấu ký sinh trùng sốt rét tại một số điểm của Ninh Thuận bằng kỹ thuật PCR	CN		Cấp cơ sở	2006	2006	Xuất sắc

11	Nghiên cứu Plasmodium falciparum kháng thuốc sulfadoxin và pyrimethamin bằng kỹ thuật sinh học phân tử tại một số vùng sốt rét lưu hành	CN		Cấp cơ sở	2007	2007	Xuất sắc
12	Đánh giá hiệu lực điều trị của dihydroartemisinin-piperaquin trên bệnh nhân sốt rét do P.falciparum chưa biến chứng tại tỉnh Bình Phước	CN		Cấp cơ sở	2012-2013	2013	Xuất sắc
13	Giám sát hiệu lực của thuốc arterakin trên bệnh nhân sốt rét do P.falciparum chưa biến chứng tại một số vùng sốt rét lưu hành	CN		Cấp cơ sở	2012-2014	2014	Khá
14	Đánh giá chất lượng thuốc sốt rét tại Đắk Nông và Gia Lai năm 2014	Đồng CN		Cấp cơ sở	2014	2014	Xuất sắc
15	Đánh giá sốt rét kháng thuốc tại huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam, năm 2014	Đồng CN		Cấp cơ sở	2014-2015	2015	Khá
16	Đánh giá hiệu lực và tính an toàn phác đồ điều trị primaquin 0,5mg/kg/ngày x7 ngày trên bệnh nhân sốt rét do Plasmodium vivax tại tỉnh Bình Phước và Gia Lai năm 2019-2020	Đồng CN		Cấp cơ sở	2019-2020	2020	Xuất sắc
17	Đánh giá hiệu lực điều trị của dihydroartemisinin-piperaquin trên bệnh nhân sốt rét Plasmodium falciparum chưa biến chứng và chloroquin trên bệnh nhân sốt rét do Plasmodium vivax tại tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng năm 2019-2020	Đồng CN		Cấp cơ sở	2019-2020	2020	Khá
18	Efficacy and safety of oral artesunate and dihydroartemisinin-piperaquine for the treatment	CN		Hợp tác WHO	2011-2012	2012	Đạt

	of uncomplicated <i>Plasmodium falciparum</i> malaria in Binh Thuan, Ninh Thuan, Dak Lak and Gia Lai provinces, Viet Nam in 2011.						
19	Efficacy and safety of dihydroartemisinin–piperazine for the treatment of uncomplicated <i>Plasmodium falciparum</i> malaria in Binh Phuoc, Dak Nong, Gia Lai and Quang Tri provinces, Viet Nam in 2012.	CN		Hợp tác WHO	2012-2013	2013	Đạt
20	Efficacy and safety of dihydroartemisinin–piperazine for the treatment of uncomplicated <i>Plasmodium falciparum</i> malaria in Binh Phuoc, Dak Lak, Khanh Hoa and Kon Tum provinces, Viet Nam in 2013.	CN		Hợp tác WHO	2013-2014	2014	Đạt
21	Efficacy and safety of dihydroartemisinin–piperazine for the treatment of uncomplicated <i>Plasmodium falciparum</i> malaria and chloroquine for the treatment of <i>Plasmodium vivax</i> malaria in Binh Phuoc, Ninh Thuan, Gia Lai and Quang Tri provinces, Viet Nam, in 2015.	CN		Hợp tác WHO	2014-2015	2015	Đạt
22	A proof-of-concept, open label study to assess efficacy, safety, tolerability and pharmacokinetics of KAF156 in adult patients with acute, uncomplicated <i>Plasmodium</i>	P.CN		Hợp tác quốc tế	2014	2014	Đạt

	<i>falciparum</i> or <i>vivax</i> malaria mono-infection						
23	An open label, single dose study to assess efficacy, safety, tolerability and pharmacokinetics of KAE609 in adult patients with acute, uncomplicated <i>Plasmodium falciparum</i> malaria mono-infection.	P.CN		Hợp tác quốc tế	2014	2014	Đạt
24	A randomized, double blind, Phase IIb study to investigate the Efficacy, Safety & Tolerability and PK of a Single Dose Regimen of OZ439 in free combination with Piperaquine phosphate in adults & children with uncomplicated <i>Plasmodium falciparum</i> infection.	P.CN		Hợp tác quốc tế	2014-2015	2015	Đạt
25	Đề tài KY 01.08 B: Nghiên cứu các biện pháp thích hợp giải quyết KSTSR kháng thuốc và phòng chống vector.		TG	Cấp Nhà nước	1995	1999	Khá
26	Áp dụng kỹ thuật phản ứng tổng hợp chuỗi Polymerase lồng (Nested PCR) để nghiên cứu cơ cấu ký sinh trùng sốt rét tại một số vùng sốt rét lưu hành		TG	Cấp Bộ Y tế	2000-2001	2001	Xuất sắc
27	Xác định cơ cấu ký sinh trùng sốt rét trong máu người và phân biệt tái phát, tái nhiễm bằng kỹ thuật phản ứng chuỗi polymerase lồng tại tỉnh Gia Lai		TG	Dự án hợp tác Việt Nam-EC	2002	2002	Đạt
28	Áp dụng kỹ thuật sinh học phân tử để nghiên cứu thành phần, cơ cấu của KSTSR và tính đa hình di truyền của <i>Plasmodium falciparum</i> tại tỉnh Quảng Bình		TG	Cấp Bộ Khoa học và CN	2005	2005	Khá

29	Nghiên cứu một số chỉ số dịch tễ học sốt rét tại hai huyện Đa Krông và Hướng Hóa tỉnh Quảng Trị bằng phương pháp ELISA và PCR		TG	Cấp Bộ Y tế	2007	2007	Khá
30	Hỗ trợ năng lực nghiên cứu phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng		TG	Dự án hợp tác Việt-Úc	2009	2009	Khá
31	Đánh giá hiệu lực điều trị và tính an toàn của thuốc SR tại một số điểm sentinel.		TG	Hợp tác WHO	2008-2010	2010	Đạt
32	Bước đầu áp dụng kỹ thuật Elisa trong phân tích kháng thuốc in vitro		TG	Đề tài cấp viện	2011	2011	Khá
33	Nghiên cứu sự thay đổi các gen kháng đa thuốc (P.fmdr1 và P.f-ATPase 6) liên quan đến đáp ứng với dẫn chất của artemisinin ở <i>P.falciparum</i> tại Bình Phước		TG	Đề tài cấp viện	2011	2011	Khá
34	Hiệu lực và tính an toàn của arte-quick trong điều trị bệnh nhân sốt rét do <i>P.falciparum</i> chưa biến chứng		TG	Đề tài cấp Bộ	2013-2014	2014	Khá
35	Đánh giá hiệu quả phác đồ primaquin 7 ngày liều 0,5mg/kg/ngày trên bệnh nhân sốt rét do <i>P.vivax</i> tại một số vùng sốt rét lưu hành, năm 2023		Chủ nhiệm	Cấp cơ sở		2024	Xuất sắc
36	Đánh giá hiệu quả phác đồ primaquin 7 ngày liều 0,5mg/kg/ngày trên bệnh nhân sốt rét do <i>Plasmodium vivax</i> tại Lai Châu và Gia Lai, năm 2022		Chủ nhiệm	Cấp cơ sở		2023	Khá

37	Đánh giá hiệu quả phác đồ primaquin 7 ngày liều 0,5mg/kg/ngày trên bệnh nhân sốt rét do <i>Plasmodium vivax</i> tại Bình Phước và Gia Lai, năm 2019-2020		Chủ nhiệm	Cấp cơ sở		2021	Khá
38	Nghiên cứu đánh giá tính khả thi việc sử dụng tafenoquine và xét nghiệm G6PD trong điều trị tiết căn nhiễm ký sinh trùng sốt rét <i>Plasmodium vivax</i> bằng phát hiện ca bệnh chủ động và thụ động tại Việt Nam		Chủ nhiệm	Cấp cơ sở		2025	Chờ nghiệm m thu
39	Nghiên cứu giá tính khả thi việc lồng ghép xét nghiệm G6PD tại chỗ vào quản lý sốt rét do <i>Plasmodium vivax</i> tại Việt Nam		Chủ nhiệm	Cấp cơ sở		2024	Đạt

2. Bài báo khoa học đã công bố:

2.1. Báo quốc tế

TT	Tên bài báo	Tên tạp chí, kỷ yếu	Tập	Số	Trang	Năm công bố
1	Molecular epidemiology of <i>Plasmodium falciparum</i> antifolate resistance in Vietnam: genotyping for resistance variants of dihydropteroate synthase and dihydrofolate reductase	Int J Antimicrob Agents	12	3	203-211	1999
2	Assessment of susceptibility of <i>Plasmodium falciparum</i> to chloroquine, quinine, mefloquine, sulfadoxine-pyrimethamine and artemisinin in southern Vietnam.	Trans R Soc Trop Med Hyg	95	5	513-517	2001

3	Prevalence of polymorphisms in <i>dhfr</i> , <i>dhps</i> , <i>pfmdr1</i> and <i>pfcrt</i> genes of <i>Plasmodium falciparum</i> isolates in Quang Tri province, Vietnam.	Southeast Asian J Trop Med Public Health	39	6	959-62	2008
4	Longitudinal Survey of <i>Plasmodium falciparum</i> Infection in Vietnam: Characteristics of Antimalarial Resistance and Their Associated Factors	Journal of Clinical Microbiology	48	1	70-77	2010
5	Monitoring for <i>Plasmodium falciparum</i> drug resistance to artemisinin and artesunate in Binh Phuoc province, Vietnam: 1998-2009	Malaria Journal 2010 doi:10.1186/1475-2875-9-181	181	9		2010
6	Delayed Parasite Clearance after Treatment with Dihydroartemisinin- Piperaquine in <i>Plasmodium falciparum</i> Malaria Patients in Central Vietnam	Antimicrob. Agents Chemother	58	12	7049-7055	2014
7	Severe Malaria not responsive to artemisinin derivatives in man returning from Angola to Vietnam	Emerging Infectious Diseases	20	7	1199-1202	2014
8	Treatment Failure of Dihydroartemisinin/ Piperaquine for <i>Plasmodium falciparum</i> Malaria, Vietnam	Emerging Infectious Diseases	23	4	715-717	2017
9	A Worldwide Map of <i>Plasmodium falciparum</i> K13-Propeller Polymorphisms	The New England Journal of Medicine	374	25	2453-64	2016
10	A randomised, double-blind clinical phase II trial of the efficacy, safety, tolerability and pharmacokinetics of a single dose combination treatment with artefenomel and piperaquine in adults and children with uncomplicated <i>Plasmodium falciparum</i> malaria	<i>BMC Medicine</i> (2017) 15:181 DOI 10.1186/s12916-017-0940-3.	15	181		2017
11	African isolates show a high proportion of multiple copies of the <i>Plasmodium falciparum</i>	<i>Malar Journal</i> (2019) 18:126. https://doi.org/10.1	18	126		2019

	<i>plasmepsin-2</i> gene, a piperazine resistance marker	186/s12936-019-2756-4 .				
12	Pyronaridine-artesunate Efficacy and Safety in Uncomplicated <i>Plasmodium falciparum</i> Malaria in Areas of Artemisinin-resistant Falciparum in Viet Nam (2017–2018)	<i>Clinical Infectious Diseases</i> . published online June 28, 2019. DOI: 10.1093/cid/ciz580				2019
13	Efficacy of dihydroartemisinin/piperazine and artesunate monotherapy for the treatment of uncomplicated <i>Plasmodium falciparum</i> malaria in Central Vietnam	<i>J. Antimicrob Chemother</i> Doi:10.1093/jac/dk aa172				2020
14	A randomized, double-blind, phase 2b study to investigate the efficacy, safety, tolerability and pharmacokinetics of a single-dose regimen of ferroquine with artefenomel in adults and children with uncomplicated <i>Plasmodium falciparum</i> malaria	Adoke et al. Malar J (2021) 20:222 Page 2 of 25				2021
15	Assessing the Operational Feasibility of Integrating Point-of-Care G6PD Testing into <i>Plasmodium vivax</i> Malaria Management in Vietnam	<i>Pathogens</i> 2023, 12, 689 https://doi.org/10.3390/pathogens12050689	12	869		2023
16	Molecular surveillance of <i>Plasmodium falciparum</i> drug-resistance markers in Vietnam using multiplex amplicon sequencing (2000–2016)	www.nature.com/scientificreports/ https://doi.org/10.1038/s41598-023-40935-7 (2023) 13:13948				2023

2.2. Báo trong nước

TT	Tên bài báo	Tên tạp chí, kỷ yếu	Tạp	Số	Trang	Năm công bố
1	Nghiên cứu cơ cấu ký sinh trùng Sốt Rét tại một số điểm của tỉnh Ninh Thuận bằng kỹ thuật PCR	Tạp chí Y Dược học quân sự		31	16-22	2006
2	Đánh giá ký sinh trùng Sốt rét <i>P.falciparum</i> kháng thuốc tại Quảng Trị bằng kỹ thuật sinh học phân tử và in vivo ở Việt Nam	Tạp chí Y Dược học quân sự, Đặc san 2006		31	88-94	2006
3	Sử dụng kỹ thuật PCR với những môi đặc hiệu xác định các đột biến điểm liên quan đến tính kháng thuốc của ký sinh trùng sốt rét <i>P.falciparum</i>	Tạp chí Y Dược học quân sự		32	17-24	2007
4	Áp dụng kỹ thuật PCR với môi đặc hiệu nghiên cứu ký sinh trùng Sốt rét kháng thuốc Sulfadoxine - pyrimethamine tại xã Bù Gia Mập, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước	Báo cáo khoa học: Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ hai.			531-535	2007
5	Xác định các đột biến điểm trên các gen DHFR, DHPS, PfCRT, PfMDR1 của ký sinh trùng sốt rét <i>Plasmodium falciparum</i> liên quan đến tính kháng thuốc bằng kỹ thuật PCR	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		6	28-34	2006
6	Xác định cơ cấu ký sinh trùng sốt rét tại xã Thanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị bằng kỹ thuật PCR	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng		6	38-43	2004
7	Chẩn đoán phân biệt 4 loài ký sinh trùng sốt rét trên người bằng kỹ thuật phản ứng tổng hợp chuỗi polymerase lồng(nested PCR)	Tạp chí Sinh học		21(1b)	75-84	1999
8	Nghiên cứu cơ cấu ký sinh trùng sốt rét tại 3 tỉnh Lâm Đồng, Bình Phước và Đắk Lắk bằng kỹ thuật PCR	Kỷ yếu công trình nghiên cứu khoa học 1996-2000. Viện Sốt rét-KST-CTTƯ			195-200	2001
9	Xác định cơ cấu ký sinh trùng sốt rét và tỷ lệ nhiễm phối hợp tại công ty cao su phú riêng tỉnh Bình Phước bằng kỹ thuật PCR	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		6	48-53	2002

10	Kỹ thuật ELISA phát hiện kháng thể chống <i>P. falciparum</i> trong huyết thanh bệnh nhân sốt rét	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		6	54-58	2002
11	Xác định cơ cấu ký sinh trùng sốt rét trong máu người và phân biệt tái phát, tái nhiễm bằng kỹ thuật phản ứng chuỗi polymerase lỏng tại tỉnh Gia Lai	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng		1	70-77	2003
12	Kết quả giám sát sốt rét và đánh giá hiệu lực điều trị của sulfadoxin/pyrimethamin(SR2) tại xã Thanh, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		1	40-45	2003
13	So sánh độ nhạy và độ đặc hiệu giữa 3 kỹ thuật giâm sa, Paracheck, phản ứng chuỗi polymerase chain reaction phát hiện ký sinh trùng sốt rét tại xã Daksong tỉnh Gia Lai tháng 6 năm 2002	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		3	55-63	2003
14	Phát hiện đột biến gen mã hóa protein vận chuyển qua màng và gen đa kháng thuốc-1 liên quan kháng chloroquine của <i>P. falciparum</i> ở Bình Phước	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		4	52-58	2004
15	Đánh giá hiệu lực điều trị của phác đồ Artesunat 7 ngày trên bệnh nhân sốt rét <i>P. falciparum</i> chưa biến chứng tại xã Phước Hòa và Phước Thắng, huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận.	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		3	44-47	2005
16	Tình hình sốt rét <i>P. falciparum</i> kháng chloroquin và Sulfadoxin-pyrimethamin tại xã Thanh, tỉnh Quảng Trị	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		1	23-26	2006
17	Nghiên cứu thành phần loài và cơ cấu ký sinh trùng sốt rét tại tỉnh Quảng Bình bằng kỹ thuật PCR	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		1	33-38	2006
18	Đánh giá Ký Sinh Trùng Sốt Rét <i>P. falciparum</i> kháng thuốc sulfadoxin-pyrimethamin bằng kỹ thuật sinh học phân tử và in vivo ở Việt Nam	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		3	30-35	2006

19	Một số chỉ số bệnh sốt rét ở Nông trường 11 Công ty cao su Phú Riềng tỉnh Bình Phước từ năm 2001-2004.	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		4	18-23	2006
20	Áp dụng kỹ thuật PCR với mối đặc hiệu nghiên cứu ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc sulfadoxin-pyrimethamin tại xã Phước Thắng, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		3	21-26	2007
21	Đánh giá Ký Sinh Trùng Sốt Rét kháng thuốc Sulfadoxine - pyrimethamine bằng kỹ thuật PCR với mối đặc hiệu tại xã Bù Gia Mập, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		4	45-50	2007
22	Phân tích kiểu gen <i>P.vivax</i> phân biệt tái phát và tái nhiễm trong nghiên cứu hiệu quả thuốc sốt rét (In vivo)	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		6	43-48	2007
23	Thực trạng đa hình các gen DHFR, DHPS, PFMDR, PFCRT của <i>Plasmodium falciparum</i> ở Quảng Trị, Việt Nam	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST. Số Tài liệu hội nghị quốc tế.			83-84	2007
24	Nghiên cứu hiệu lực và tính an toàn của phác đồ artemisinin phối hợp với sulfadoxin trên người tình nguyện và trên bệnh nhân sốt rét do <i>P.falciparum</i> chưa biến chứng	Thông tin phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng		4	22-25	2000
25	Đánh giá sự nhạy cảm của artemisinin in vivo và in vitro tại một điểm nghiên cứu ở phía Nam Việt Nam	Thông tin phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng		6	24-31	2000
26	Xác định nhanh độ nhạy và kháng của ký sinh trùng sốt rét <i>Plasmodium falciparum</i> đối với pyrimethamine bằng men phân cắt giới hạn gen dihydrofolate reductase	Thông tin phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng		2	28-34	1996
27	Ứng dụng kỹ thuật PCR trong đánh giá đáp ứng của <i>P.falciparum</i> với các thuốc nhóm antifolat	Thông tin phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng		3	16-28	1998
28	Xác định ký sinh trùng sốt rét <i>Plasmodium falciparum</i> kháng	Thông tin phòng chống bệnh sốt rét		3	24-31	1998

	sulfadoxin bằng kỹ thuật phản ứng tổng hợp chuỗi polymerase(PCR)	và các bệnh ký sinh trùng				
29	Nghiên cứu cơ cấu ký sinh trùng sốt rét tại một số tỉnh vùng sốt rét lưu hành nặng bằng kỹ thuật PCR	Tạp chí Y Dược học quân sự. Số chuyên đề công trình nghiên cứu khoa học Hội nghị ký sinh trùng toàn quốc lần thứ 36		CDD 1	54-59	2009
30	Đánh giá hiệu lực điều trị của chloroquin trong điều trị sốt rét do Plasmodium vivax chưa biến chứng tại tỉnh Kon Tum và Khánh Hòa, 2012	Tạp chí Y Dược học quân sự	40	5	91-97	2015
31	Hiệu lực điều trị của phác đồ artesunat đơn thuần và dihydroartemisinin-piperaquin phosphate đối với sốt rét do Plasmodium falciparum chưa biến chứng năm 2012	Y học Thành phố Hồ Chí Minh	17	Phụ bản số 1	31-35	2013
32	Nghiên cứu cơ cấu ký sinh trùng sốt rét tại một số tỉnh vùng sốt rét lưu hành nặng bằng kỹ thuật PCR	Báo cáo khoa học về Sinh thái và tài nguyên sinh vật. Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ tư			1744-1749	2011
33	Hiệu lực và tính an toàn của Dihydroartemisinin-piperaquine tổng liều 72 mg/kg trong điều trị sốt rét do Plasmodium falciparum chưa biến chứng	Báo cáo khoa học toàn văn, Hội nghị ký sinh trùng toàn quốc lần thứ 42, Cửa Lò, Nghệ An, 2-3 tháng 4 năm 2015			26-35	2015
34	Đánh giá tác dụng ngoại ý một số thuốc sốt rét qua thử nghiệm lâm sàng đa trung tâm tại miền trung - Tây Nguyên, Việt Nam	Báo cáo khoa học toàn văn, Hội nghị ký sinh trùng toàn quốc lần thứ 42, Cửa Lò, Nghệ An, 2-3 tháng 4 năm 2015			101-108	2015
35	Khánh Hòa- Tình thứ năm nghi ngờ sốt rét kháng thuốc ở Việt Nam, năm 2014	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST	84	1	3-8	2015

36	Hiệu lực điều trị của Dihydroartemisinin - Piperaquin (Arterakine) trong điều trị sốt rét do <i>Plasmodium falciparum</i> chưa biến chứng tại huyện Krông Pa, Gia Lai năm 2014	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST	84	1	28-34	2015
37	Hiệu lực điều trị của thuốc dihydroartemisinin-piperaquin đối với <i>Plasmodium falciparum</i> tại Bình Phước giai đoạn 2010-2014.	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST	84	1	45-50	2015
38	Độ nhạy và độ đặc hiệu của xét nghiệm chẩn đoán nhanh sốt rét trong phát hiện <i>Plasmodium falciparum</i> và <i>Plasmodium vivax</i>	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST	84	1	51-56	2015
39	Hiệu lực điều trị của một số thuốc sốt rét đối với <i>P. falciparum</i> giai đoạn 2005-2010	Công trình khoa học báo cáo tại hội nghị kỷ sinh trùng toàn quốc lần thứ 38. Nxb y học	1		95-103	2011
40	Hiệu lực điều trị của một số thuốc sốt rét tại Bình Phước từ 2000-2010	Công trình khoa học báo cáo tại hội nghị kỷ sinh trùng toàn quốc lần thứ 38. Nxb Y học	1		104-111	2011
41	Đa hình di truyền quần thể <i>Plasmodium vivax</i> ở một số xã sốt rét thuộc khu vực biên giới huyện Hướng Hóa tỉnh Quảng Trị	Công trình khoa học báo cáo tại hội nghị kỷ sinh trùng toàn quốc lần thứ 38. Nxb Y học.	1		188-195	2011
42	Một số khía cạnh dịch tễ học ca bệnh sốt rét dương tính tại huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam năm 2013	Công trình NCKH báo cáo tại Hội nghị khoa học toàn quốc chuyên ngành Sốt rét-KST-CT năm 2015.			22-30	2015
43	Đánh giá chất lượng thuốc chống lây nhiễm tại một số tỉnh ở Việt Nam từ năm 2005 đến 2014	Công trình NCKH báo cáo tại Hội nghị khoa học toàn quốc chuyên ngành Sốt rét-KST-CT năm 2015			38-48	2015

44	Hiệu lực điều trị của dihydroartemisinin-piperaquin phosphate đối với sốt rét do <i>Plasmodium falciparum</i> chưa biến chứng, năm 2014	Công trình NCKH báo cáo tại Hội nghị khoa học toàn quốc chuyên ngành Sốt rét-KST-Côn trùng, năm 2015			49-57	2015
45	Hiệu lực điều trị của artemisinin đối với <i>Plasmodium falciparum</i> tại Kon Tum, năm 2014	Công trình NCKH báo cáo tại Hội nghị khoa học toàn quốc chuyên ngành Sốt rét-KST-Côn trùng, năm 2015			75-81	2015
46	Hiệu lực điều trị của Dihydroartemisinin - Piperaquin phosphate đối với sốt rét do <i>Plasmodium falciparum</i> chưa biến chứng năm 2012-2013	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST. Số Chuyên đề hội nghị khoa học- Đào tạo chuyên ngành ký sinh trùng toàn quốc lần thứ 41			20-25	2014
47	Hiệu lực của Dihydroartemisinin-Piperaquin trong điều trị sốt rét do <i>Plasmodium falciparum</i> chưa biến chứng tại Ninh Thuận và Bình Phước năm 2010-2012	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST. Chuyên đề hội nghị khoa học nghiên cứu sinh lần thứ nhất			80-88	2013
48	Anti-infective medicines quality monitoring in 9 sentinel sites of Vietnam in 2011	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		5	71-76	2013
49	Efficacy and safety of oral artesunate and dihydroartemisinin-piperaquine for the treatment of uncomplicated <i>Plasmodium falciparum</i> malaria in Binh Thuan, Ninh Thuan, Dak Lak and Gia Lai provinces, Vietnam 2011-2012.	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		5	84-89	2013
50	Hiệu lực điều trị của thuốc artemisinin đối với <i>Plasmodium falciparum</i> tại Quảng Trị 2012-2013	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		1	3-7	2014

51	Kết quả điều trị arterakin trên bệnh nhân sốt rét <i>P.falciparum</i> chưa biến chứng có giám sát điều trị trực tiếp tại 4 xã tỉnh Bình Phước	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		5	35-40	2014
52	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất Giemsa mẹ tại Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Trung ương	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		6	36-43	2013
53	Hiệu lực của arterakin trên bệnh nhân sốt rét do <i>P.falciparum</i> chưa biến chứng tại Quảng trị và Đắk Nông năm 2008-2009	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		1	33-38	2012
54	Tổng quan tình hình thuốc giả, thuốc kém chất lượng ở ngoài nước	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		3	27-36	2013
55	Hiệu lực điều trị của Dihydroartemisinin - Piperaquin trên bệnh nhân sốt rét do <i>Plasmodium falciparum</i> tại Bình Phước năm 2012-2013	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		6	44-50	2013
56	Cơ cấu thành phần loài ký sinh trùng sốt rét tại hai huyện Hướng Hóa và Đắk Krong tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2005-2007	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		1	12-21	2009
57	Điều tra tình hình nhiễm ký sinh trùng sốt rét tại ba xã thuộc huyện Nam Trà My tỉnh Quảng Nam	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		3	23-27	2009
58	Xác định thành phần loài ký sinh trùng sốt rét và muỗi <i>Anopheles</i> bằng kỹ thuật PCR ở huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.	Công trình khoa học báo cáo tại hội nghị KST toàn quốc lần thứ 38. Nxb Y học	1		162-171	2011
59	Một số đặc điểm dịch tễ bệnh sốt rét tại hai huyện Đăkrông và Hướng Hóa tỉnh Quảng Trị nghiên cứu bằng phương pháp Elisa và PCR	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		3	24-35	2011
60	Đánh giá Ký Sinh Trùng Sốt Rét kháng thuốc Sulfadoxine - pyrimethamine bằng kỹ thuật PCR với các đôi mồi đặc hiệu tại một số tỉnh vùng sốt rét lưu hành	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		4	17-26	2011

61	Phân biệt <i>P. falciparum</i> tái phát - tái nhiễm sau điều trị artesunat và arterakin	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		2	28-37	2013
62	Đánh giá sự nhạy cảm của các chủng <i>Plasmodium falciparum</i> với một số thuốc sốt rét bằng kỹ thuật Elisa	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		2	52-61	2013
63	Hiệu lực một số thuốc sốt rét có thành phần là dẫn chất của artemisinin (ACTS) trong điều trị sốt rét do <i>Plasmodium falciparum</i> chưa biến chứng tại một số vùng sốt rét lưu hành giai đoạn 2005-2012	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		6	90-96	2013
64	Một số nhận xét về bệnh nhân sốt rét ở xã Easol huyện Ea H'leo tỉnh Đắk Lắk năm 2013	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		2	49-54	2014
65	Nghiên cứu về chất lượng, sự phổ biến thuốc sốt rét và một số kháng sinh tại một số tỉnh ở Việt Nam năm 2013	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		2	75-82	2014
66	Đánh giá chất lượng thuốc chống lây nhiễm tại một số tỉnh ở Việt Nam giai đoạn từ cuối 2009-2013	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		3	42-49	2014
67	Antimalarial drugs quality monitoring in Dak Nong and Gia Lai provinces in 2014	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		6	3-10	2014
68	Genetic polymorphism of MSP1, MSP2 and Glup in <i>Plasmodium falciparum</i> isolates from Binh Phuoc province, 2013-2014	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		6	61-67	2014
69	Hiệu lực và tính an toàn của thuốc sốt rét pyramax trong điều trị bệnh nhân sốt rét do <i>P. falciparum</i> chưa biến chứng tại Gia Lai	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		1	85-90	2019
70	Hiệu lực và tính an toàn của thuốc sốt rét artesunat-pyronaridin (pyramax) trong điều trị bệnh nhân sốt rét do <i>P. falciparum</i> chưa biến chứng tại một số tỉnh có kháng thuốc sốt rét	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		3	47-53	2019
71	Khảo sát một số dấu ấn phân tử của <i>Plasmodium falciparum</i> liên quan đến gen kháng thuốc và mối liên quan đến thất bại điều trị	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		4	14-19	2019

72	Chi điểm phân tử kháng thuốc sốt rét trên các phân lập <i>P. falciparum</i> : Một nghiên cứu quan sát tại Đắk Lắk từ 2017-2020	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		2	33-43	2021
73	Đánh giá hiệu quả chống tái phát và tính an toàn phác đồ điều trị primaquin liều 0,5mg/kg/ngày x 7 ngày trên bệnh nhân sốt rét do <i>Plasmodium vivax</i> tại Bình Phước và Gia Lai năm 2019-2020	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		1	50-55	2021
74	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của viêm phổi do phế cầu ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		5	64-70	2021
75	Malaria parasite density estimation using actual and assumed white blood cell counts in <i>Plasmodium falciparum</i> infected patients	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		6	13-18	2021
76	Evaluation of hematological changes in uncomplicated <i>Plasmodium falciparum</i> malaria patients before and after artesunate-mefloquine treatment (2019-2020)	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		6	19-26	2021
77	Hiệu lực điều trị của phác đồ dihydroartemisinin-piperaquin trên 151 bệnh nhân sốt rét do <i>P. falciparum</i> chưa biến chứng, năm 2019	Tạp chí Y học quân sự		353	72-76	7-8/ 2021
78	Tình hình đề kháng kháng sinh của phế cầu và kết quả điều trị viêm phổi do phế cầu ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương	Tạp chí Nghiên cứu và Thực hành Nhi khoa	5	4	27-34	2021
79	Một số đặc điểm dịch tễ lâm sàng và yếu tố liên quan của trẻ mắc viêm phổi do phế cầu điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung ương	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		1	90-97	2022
80	Tần suất đột biến gen K13 liên quan đến kháng artemisinin của quần thể <i>P. falciparum</i> tại một số vùng sốt rét lưu hành nặng ở Việt Nam năm 2016-2018	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		3 (129)	36-43	2022
81	Hiệu lực điều trị của Dihydroartemisinin – piperaquin phosphat trên bệnh nhân nhiễm <i>Plasmodium falciparum</i> chưa biến chứng tại Bình Phước năm 2017	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		3 (129)	63-69	2022

82	Hiệu lực điều trị của Dihydroartemisinin – piperaquin phosphat trên bệnh nhân nhiễm Plasmodium falciparum chưa biến chứng giai đoạn 2016-2018	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		3 (129)	21-29	2022
83	Hiệu lực điều trị của Dihydroartemisinin - piperaquin phosphat trên bệnh nhân nhiễm Plasmodium falciparum chưa biến chứng tại Gia Lai và Đắk Lắk năm 2019	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		1	49-59	2023
84	Định loài ấu trùng giun Gnathostoma spp. từ sang thương ấu trùng di chuyển dưới da bằng sinh học phân tử	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		1	86-95	2023
85	Hiệu quả điều trị hai phác đồ thuốc albendazole và ivermectin trong điều trị bệnh nhân mắc ấu trùng giun đầu gai Gnathostoma spp.	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		2	38-55	2023
86	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng trên bệnh nhân nhiễm ấu trùng Gnathostoma spp. tại Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Quy Nhơn	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		2	56-68	2023
87	Chỉ điểm phân tử gen Kelch13 và Plasmodium falciparum multi-drug Resistance gene-1 (Pfmrdr-1) liên quan kháng thuốc Artesunate-Mefloquine trên quần thể Plasmodium falciparum tại Đắk Lắk	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh KST		2	69-82	2023
88	Hiệu lực và tính an toàn của Pyronaridine-Artesunate trong điều trị bệnh nhân sốt rét Plasmodium falciparum không biến chứng tại Gia Lai, năm 2021-2023	Tạp chí Y dược học Cần Thơ		78	134-140	2024
89	Đánh giá hiệu quả chống tái phát của phác đồ primaquin 7 ngày liều 0,5mg/kg/ngày trên bệnh nhân sốt rét do Plasmodium vivax tại huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu năm 2022-2023	Tạp chí Y Dược Huế		Đặc biệt: Hội nghị KST lần thứ 50	115-120	4/2024

3. Hướng dẫn Nghiên cứu sinh làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng	Trách nhiệm	Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Năm đã bảo vệ
----	--------------------	-----------	-------------	---------------------	---------------	---------------

		NC S	HV	Chính	Phụ	từđến.....		
1	Đỗ Mạnh Hà		x	x		2009 – 2011	Học Viện Quân Y	2011
2	Đinh Sơn Hà		x	x		2010 – 2012	Trường Đại học Y Hà Nội	2012
3	Nguyễn Thị Huyền Trang		x		x	2012 – 2014	Trường Đại học Dược Hà Nội	2014
4	Huỳnh Quốc Phòng		x	x		2018-2019	Trường đại học Y Tây Nguyên	2019
5	Vũ Thị Sang		x		x	2023-2025	Trường Đại học y tế Công cộng	2025
5	Nguyễn Văn Tuấn	x		x		2011 – 2015	Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương	2015
6	Quách Ái Đức	x			x	2011-2015	Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương	2016
7	Nguyễn Văn Hồng	x			x	2014 – 2016	Viện Y học nhiệt đới Bi (ITM)	2017
8	Nguyễn Đăng Quyết	x			x	2015- 2019	Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương	2022
9	Đỗ Mạnh Hà	x		x		2016-2020	Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương	2023
10	Đào Duy Khánh	x		x		2017- 2021	Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương	2023
11	Nguyễn Thị Thu Trang	x			x	2022-2026	Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương	
12	Phạm Minh Quân	x			x	2023 -2027	Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương	
13	Nguyễn Thị Hương Giang	x			x	2023 -2027	Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương	
14	Nguyễn Thanh Tùng					2024-2028	Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương	

4. Viết sách

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phần biên soạn	Thẩm định, xác nhận sử dụng của CSGDDH
1	Thực hành ký sinh trùng và côn trùng y học (Sách giảng dạy đại học)	GT	Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân	07	CB: 334-344	Học viện Quân Y
2	Cẩm nang kỹ thuật phòng chống bệnh sốt rét	TK	Nhà xuất bản Y học năm 2011	12	CB: 11-28, 57-106	Trường đại học Y Dược Hải Phòng
3	Thực hành ký sinh trùng	GT	Nhà xuất bản Y học năm 2015	10	CB: 265-287	Trường đại học Y Dược Hải Phòng
4	Cảnh giác dược	TK	Nhà xuất bản Y học-2015	20	CB: 265-290	Trường đại học Dược Hà Nội
5	Cẩm nang hướng dẫn sử dụng thuốc điều trị sốt rét	CK	Nhà xuất bản Thanh Niên-2016	07	CB: 11-24, 32-62, 131-140, 165-181	Trường Đại học Dược Hà Nội

Xác nhận của cơ quan chủ quản

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2025

Người khai



Bùi Quang Phúc

nhiễm HIV; Dịch tễ học can thiệp, đánh giá hiệu quả chương trình can thiệp, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone, Buprenorphine.

13.2 Nghiên cứu về dịch tễ học, dịch tễ học thực địa, giám sát, can thiệp phòng, chống bệnh Sốt rét, Ký sinh trùng, Côn trùng, vật chủ trung gian truyền bệnh cho người. Từ đó đề xuất các biện pháp phòng, chống.

1.3.3 Nghiên cứu về dịch tễ học, dịch tễ lâm sàng các bệnh truyền nhiễm, các bệnh nhiệt đới, nhiễm trùng bệnh viện và dịch bệnh tại cộng đồng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn thành công 6 học viên Cao học, Bác sỹ nội trú, Bác sỹ CK II.
- Đang tham gia hướng dẫn 7 NCS thực hiện luận án Tiến sỹ về chuyên ngành Dịch tễ học, Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới, Y tế công cộng.
- Tham gia giảng viên thỉnh giảng tại Viện Sốt rét, ký sinh trùng côn trùng Trung ương và một số cơ sở đào tạo.
- Tham gia các hội đồng, hướng dẫn thạc sỹ, nghiên cứu sinh tại cơ sở giáo dục sau đại học như: Đại học y tế công cộng, Đại học y Hà Nội, Học viện Quân y, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:
 - + Là chủ nhiệm và đã hoàn thành, nghiệm thu 05 đề tài cấp Viện.
 - + Đồng chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, Thành viên tham gia 02 đề tài cấp Bộ.
- Là điều phối viên, Chuyên gia tư vấn cho các dự án của tổ chức Quỹ toàn cầu, CDC Hoa Kỳ, Path và tổ chức USAID...
- Đã công bố 69 bài báo khoa học, trong đó có 13 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín, trong đó 4 bài báo là tác giả chính đăng trên các tạp chí quốc tế (ISI và Scopus). Có 56 bài báo đăng trên các tạp chí có uy tín trong nước (trong đó 12 bài báo là tác giả chính).
- Số lượng sách đã xuất bản 9 cuốn;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không có

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
Huân chương lao động hạng Ba	Quyết định số 2123/QĐ-CTN ngày 30/11/2020 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống HIV/AIDS
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2011, 2016	Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 06/01/2011; và số 374/QĐ-TTg ngày 10/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ.
Kỷ niệm chương vì sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân 2012	
Chiến sỹ thi đua cấp sơ sở, cấp Bộ nhiều năm	
Bằng khen Bộ trưởng Bộ Y tế: 2011, 2012, 2013, 2014, 2016, 2018, 2019, 2024	
Bằng khen Trung ương đoàn TNCS HCM, bằng khen UBND Thành phố Hồ Chí Minh, bằng khen UBND tỉnh Lai Châu.	

16. Kỳ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Sau khi tốt nghiệp Đại học y khoa, tôi đã công tác tại Sở y tế Hà Tĩnh, Cục Phòng chống HIV/SAIDS, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Bộ Y tế. Công việc của tôi liên quan nhiều đến công tác nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật mới trong quản lý, triển khai các chương trình y tế, phòng chống dịch HIV/AIDS, điều trị nghiện ma túy, phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét, phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng, giun, sán, phòng chống các bệnh dịch do côn trùng truyền như sốt xuất huyết Dengue.

Sau khi tốt nghiệp Tiến sỹ, tôi vừa tham gia nghiên cứu khoa học, vừa tham gia đào tạo, hướng dẫn luận văn thạc sỹ, bác sỹ nội trú, bác sỹ chuyên khoa cấp II, tiến sỹ các chuyên ngành y tế công cộng, dịch tễ học và quản lý y tế tại các cơ sở Học viện Quân y, trường Đại học y Hà Nội, trường Đại học y tế công cộng, và Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương. Đến nay tôi đã hướng dẫn thành công 6 học viên cao học, bác sỹ nội trú, bác sỹ chuyên khoa cấp II và đang hướng dẫn 7 nghiên cứu sinh tại các cơ sở đào tạo.

Tôi luôn có ý thức tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức của người thầy thuốc, thầy giáo và của người làm công tác nghiên cứu khoa học. Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi kiến thức, cầu tiến, cập nhật kiến thức chuyên môn, phương pháp

giảng dạy, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ để có thể cập nhật kịp thời xu hướng mới, sự phát triển của ngành Dịch tễ học, Y tế công cộng và Ký sinh trùng y học.

Tham gia công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, tôi luôn ý thức lấy người học làm trung tâm, thực hiện giảng dạy theo đúng mục tiêu, nguyên lý giáo dục tích cực, thực hiện đầy đủ số lượng giờ giảng và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo, thực hiện đúng các nội quy, quy chế của các cơ sở đào tạo. Tôn trọng và đối xử công bằng với học viên, bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng của học viên/sinh viên.

Trong công tác quản lý với vai trò là Phó Cục trưởng Cục Phòng chống HIV/AIDS và Viện Trưởng Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, bản thân luôn phát huy tinh thần đoàn kết, gương mẫu, là hạt nhân kết nối hợp tác với các đồng nghiệp trong và ngoài cơ quan, luôn cầu thị, học hỏi Thầy, cô và đồng nghiệp, tận tình hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm.

Những kết quả trong nghiên cứu, giảng dạy và quản lý những năm qua là nền móng quan trọng giúp tôi tự tin và tiếp thêm động lực để tiếp tục sự nghiệp giảng dạy, nghiên cứu.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: trên 8 năm tham gia đào tạo.
- Tóm tắt 6 năm, trong đó có 3 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT thâm niên	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/BSNT/ CK2 đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận TN ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020	1					97,5	97,5/137,5/135
2	2020-2021	1		1 HD chính			67,5	67,5/137,5/135
3	2021-2022	2		Đồng HD			67,5	67,5/167,5/135
3 năm cuối								
5	2022-2023	2	2				75	75/175/140
6	2023-2024	2	4	Đồng HD BSCK2			75	75/252,5/140
7	2024-2025	1	4				75	75/195/140

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ☐ ThS ☐ hoặc luận ☐ án TS hoặc TSKH; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ... số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ): Chứng chỉ tiếng Anh B2, tiếng Nga B.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

4.1 Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
I	Đối tượng Thạc sỹ/BSNT/CK2							
1	Nguyễn Thị Hồng Thu		X		X	2016-2017	Trường Đại học y Hà Nội	3/10/2017 A175104

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BS NT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
2	Trần Thọ Hoàng		X	X		2017-2019	Trường Đại học y tế công cộng	22/4/2019 A216607 YTCC.2019.1 10
3	Nguyễn Hồng Hải		X	X		2017-2019	Trường Đại học y Hà Nội	16/12/2019 2001134 0542-Ths/2019
4	Đào Vũ Hoàng		X	X		2019-2021	Trường Đại học y Hà Nội	08/3/2022 YHN2 003937
5	Nguyễn Thị Thu Phương		X		X	2020-2022	Trường Đại học y Hà Nội	28/2/2022 YHN2003561
6	Nguyễn Cảnh Toàn		X	X		2022-2023	Trường Đại học y tế Công cộng	30/1/2024 Số QĐ 64/QĐ- ĐHYTCC
II Đối tượng NCS								
1	Trịnh Lê Nam	X		X		2021-2024	Học viện Quân y	Đã có quyết định bảo vệ cấp cơ sở
2	Lê Quốc Tuấn	X		X		2019-2023	Viện Sốt rét - KST- CT Trung ương	Chưa tốt nghệp
3	Nguyễn Thị Huyền Anh	X			X	2022-2025	Viện Sốt rét - KST- CT Trung ương	Chưa tốt nghệp
4	Nguyễn Văn Bình	X			X	2022-2025	Viện Sốt rét - KST- CT Trung ương	Chưa tốt nghệp
5	Dương Đình Phùng	X		X		2023-2025	Viện Sốt rét - KST- CT Trung ương	Chưa tốt nghệp
6	Trần Đức Trọng	X			X	2023-2025	Viện Sốt rét - KST- CT Trung ương	Chưa tốt nghệp

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BS NT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
7	Võ Trọng Hoàng	X		X		2024-2025	Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương	Chưa tốt nghiệp

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
II Sau khi được công nhận TS							
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	GT	NXB Y học, năm 2023	17	Đồng chủ biên		Quyết định số 569/QĐ-VSR, ngày 28/7/2023
2	Thống kê y sinh học ứng dụng	GT	NXB Y học, năm 2023	14	Đồng chủ biên		Quyết định số 431/QĐ-VSR, ngày 19/6/2023
3	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm	GT	NXB Y học, năm 2023	27	Chủ biên		Quyết định số 569/QĐ-VSR, ngày 28/7/2023
4	Tài liệu đào tạo quản lý điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV	TK	NXB Y học, năm 2020	21	Chủ biên		Quyết định số 294/QĐ-XBYH, ngày 03/09/2020
5	Quy trình xét nghiệm chuẩn sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng tập 9	TK	NXB Y học, năm 2020	8	Chủ biên		Quyết định số 384/QĐ-XBYH, ngày 22/12/2022
6	Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS	TK	NXB Y học, năm 2015	17	Tham gia		Quyết định số 53/QĐ-YH, ngày 27/02/2015

7	Hướng dẫn can thiệp lâm dụng ma túy tổng hợp dạng amphetamine	TK	NXB Hồng Đức, năm 2019	12	Tham gia	Quyết định số 419/QĐ-NXBHD, ngày 17/7/2019
8	Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	CK	Nhà Xuất bản y học, năm 2013			Quyết định số 168/QĐ-XBYH, ngày 15/6/2013
9	Dịch tễ học ký sinh trùng y học	GT	Nhà Xuất bản y học, năm 2025			Quyết định số 267/QĐ-VSR, ngày 10/4/2025

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình, dự án, đề tài,...)	Trách nhiệm (CN, PCN, TK)	Mã số, cấp quản lý	Quyết định giao nhiệm vụ (số, ngày tháng)	Thời gian thực hiện	Văn bản nghiệm thu (văn bản, số, xếp loại)
1	Đánh giá thực trạng muỗi Anopheles và các biện pháp phòng chống véc tơ sốt rét tại Quảng Trị và Gia Lai, năm 2023	Chủ nhiệm	Cấp Viện	Quyết định Số: 496/QĐ-VSR, Ngày 07/7/2023	2023	Đã nghiệm thu tại Quyết định số 443/QĐ-VSR ngày 17/6/2024) Xếp loại Xuất sắc
2	Đánh giá khả năng phát hiện ký sinh trùng sốt rét bằng kính hiển vi, tets chẩn đoán nhanh so với Real time PCR và năng lực kỹ thuật viên xét nghiệm tại huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu và huyện	Chủ nhiệm	Cấp Viện	Quyết định Số: 554/QĐ-VSR ngày 24/7/2023	2023	Đã nghiệm thu tại Quyết định số 203/QĐ-VSR ngày 29/3/2024. Xếp loại: Khá

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình, dự án, đề tài,...)	Trách nhiệm (CN, PCN, TK)	Mã số, cấp quản lý	Quyết định giao nhiệm vụ (số, ngày tháng)	Thời gian thực hiện	Văn bản nghiệm thu (văn bản, số, xếp loại)
	Krông Pa, tỉnh Gia Lai năm 2023					
3	Đánh giá thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm giun truyền qua đất ở phụ nữ tuổi sinh sản tại Bắc Giang, Lai Châu, Phú Thọ và Quảng Ninh năm 2023	Chủ nhiệm	Cấp Viện	Quyết định Số: 533/QĐ-VSR Ngày 20/7/2023	2023	Đã nghiệm thu tại Quyết định số 159/QĐ-VSR ngày 14/3/2024. Xếp loại: Xuất sắc
4	Đánh giá thành phần loài, phân bố mật bụi nhà tại Hà Nội, Quảng Ninh và tối ưu hóa quy trình nhân nuôi trong phòng thí nghiệm	Chủ nhiệm	Cấp Viện	Quyết định Số 447/QĐ-VSR ngày 17/6/2024	2024	Đã nghiệm thu tại Quyết định số 202/QĐ-VSR ngày 21/3/2025 Xếp loại: Xuất sắc
5	Đánh giá thực trạng muỗi Anopheles và hiệu quả biện pháp truyền thông phòng chống bệnh sốt rét tại huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu năm 2024	Chủ nhiệm	Cấp Viện	Quyết định Số: 444/QĐ-VSR Ngày 17/6/2024	2023	Đã nghiệm thu tại Quyết định số 201/QĐ-VSR ngày 21/3/2025 Xếp loại Khá
6	Đánh giá bước đầu triển khai thí điểm điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone tại thành phố Hải	Tham gia thành viên	Cấp Bộ	Quyết định Số: 4388/QĐ-BYT Ngày 17/8/2007	2007-2008	Đã nghiệm thu tại Quyết định Số: 1365/QĐ-BYT Ngày 10/5/2011

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình, dự án, đề tài,...)	Trách nhiệm (CN, PCN, TK)	Mã số, cấp quản lý	Quyết định giao nhiệm vụ (số, ngày tháng)	Thời gian thực hiện	Vấn bản nghiệm thu (văn bản, số, xếp loại)
	Phòng và thành phố Hồ Chí Minh					Xếp loại Khá
7	Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực của các trung tâm phòng, chống AIDS tuyến tỉnh	Tham gia thành viên	Cấp Bộ	Quyết định Số: 4388/QĐ-BYT Ngày 8/11/2007	2007-2008	Đã nghiệm thu Ngày 31/12/2008 Xếp Mức B
8	Đánh giá hiệu quả mô hình thí điểm cấp thuốc Methadone nhiều ngày tại Điện Biên, Lai Châu và Hải Phòng năm 2022	Đồng Chủ nhiệm	Cấp Bộ		2023	Đã nghiệm thu Xếp loại Khá

Các nhiệm vụ khoa học đang thực hiện

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu, (năm)/Xếp loại
1	Nghiên cứu đánh giá tính khả thi việc sử dụng Tafenoquine và xét nghiệm G6PD trong điều trị tiết căn nhiễm ký sinh trùng sốt rét <i>Plasmodium vivax</i> tại Việt Nam	Đồng chủ nhiệm	Hợp tác quốc tế PATH Tài trợ	2023-2025	Chưa nghiệm thu

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Q)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
I Trước khi được công nhận Tiến sỹ								
1.	Bước đầu đánh giá hiệu quả mô hình thí điểm điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tại thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng (2009 – 2011).	3	x	Y học thực hành	Print ISSN 0868-3735		Tập 129, số 3	2013
2.	Giám sát trọng điểm HIV lồng ghép câu hỏi hành vi: kết quả thử nghiệm bước tiếp cận mới của hệ thống giám sát HIV ở Việt Nam	18		Tạp chí Y học dự phòng			Tập XXII, số 8, trang 53-59	2012
3.	Tỷ lệ nhiễm HIV và hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV trong nhóm phụ nữ bán dâm qua kết quả giám sát trọng điểm HIV lồng ghép hành vi năm 2012.	10		Y học thực hành	Print ISSN 2354-080X		Tập XXIII Số 6 (142)	2013
4.	Một số đặc điểm của người nghiện ma túy (các chất dạng thuốc phiện) trước khi tham gia điều trị Methadone tại thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.	2	x	Tạp chí Y học dự phòng (VJPM)			Tập 140 Số 4	2013
II Sau khi được công nhận Tiến sỹ								
5.	HIV and AIDS related knowledge and attitude of residents in border regions of Vietnam	16	X	Harm Reduction Journal	ISI, IF = 4.0, Q1		16(1): 1-9	07/01/2019
6.	A vulvovaginal Yeast Infection Caused by <i>Cryptococcus victorae</i> in Vietnam: A Rare Case Report.	8	X	Journal of Investigative Medicine High	ISI, IF = 0.9, Q3		12	12/01/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
				Impact Case Reports				
7.	Prevalence and risk factors of fish-borne zoonotic trematode infections in a rural community: A cross-sectional study in the Red River Delta of Vietnam.	8	X	Journal of Public Health Research	ISI, IF = 1.6, Q2		14(2): 1-9	12/6/2025
8.	Prevalence, associated factors and etiologic agents of oral candidiasis among HIV-Positive patients in a Vietnamese general hospital.	5	X	Current Medical Mycology	Scopus, IF = 1.29, Q3		10: 1-6	08/06/2025
9.	Stigmatization among methadone maintenance treatment patients in mountainous areas in northern Vietnam	11		Harm Reduction Journal	ISI, IF = 4.0, Q1		14(1): 1-7	06/01/2017
10.	Psychological Distress Among Methadone Maintenance Patients in Vietnamese Mountainous Areas	11		AIDS and Behavior	ISI, IF = 2.7, Q1		21	11/2017
11.	Quality of life and healthcare service utilization among methadone maintenance patients in the mountainous area of Northern Vietnam	12		Health and Quality of Life Outcomes	ISI, IF = 3.2, Q1		15: 1-9	20/4/2017
12.	Ability to join the workforce and work productivity among drug users under methadone maintenance treatment	10		BMJ Open	ISI, IF = 2.9, Q1		7(7)	26/7/2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc ký yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Q)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
	in a mountainous area of Northern Vietnam: a cross - sectional study							
13.	Sexual behaviors among methadone maintenance patients in a mountainous area in northern Vietnam	13		Substance Abuse Treatment, Prevention, and Policy	ISI, IF = 3.0, Q1		12: 1-7	25/8/2017
14.	Alcohol and tobacco use among methadone maintenance patients in Vietnamese rural mountainous areas	16		Addictive Behaviors Reports	ISI, IF = 3.54, Q1		7: 19-25	20/11/2017
15.	Concurrent drug use among methadone maintenance patients in mountainous areas in northern Vietnam	13		BMJ Open	ISI, IF = 2.9, Q1		8(3)	22/3/2018
16.	Increases in both HIV and syphilis among men who have sex with men in Vietnam: Urgent need for comprehensive responses	10		International Journal of STD & AIDS	ISI, IF = 1.4, Q2		32(14)	14/8/2021
17.	Trầm cảm ở người bệnh điều trị Methadone và Buprenorphine tại một số tỉnh miền núi phía bắc Việt Nam: Tỷ lệ và các yếu tố liên quan	7		Tạp chí Nghiên cứu y học	Print ISSN 0868-3753		Số 7	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Q)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
18.	Đánh giá hiệu lực diệt của chế phẩm Fludora Co-max Insecticide phun mù nóng và phun mù lạnh (ULV) diệt muỗi <i>Aedes aegypti</i> kháng hóa chất nhóm pyrethroid tại thực địa huyện Bạc Liêu.	4		Tạp chí PC Bệnh sốt rét và các bệnh KST (JMPDC)	Print ISSN 0868-3735		Tập 130, Số 4	2022
19.	Kết quả điều trị và một số yếu tố tiên lượng kết quả điều trị bắc cầu ở bệnh nhân nhồi máu não cấp do tắc mạch lớn tuần hoàn trước	4	x	Tạp chí PC Bệnh sốt rét và các bệnh KST (JMPDC)	Print ISSN 0868-3735		Tập 130, Số 4 (trang 147-156)	2022
20.	Changes in mosquitoes populations at some sites in Hanoi 2020-2021	5		Tạp chí PC Bệnh sốt rét và các bệnh KST (JMPDC)	Print ISSN 0868-3735		Tập 132, Số 6 (trang 160-170)	2022
21.	Bản đồ phân bố muỗi, bọ gây <i>Aedes aegypti</i> , <i>Aedes albopictus</i> và trường hợp bệnh sốt xuất huyết Dengue tại Hà Nội, giai đoạn 2018 – 2020.	3		Tạp chí PC Bệnh sốt rét và các bệnh KST (JMPDC)	ISSN 2815 - 6161		Số 2(134), Trang 29-37	2023
22.	Chỉ số muỗi, bọ gây và mức độ nhạy cảm của muỗi <i>Aedes aegypti</i> và <i>Aedes albopictus</i> với hóa chất diệt côn trùng tại 12 tỉnh Miền Bắc, năm 2022	3		(Tạp chí PC Bệnh sốt rét và các bệnh KST (JMPDC)	ISSN 2815 - 6161		Số.2(134) Trang 3-14	2023
23.	Một số nguồn lực và hoạt động của bệnh viện Đặng Văn Ngữ giai đoạn 2020 – 2022	4		Tạp chí Y học dự phòng			Tập. 33, Số 1	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Q1)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
24.	Phân tích một số yếu tố liên quan đến tình trạng nặng của bệnh nhiễm khuẩn huyết ở trẻ sơ sinh đủ tháng tại Bệnh viện Nhi Trung ương 2020	2		Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)			Số 64 (6), 197-202	2023
25.	Xác định các chỉ số miễn dịch ở trẻ sơ sinh đủ tháng nhiễm khuẩn huyết tại Bệnh viện Nhi Trung ương	2		Tạp chí Y học cộng đồng	ISSN 2354-0613		Tập 64 (trang 203-209)	2023
26.	Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng và chẩn đoán hình ảnh gãy liên mấu chuyển xương đùi ở bệnh nhân cao tuổi được thay khớp háng bán phần chuỗi dài không xi măng tại bệnh viện đa khoa thành phố Vinh	5		Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 64(6) Trang. 210-216	2023
27.	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến tiên lượng bệnh nặng ở trẻ em mắc ho gà điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung ương (2019 -2020)	2		Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Vol 65 Số 1, 259-267	2023
28.	Biến động thành phần loài và mức độ nhạy cảm với hóa chất diệt côn trùng của muỗi truyền bệnh sốt rét tại điểm cố định thuộc huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu năm 2022	8		Báo cáo KH tại Hội nghị Côn trùng học Quốc Gia lần thứ 11			Hội Côn trùng học Việt Nam, 623 - 635	2023
29.	Mật độ, tập tính đốt máu, máu vật chủ và độ nhạy cảm của muỗi <i>Anopheles</i> (Diptera: Culicidae) tại	4		Báo cáo KH tại Hội nghị Côn trùng học			Hội Côn trùng học	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, QI)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
	Xã Pa Vệ Sù (Mường Tè, Lai Châu) năm 2022			học Quốc Gia lần thứ 11			Việt Nam, 613 - 622	
30.	Distribution of malaria vector in Vietnam, From 2011 to 2021	4		Báo cáo KH tại Hội nghị Côn trùng học Quốc Gia lần thứ 11			Hội Côn trùng học Việt Nam, 582 - 592	2023
31.	Danh mục các loài đỉn (Diptera: eratopogonidae) đã phát hiện ở Việt Nam	8		Báo cáo KH tại Hội nghị Côn trùng học Quốc Gia lần thứ 11			Hội Côn trùng học Việt Nam, 573 – 592	2023
32.	Hiệu lực phác đồ Cloroquin trong điều trị sốt rét <i>Plasmodium vivax</i> tại huyện Krong Pa, tỉnh Gia Lai (2018-2020)	4		Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 65 (2), 224-231	2023
33.	Đánh giá sốt rét do <i>Plasmodium vivax</i> kháng với Chloroquine thông gia do nồng độ thuốc Chloroquine và chất chuyển hóa Desethylchloroquine bằng phương pháp sắc ký khí lỏng ghép khối phổ	4		Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 64 (Số đặc biệt HNKH) 50-58	2023
34.	Mô tả một số yếu tố liên quan đến tiên lượng kết quả phẫu thuật thay khớp háng toàn phần ở bệnh	4		Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 65(5) 133-139	2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Q1)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
	nhân thoái hóa vô khuẩn chòm xương đùi điều trị tại bệnh viện đa khoa TTH Hà Tĩnh (2022-2023)							
35.	Xác định một số yếu tố liên quan nhiễm nấm da, niêm mạc ở người dân khám bệnh da liễu tại bệnh viện phong da liễu trung ương Quy Hòa	2	x	Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 64, Số đặc biệt (HNKH) 67-73	2023
36.	Nghiên cứu tỷ lệ thành phần loài nấm <i>Candida</i> spp ở da niêm mạc trên người đến khám tại bệnh viện phong da liễu Quy Hòa	2	x	Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 64, (Số đặc biệt - HNKH) 74-85	2023
37.	Các yếu tố liên quan đến chất lượng cuộc sống ở bệnh nhân suy thận mạn giai đoạn cuối tại bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An (2021)	3		Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 64, (Số đặc biệt - HNKH) 86-92	2023
38.	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan giữa rối loạn Lipid máu với một số đặc điểm của bệnh nhân tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại bệnh viện đa khoa thành phố Vinh - Nghệ An (2021)	3		Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 64(2), 93-101	2023
39.	Xác định độ nhạy cảm của 1 số thuốc điều trị với <i>Canida</i> spp ở da, niêm mạc trên người bệnh điều trị tại bệnh viện Phong da liễu Trung ương Quy Hòa	2	x	Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 64(3), 141-147	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Q1)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
40.	Phân tích ảnh hưởng của đột biến gen K13 của <i>Plasmodium falciparum</i> đến nồng độ IC50 với một số thuốc điều trị sốt rét trên In vitro tại Gia Lai	2		Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 64(3), 155-161	2023
41.	Xác định độ nhạy cảm với kháng sinh điều trị viêm phổi do phế cầu khuẩn ở trẻ em điều trị tại bệnh viện nhi trung ương 2020	2		Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 64(3), 175-183	2023
42.	Nghiên cứu hiệu quả can thiệp truyền thông giáo dục sức khỏe phòng chống cận thị ở học sinh trung học cơ sở tại thị xã Hoàng Mai, Nghệ An (2019-2020)	3		Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 64(2), 121-128	2023
43.	Phân tích kết quả một số chỉ số huyết học miễn dịch ở trẻ sơ sinh đủ tháng nhiễm khuẩn huyết tại bệnh viện Nhi Trung ương 2020	2		Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 64(5), 201-208	2023
44.	Đánh giá sự thay đổi cơ cấu ký sinh trùng sốt rét <i>Plasmodium</i> spp. Tại huyện Krong Pa, Gia lai trong 10 năm (2010-2019)	4		Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 64(1), 152-159	2023
45.	Tính ưa thích vật chủ và vai trò truyền bệnh của véc tơ sốt rét tại khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk năm 2020-2021	4		Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 64(4), 1-8	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Q)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
46.	Đặc điểm kiểu gen của <i>Chlamydia trachomatis</i> phân lập được ở phụ nữ vô sinh khám và điều trị tại bệnh viện Phụ sản Trung ương (2020-2021)	3	x	Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 65(4), 124-130	2024
47.	Đánh giá kết quả điều trị bệnh nhi mắc ho gà tại Bệnh viện Nhi Trung ương (2019-2020)	3	x	Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số.65 (4) 267-274	2024
48.	Xác định một số đặc điểm kiểu gen kháng macrolid của vi khuẩn <i>Bordetella pertussis</i> gây bệnh ho gà ở trẻ em điều trị tại bệnh viện Nhi Trung ương	2		Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số.65 (2) 1-7	2024
49.	Prevalence, risk factors and genotyping of <i>Chlamydia trachomatis</i> from endocervical specimens of infertile women at a tertiary care hospital, Vietnam	8		International Journal of STD & AIDS	ISI, IF = 1.4, Q2		35(6)	31/1/2024
50.	Hiệu biết và thực hành phòng chống véc tơ truyền bệnh sốt rét tại xã Chư Răm, huyện Krong Pa, tỉnh Gia Lai	2	x	Tạp chí Y học dự phòng	Print ISSN 0868-2836		Vol.34(4), pp:91-97	2024
51.	Đánh giá tương quan giữa sự phát triển của các quần thể muỗi Anopheles với các yếu tố nhiệt độ, lượng mưa và độ ẩm ở huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	10		Tạp chí PC Bệnh sốt rét và các bệnh KST (JMPDC)	Print ISSN 2815-6161		Số 4(142), Trang 11-18	2024
52.	Thành phần, mật độ và độ nhạy cảm của muỗi	10		(Tạp chí PC Bệnh	Print ISSN		Số 4(142),	2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, QI)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
	Anopheles với hóa chất diệt côn trùng tại huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, năm 2023.			sốt rét và các bệnh KST (JMPDC)	2815-6161		Trang 3-10	
53.	Thực trạng ngủ màn của người dân và hiệu lực tồn lưu của màn Yorkool với véc tơ sốt rét tại xã Chư RCầm, huyện Krong Pa, tỉnh Gia Lai năm 2023.	5		(Tạp chí PC Bệnh sốt rét và các bệnh KST (JMPDC)	Print ISSN 2815-6161		Số 5(143), Trang 3-10	2024
54.	Kiến thức và thực hành phòng bệnh sốt rét của người dân xã A Dơi, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, năm 2023	8	x	Tạp chí PC Bệnh sốt rét và các bệnh KST (JMPDC)	Print ISSN 2815-6161		Số 2(140), Trang 22	2024
55.	Nghiên cứu thành phần loài, tập tính đốt máu của ruồi vàng (Simuliidae) và một số ảnh hưởng đến con người do ruồi vàng đốt ở huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.	9	x	Tạp chí Y Dược Huế	Print ISSN 3030-4318		Số đặc biệt báo cáo tại HNKST toàn quốc lần thứ 50	2024
56.	Điều tra thành phần loài, phân bố vật chủ của mò (Trombiculidae) tại huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái năm 2023	9		Tạp chí Y dược Huế	Print ISSN 3030-4318		Số đặc biệt báo cáo tại HNKST toàn quốc lần thứ 50	2024
57.	Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng hoại tử vô khuẩn chòm xương đùi ở người bệnh điều trị tại bệnh	4		Tạp chí Y học cộng đồng			Số 65(7), trang 283-290	2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
	viện đa khoa TTH Hà Tĩnh (2022 -2023)							
58.	Đánh giá kết quả điều trị thay khớp háng toàn phần ở người bệnh hoại tử vô khuẩn chỏm xương đùi điều trị tại bệnh viện đa khoa TTH Hà Tĩnh (2022-2023)	4		Tạp chí Y học cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Số 65 (7) Special 291-296	2024
59.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm sán lá gan nhỏ <i>Clonorchis sinensis</i> trên người tại xã Yên Lộc, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (2018-2020)	4		Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1859-1868		Tập 538, Số 2	2024
60.	Mô tả thực trạng và một số yếu tố liên quan đến sán lá gan nhỏ <i>Opisthorchis viverrini</i> trên người tại xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (2018-2019)	4		Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1859-1868		Tập 538, Số 2	2024
61.	Nghiên cứu chế tạo kit Lamp chẩn đoán sán lá gan nhỏ <i>Clonorchis sinensis</i> nhiễm trên người	4		Tạp chí Y học dự phòng (VJPM)			Tập 66, số 5	2024
62.	Báo cáo ca bệnh: Bệnh nhi mắc bệnh sán dây Hymenolepiasis tại Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương	7		Tạp chí Y học cộng đồng			Tập 66, Special Issue 3, trang 13-16.	2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, QI)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
63.	Thành phần loài, phân bố, tập tính đốt môi và vai trò y học của ruồi vàng (<i>Dipteria simuliidae</i>) ở huyện Mường Nhé tỉnh Điện Biên, năm 2024	9		Tạp chí Y học Cộng đồng			Tập 66, Special Issue 3, trang. 41-47.	2025
64.	Thành phần loài, phân bố muỗi Anopheles và hoạt động đốt môi của véc tơ sốt rét tại xã Pa vệ sù và Tá bạ, huyện Mường Tè, Lai Châu năm 2024.	4		Tạp chí Y học cộng đồng			Số 66(3), Special Issue 3, trang. 84-89.	2025
65.	Nhân nuôi mặt bụi nhà Dermatophagoides farinae trong phòng thí nghiệm	6		Tạp chí Y học cộng đồng			Tập 66, Special Issue 3, trăn. 97-101	2025
66.	Kiến thức, thực hành phòng chống sốt xuất huyết Dengue và một số yếu tố liên quan của người dân tại Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, năm 2023	5	x	Tạp chí Y học cộng đồng			Số 66(3), Special Issue 3, trang 123 - 127.	2025
67.	Đặc điểm sử dụng chất và một số yếu tố liên quan của người bệnh tham gia chương trình thí điểm cấp thuốc Methadone nhiều ngày tại Điện Biên, Lai Châu và Hải Phòng năm 2022	8		Tạp chí Y học Dự phòng			Tập 34, số 2 phụ bản, trang 79-88.	2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
68.	Chất lượng cuộc sống và một số yếu tố liên quan của người bệnh tham gia chương trình cấp thuốc Methadone nhiều ngày tại Điện Biên, Lai Châu và Hải Phòng năm 2022	9		Tạp chí Y học Việt Nam			Tập 539 tháng 6, số chuyên đề, trang 341-348	2024
69.	Đặc điểm bệnh nhân điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Buprenorphine và Methadone tại ba tỉnh miền núi phía bắc năm 2019.	5		Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 0868-2836		Tập. 501, số (1), Tr.106 -110	2021

- Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học: **69 bài báo** (tại cuốn 2), trong đó

+ **13 bài báo quốc tế**; thể hiện ở 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 49. Trong đó có **04 bài báo quốc tế** ứng viên là tác giả chính bài báo quốc tế trong danh mục ISI/Scopus 5, 6, 7, 8.

+ **56 bài báo khoa học trong nước** trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước; Trong đó **12 bài ứng viên** là tác giả chính thể hiện ở 1, 4, 19, 35, 36, 39, 46, 47, 50, 54, 55, 66.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề ☐ xuất CTKH để thay thế hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 1 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03CTKH ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Đình Cảnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT BỎ NHIỆM
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

1. Họ và tên người đăng ký: Hoàng Đình Cảnh

2. Ngày tháng năm sinh: 02/02/1970

3. Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

4. Đảng viên Đảng CSVN: ☒

5. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Thạch Khê, tỉnh Hà Tĩnh

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh/thành phố): Căn hộ 1506, chung cư N03T6, khu ngoại giao đoàn, phường Xuân Tảo, Thành phố Hà Nội.

7. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương. Số 34 đường Trung Văn, phường Đại Mỗ, TP Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 0989.613.999; Điện thoại di động: 0989.613.999; Email: hoangcanh0202vn@gmail.com

8. Cơ quan công tác, chức vụ hiện nay:

Chức vụ: Viện trưởng

Cơ quan công tác: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương

Địa chỉ cơ quan: Số 34 đường Trung Văn, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (024) 3 854 4326

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương; Đại học Y tế Công cộng, Đại học Y Hà Nội, Học Viện Quân y.

9. Hệ số lương hiện hưởng: Bạc 3/8 hệ số hưởng 7,28

10. Đã được công nhận chức danh GS/PGS ngày 19 tháng 11 năm 2025, ngành: Y Học

(Gửi kèm bản phô tô công chứng giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chức danh)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đăng ký xét bổ nhiệm chức danh vị trí Giáo sư hoặc Phó Giáo sư tại (Bộ môn, Khoa, ..., Cơ sở đào tạo): Bộ môn Dịch tễ học

Cam kết thực hiện trách nhiệm và quyền lợi khi được bổ nhiệm chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư theo quy định hiện hành.

Hà Nội, ngày ... tháng 11 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Đình Cảnh

Ghi chú:

(1) Giáo sư/Phó giáo sư.

(2) Địa danh.

Số: ~~39~~ /QĐ-HĐGSNN

Hà Nội, ngày ~~19~~ tháng ~~11~~ năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

Căn cứ Quyết định số 300/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2024-2029;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở; Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐGSNN ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2024-2029;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư cho 71 nhà giáo và đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư cho 829 nhà giáo (danh sách kèm theo).



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông/bà Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước, Thủ tướng các cơ sở giáo dục đại học có liên quan và các nhà giáo có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Lê Thành Long (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để p/h);
- HDGSNN, HDGSN/LN, HDGSCS (để t/h);
- Website HDGSNN;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH



★ **Nguyễn Kim Sơn**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness

**THE CHAIRMAN
OF THE STATE COUNCIL FOR PROFESSORSHIP**

- Pursuant to Decision N° 37/2018/QĐ-TTg dated August 31, 2018 and Decision N° 25/2020/QĐ-TTg dated August 31, 2020 by the Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam;
- Pursuant to Decision N° 79/QĐ-HDGSNN dated November 19, 2025 by the Chairman of the State Council for Professorship.

**CONFERS
THE CERTIFICATE OF RECOGNITION**

Upon: **Mr. Hoàng Đình Cảnh**

Born on: **February 02, 1970**

In: **Thạch Khê, Hà Tĩnh**

for having met the standards of associate professor title

in: **Medicine**



Given under the Seal
of the State Council for Professorship



CÔNG CHỨNG VIÊN

Hoàng Thùy Thiệp Số: 8267/PGS

BẢN SAO



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC**

- Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 và Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ;
- Quyết định số 79/QĐ-HDGSNN ngày 19/11/2025 của Chủ tịch Hội đồng Giáo sư nhà nước.

**CÔNG NHẬN
ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

Ngành: **Y học**

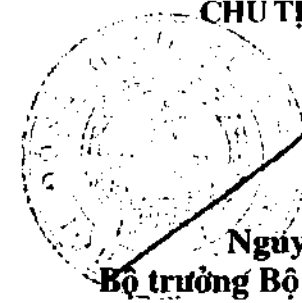
Cho: **Ông Hoàng Đình Cảnh**

Sinh ngày **02** tháng **02** năm **1970**

Quê quán: **Thạch Khê, Hà Tĩnh**

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Kim Sơn
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT BỎ NHIỆM LẠI
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Ảnh mẫu
4x6

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống : ☐)

1. Họ và tên người đăng ký: Cao Bá Lợi
2. Ngày tháng năm sinh: 28/11/1965
3. Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
4. Đảng viên Đảng CSVN: ☒
5. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Ứng Hoà, thành phố Hà Nội
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 12, ngõ 62 phố Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
7. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): PGS.TS. Cao Bá Lợi, Trưởng phòng Khoa học và Đào tạo, Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương.
Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0961 507188; Email: phucloikhd.vn@gmail.com
8. Cơ quan công tác, chức vụ hiện nay:
Chức vụ: Trưởng phòng Khoa học và Đào tạo
Cơ quan công tác: Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương
Địa chỉ cơ quan: Số 34 đường Trung Văn, Phường Đại Mỗ, Hà Nội
Điện thoại cơ quan:
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):
9. Hệ số lương hiện hưởng:
10. Đã được công nhận chức danh PGS ngày 10 tháng 10 năm 2016, ngành: Y học
11. Đã được bổ nhiệm chức danh Phó giáo sư ngày 16 tháng 11 năm 2016,

ngành: Y học , chuyên ngành: Dịch tễ học.

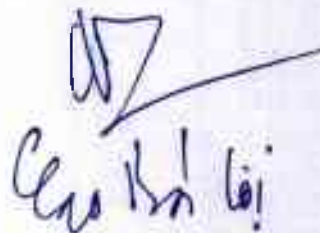
12. Kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định trong thời gian được bổ nhiệm chức danh Phó giáo sư : Hoàn thành theo đúng các nhiệm vụ quy định. Đăng ký xét bổ nhiệm lại chức danh vị trí Phó Giáo sư tại Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương.

Tôi xin cam kết thực hiện trách nhiệm và quyền lợi khi được bổ nhiệm chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư theo quy định hiện hành.

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Kh. Lợi

Số: 1367/QĐ-VSR

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư

VIỆN TRƯỞNG VIỆN SÓT RÉT- KÝ SINH TRÙNG - CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 3003/QĐ-BYT ngày 24/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ - TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư; Quyết định số 20/2012/QĐ - TTg ngày 27/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư ban hành kèm theo Quyết định số 174/2008/QĐ - TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-HĐCDGSNN ngày 10/10/2016 của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước về việc công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư; Phó Giáo sư năm 2016;

Căn cứ kết quả cuộc họp của Hội đồng Khoa học - Giáo dục ngày 11/11/2016;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư ngành Y học - chuyên ngành Dịch tễ học cho:

Ông Cao Bá Lợi, sinh ngày 28/11/1965.

Quê quán: Hà Nội.

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Dịch tễ học, bộ phận Đào tạo Sau đại học, phòng Khoa học - Đào tạo.

Đơn vị công tác: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Phó Giáo sư được bổ nhiệm tại Điều 1 thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Trưởng các khoa (phòng): Tổ chức cán bộ, Khoa học - Đào tạo, Hành chính quản trị, các khoa (phòng) liên quan và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.



SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

THE CHAIRMAN
OF THE STATE COUNCIL FOR PROFESSOR TITLE

- Pursuant to Decision N° 124/2008/QĐ-TTg dated December 31, 2008 and Decision N° 20/2012/QĐ-TTg dated April 27, 2012 by the Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam;
- Pursuant to Resolution N° 01/2016/NQ-HĐCM dated October 08, 2016 by the State Council for Professor Title.

CONFERS
THE CERTIFICATE OF RECOGNITION

Upon: Mr. *Cao Ba Loi*

Born on: *November 28, 1965*

In: *Ung Hoa, Ha Noi city*

for having met the standards of associate professor title

in: **Medicine**



Given under the Seal
of the State Council for Professor Title



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC**

- Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 và Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐLGSNN ngày 08/10/2016 của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước.

**CÔNG NHẬN
ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

Ngành Y học

Cho: Ông **Cao Bá Lợi**

Sinh ngày **28** tháng **11** năm **1965**

Quốc quán: **Việt Nam, T.p Hà Nội**



**Phùng Xuân Nhạ
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Số: **04099/PGS**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: **CAO BÁ LỢI**; Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 28/11/1965

Nơi sinh: Phú Xuyên – Hà Nội

Quốc quán: Xã Ứng Hòa – Thành phố Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sỹ y học

Năm, nơi công nhận học vị: 2011, Viện vệ sinh Dịch tễ Trung ương

Chức danh khoa học (GS, PGS...): Phó giáo sư

Năm công nhận, bổ nhiệm: 2016

Chức vụ hiện tại: Trưởng Phòng Khoa học và Đào tạo

Đơn vị công tác hiện tại: Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương

Số CMND/CCCD: 001065012247; Ngày cấp: 10./01./2018; Nơi cấp: Công an Hà Nội

Hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 12, ngõ 62 phố Triều Khúc, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Nơi thường trú hiện nay: Số 161 đường Quang Tiến, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại liên hệ: 0961507188; Email: phucloikhdt.vn@gmail.com



II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO :

1. Đại học:

Ngành học: Bác sỹ đa khoa; Bác sỹ chuyên khoa Vệ sinh – Môi trường – Dịch tễ

Nơi đào tạo: Đại học Y Thái Bình; Đại học y Hà Nội; Năm tốt nghiệp: 1996

2. Sau đại học:

- Bằng thạc sỹ chuyên ngành: Dịch tễ học; Năm cấp bằng: 2006

Nơi đào tạo: Học viện Quân y

- Bằng Tiến sỹ/ Tiến sỹ khoa học chuyên ngành: Tiến sỹ y học, CN Dịch tễ học

Nơi đào tạo: Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương; Năm cấp bằng: 2011

- Tên đề tài luận án bậc cao nhất: *Một số đặc điểm dịch tễ học nhiễm giun móc/mô và thiếu máu do thiếu Ferritin ở nữ công nhân ba nông trường chè tỉnh Phú Thọ, hiệu quả điều trị đặc hiệu (2007 -2009).*

3. Ngoại ngữ: Anh văn; Mức độ sử dụng: Đọc và dịch tài liệu, giao tiếp

4. Tốt nghiệp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giảng dạy đại học

Tốt nghiệp năm 2018, tại Đại học Giáo dục

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ 04/02/1986 – 30/09/1989	Bộ đội thuộc các đơn vị: + Thuộc C3, D28, F355, QĐ29, Quân khu II. + Thuộc C2, D25, F355 QĐ29, Quân khu II. + Thuộc D Bộ (tiểu đoàn bộ) D16, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn, Quân khu II.	Chiến sỹ
Từ tháng 10/1989- tháng 9/1994.	Sinh viên Đại học Y Thái Bình	Sinh viên
Từ 9/1994-9/1996	Sinh viên Đại học Y Hà Nội	Sinh viên
Từ 25/09/1997 – 25/9/2000	Giáo viên Đại học Công Đoàn Việt Nam	Giảng viên
Từ 15/6/2001 – nay	Cán bộ Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương	Nghiên cứu viên chính
Hiện nay	Trưởng phòng Khoa học và Đào tạo, Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương	Nghiên cứu viên chính

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (nhà nước, Bộ, ngành, Viện/Trường)	Trách nhiệm (chủ nhiệm/ tham gia)
1	Nghiên cứu mối liên quan giữa tình trạng nhiễm giun đường ruột và thiếu máu ở học sinh tiểu học (6 - 14) tuổi tại thành phố Lạng Sơn 2005	2005-2006	Cơ sở	Chủ nhiệm
2	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật Akirono để phát hiện người thiếu G6PD tại Đắc Lắc và Lâm Đồng	2007 - 2009	Cấp Bộ Y tế	Tham gia
3	Một số đặc điểm dịch tễ học nhiễm giun móc/mỏ và thiếu máu	2007-2010	Cơ sở	Chủ nhiệm

	do thiếu ferritin ở nữ công nhân các nông trường chè tỉnh Phú Thọ, đánh giá hiệu quả biện pháp điều trị đặc hiệu (2007-2009)			
4	Thực trạng, nguy cơ nhiễm một số loài ký sinh trùng đường sinh sản ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (18-49) đã có chồng tại huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ, hiệu quả can thiệp (2011- 2012)	2011-2012	Cơ sở	Chủ nhiệm
5	Thực trạng nhiễm khuẩn đường sinh sản ở phụ nữ tuổi sinh đẻ và hiệu quả chi phí-Hiệu quả biện pháp can thiệp đối với phụ nữ vị thành niên tại huyện Kim Bảng, Hà Nam (2015-2016)	2015 -2016	Cơ sở	Chủ nhiệm
6	Dự án: Định hướng và thúc đẩy chương trình phòng chống sốt rét tiến tới loại trừ sốt rét tại Việt Nam, giai đoạn 2015 - 2016	2015 - 2016	Bộ	Tham gia
7	Thành viên thực hiện nhiệm vụ khoa học mã số KC.10.16-20 thuộc chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016 -2020.	2016 - 2020	Nhà nước	Tham gia

2. Là tác giả chính soạn thảo Đề án đào tạo tiến sỹ

2.1. Đề án đào tạo tiến sỹ chuyên ngành Ký sinh trùng và Côn trùng học

Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quyết định số 418/QĐ-TTg do Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân ký ngày 23/04/2008 về việc cho phép Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương được đào tạo trình độ tiến sỹ. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt và giao chuyên ngành đào tạo tiến sỹ cho Viện Sốt rét – Ký sinh trùng Côn trùng Trung ương trong Quyết định số 2617/QĐ-BGDĐT do Thứ trưởng Bành Tiến Long ngày 08/05/2008.

Mã số đào tạo Ký sinh trùng y học nay chuyển thành Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới 972 01 09; Côn trùng học 942 01 06.

2.2. Đề án đào tạo tiến sỹ chuyên ngành Dịch tễ học

Đề án đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt trong Quyết định số 662/QĐ-BGDĐT về việc cho phép Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương đào tạo chuyên ngành Dịch tễ học do Thứ trưởng Bùi Văn Ga ký ngày 27/2/2014. Mã số đào tạo hiện nay là 972 0117

Sau 17 khóa tuyển sinh của các chuyên ngành Ký sinh trùng y học; Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới; Côn trùng học và Dịch tễ học Viện đã tuyển được 170 nghiên cứu sinh tiến sỹ, có 84 nghiên cứu sinh tốt nghiệp tiến sỹ.

3. Các bài báo khoa học đã công bố:

a) Quốc tế:

TT	Tên bài báo	Năm công bố	Tên tạp chí	Tạp chí thuộc Danh mục ISI hay Scopus/ kỳ yếu hội thảo quốc tế có phản biện/Tạp chí khoa học có phản biện (ghi rõ)
1	Characteristics of malaria infactions among J'rai ethnic minority in central Vietnam	2018	Institute of Tropical Medicine Antwerp	ISI-Scopus
2	Risk factors for persisting malaria among the J'rai ethnic minority along Vietnam – Cambodia	2018	Institute of Tropical Medicine Antwerp	ISI-Scopus
3	Soil-Transmitted Helminth Infection and Its Association with Anemia and Zinc Deficiency among Women in Nghe An Province, Vietnam	2019	Irania Society of Parasitology	ISI-Scopus
4	Incidence of fungi and aflatoxins in herbal medicine distributed in Nghe An's Hospitals in 2017	2018	Viet Nam Journal of Infectious diseases, Jouanal of Viet Nam Socciety for Infectious Diseases, ISSN: 0866-7829	The national scientific conference on Infectious diseases, HIV/AIDS and the 8 th Asean Conference on Tropical Medicine and Parasitology

5	Prevalence and capsular type distribution of group B streptococcus isolated from vagina of pregnant women in Nghe An province, Vietnam	2019	Irania Society of Parasitology	ISI-Scopus
6	Identification of Trombiculid Chigger Mites Collected on Rodents from Southern Vietnam and Molecular Detectinn of Rickettsiaceae Pathogen	2020	Korean Journal Parasitol	ISI-Scopus
7	Epidemiological characterization of pityriasis versicolor and distribution of malassezia sprcies among students in Hai phòng city, Viet nam	2020	Irania Society of Parasitology	ISI-Scopus
8	Prevalence, species distribution, and risk factors of fungal colonization and infaction in patiencts at burn intensive care unit in Vietnam	2020	Current Medical Mycology	ISI-Scopus
9	Cerebral Cysticercosis Presenting with Recurrent Epileptic Seizures	2020	Current Medical Mycology	ISI-Scopus
10	Arre Fusarium equiseti infaction in a 53 – year-old male with burn injury: A case report	2021	Curr Med Mycol	ISI-Scopus
11	Clinical characteristics and factors influencing waiting time to surgery and length of stay in elderly patients with hip fractures	2021	Genij Ortopedii Original article	ISI-Scopus
12	Prevalence and Factors Related to Metabolic Syndrome in Xo Dang Patients at Kon Tum General Hospital, Vietnam	2021	Journal of Pharmaceutical Research International	ISI-Scopus
13	Species Distribution and Antifungal Susceptibility Pattern of Candida Recovered from Intensive Care Unit Patients Vietnam Natioanl Hospital of	2021	Mycopathologia - Origianl article	ISI-Scopus

	Burn (2017 -2019)			
14	The kinetic profile of clinical and profile of clinical and laboratory findings and treatment outcome of patients with toxocariasis	2021	Trop Med Int Health	ISI-Scopus
15	Solutions to Improve awareness and Improve Knowledge, Attitude, Practice (KAP) about Covid-19 for Ethnic Minority Peoples in Gia Lai Province, Vietnam	2021	Journal of Positive Psychology & Wellbeing	ISI-Scopus
16	Clinical and Laboratory Findings among Patient with Toxocariasis in Medic Medical Center, Ho Chi Minh City, Vietnam in 2017 -2019.	2021	Iran J Parasitol, Vol.16(4):1-10.	ISI-Scopus
17	Efficacy and safety of praziquantel in the treatment of neurocysticercosis in Vietnam	2022	Tropical Biomedicine	ISI-Scopus
18	The efficacy and safety of three 30 day courses of albendazole in patients with neurocysticercosis	2022	Russian Journal of Infection and Immunity	ISI-Scopus
19	The Presence of aflatoxin B1 and Fungus in Traditional Drugs in Vietnam	2022	Original article	ISI-Scopus
20	Factors related to vaccines for both patients exposed with rabies and dogs	2022	Revista Cubana de Medicina Militar	ISI-Scopus
21	Pre-operative Factors Predicting Six Month Mortality and the Functional Recovery in Elderly Patients with Hip Fractures	2022	Malaysian Orthopaedic Journal	ISI-Scopus
22	Effect of Nutrition Intervention on the Prevalence of Metabolic Syndrome at Kon Tum General Hospital, Vietnam	2022	Journal of Complementary Medicine Research	ISI-Scopus
23	Assessment of the effects of treatment of 2 albendazole and praziquantel programs in patients with pork tapeworm larval disease	2024	World Journal Pharmaceutical Science and Research	ISI-Scopus

	infaction in the brain (2017 - 2020).			
24	A vulvovaginal yeast Infaction Caused by Cryptococcus victoriae in Vietnam: Arararare Case Refort	2024	Journal of Investigative Medicine High Impact Case Reports	ISI-Scopus
25	The pattiern of eye disease in a provincial ophthalmic hospital of Vietnam	2024	Indian Journal of Clinical and Experinmental Ophthalmology	ISI - Scopus
26	Prevalence and risk factors of fish-borne zoonotic trematode infections in a rural community: A cross-sectional study in the Red River Delta of Vietnam.	2025	Journal of Public Health Research - Manuscript ID PHJ-24-0159.R1	ISI - Scopus
27	Prevalece, associated factors and etiologic agents of oral Candidiasis among HIV-positive patients in a Vietnammeses general hospital	2025	Jounal of Curent Medical Mycology (CMM)	ISI - Scopus

(Tổng số 27 bài báo quốc tế)

b) Trong nước:

TT	Tên bài báo	Năm công bố	Tên tạp chí
28	Thực trạng nhiễm giun đường ruột và thiếu máu ở học sinh tiểu học (6 -14 tuổi) tại thành phố Lạng Sơn năm 2005	2007	Tạp chí Y Dược học Quân sự, Học viện Quân y.
29	Kết quả điều tra G6PD ở các bệnh nhân đái ra huyết sắc tố tại huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu	2007	Tạp chí Nghiên cứu y học, Đại học Y Hà Nội, Công trình nghiên cứu khoa học báo cáo tại Hội nghị KST Toàn quốc lần thứ 36
30	Mối liên quan giữ tình trạng thiếu máu và nhiễm giun đường ruột ở học sinh (6 -14 tuổi) tại thành phố Lạng Sơn năm 2005	2007	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng. Viện Sốt rét - KST – CTTU
31	Thực trạng nhiễm giun đường ruột và sán lá gan nhỏ tại xã Khánh Thượng huyện Ba Vì, Hà Tây	2007	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng. Viện Sốt - KST – CTTU

32	Thực trạng nhiễm sán lá gan nhỏ ở công nhân các nông trường chè tỉnh Phú Thọ năm 2007 và hiệu quả biện pháp can thiệp điều trị đặc hiệu.	2008	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng. Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương
33	Hiệu quả điều trị thiếu máu thiếu ferritin do nhiễm giun móc/mỏ ở nữ công nhân các nông trường chè tỉnh Phú Thọ (2007-2008)	2008	Tạp chí Y - Dược học Quân sự, Cục Quân Y
34	Thực trạng nhiễm giun móc/mỏ (<i>A. duodenal/N.americanus</i>) và thiếu máu do thiếu ferritin ở nữ công nhân các nông trường chè tỉnh Phú Thọ 2007	2009	Tạp chí Y Dược học Quân sự, Học viện Quân y, chuyên đề hình thái học
35	Liên quan giữa tình trạng nhiễm giun móc/mỏ với kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống bệnh ở nữ công nhân các nông trường chè tỉnh Phú Thọ (2007-2009).	2009	Tạp chí Y Dược học quân sự - Học viện Quân y, Số 34, chuyên đề Hội thảo Quốc gia về mầm bệnh sinh học - Ký sinh trùng và an toàn vệ sinh thực phẩm
36	Thiếu Glucose 6 photphatedehydrogenase hồng cầu ở một số dân tộc sống tại Đắc Lắc và Lâm Đồng	2009	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng. Viện Sốt rét - KST – CTTU
37	Thực trạng nhiễm giun móc/mỏ, thiếu máu do thiếu ferritin và hiệu quả điều trị đặc hiệu nhiễm giun móc – giun mỏ ở nữ công nhân các nông trường chè tỉnh Phú Thọ	2009	Tạp chí Y học Quân sự, Cục Quân Y. Số chuyên đề công trình nghiên cứu khoa học Hội nghị Ký sinh trùng Toàn quốc lần thứ 36
38	Chuyển hóa sắt và rối loạn chuyển hóa sắt	2011	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - KST – CTTU
39	Thực trạng công tác quản lý và chăm sóc bệnh nhân bị đột quỵ não tại cộng đồng tỉnh Nghệ An	2011	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế.
40	Một số đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng, cận lâm sàng ở bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue điều trị tại bệnh viện Đa khoa Nghệ An	2011	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế.
41	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng, cận lâm sàng trên bệnh nhân uốn	2011	Bệnh viện Bạch Mai: Công trình khoa học báo cáo tại Hội nghị khoa

	vấn điều trị tại khoa truyền nhiễm bệnh viện đa khoa Nghệ An (2009 - 2010)		học chuyên đề Các bệnh truyền nhiễm
42	Ứng dụng kỹ thuật PCR định danh nấm đường sinh sản ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (18-49) đã có chồng tại Thị xã Quảng Yên tỉnh Quảng Ninh (2013 - 2014)	2015	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế
43	Đánh giá hiệu quả chăm sóc vệ sinh răng miệng cho bệnh nhân chấn thương hàm mặt trước phẫu thuật tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương, Hà Nội từ tháng 2015	2016	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế
44	Ứng dụng kỹ thuật PCR và giải trình tự gen định danh nấm đường sinh sản ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (18-49) đã có chồng tại thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh (2013 - 2014)	2014	Tạp chí Y-Dược học quân sự, Học viện Quân y
45	Thực trạng mô hình bệnh tật và hiệu quả điều trị cho bệnh nhân tại Khoa Truyền nhiễm – Da liễu Bệnh viện Quân y 6 từ tháng 7/2013 đến 6/2014	2014	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Báo cáo tại Hội nghị khoa học NCS lần thứ nhất.
46	Thực trạng viêm da tiếp xúc do hóa mỹ phẩm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình năm 2014 và hiệu quả điều trị	2014	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Báo cáo tại Hội nghị khoa học nghiên cứu sinh lần thứ nhất.
47	Một số yếu tố liên quan đến nhiễm trùng đường sinh dục dưới ở phụ nữ đến khám tại Bệnh viện Phụ sản Hải Dương	2015	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng. Viện Sốt rét - KST – CTTU
48	Thực trạng thiếu kẽm huyết thanh ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (18-49) tại Diễn Châu, Nghệ An và hiệu quả can thiệp năm 2014	2015	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng. Viện Sốt rét- KST – CTTU
49	Ứng dụng kỹ thuật PCR-RFLP định danh nấm <i>Candida</i> spp gây nấm phổi ở bệnh nhân lao phổi có BK (-) tại Bệnh viện Lao và Các bệnh phổi tỉnh Nghệ	2015	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét- KST – CTTU

	An (2013-2014)		
50	Thực trạng nhiễm ký sinh trùng đường sinh sản ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ 18-49 đã có chồng tại thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh (2013-2014)	2015	Công trình khoa học báo cáo tại hội nghị ký sinh trùng toàn quốc, chuyên ngành Sốt rét-KST – CTTƯ
51	Nghiên cứu tình hình tăng huyết áp và kiến thức thực hành phòng chống biến chứng tăng huyết áp ở người trên 40 tuổi tại huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang, năm 2014	2016	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - KST – CTTƯ
52	Khảo sát rối loạn lipid máu ở người cao tuổi đang điều trị nội trú tại khoa Nội Tim mạch Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang, 2014	2016	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - KST – CTTƯ
53	Nghiên cứu kiến thức, thực hành và một số yếu tố liên quan về phòng chống bệnh tay chân miệng của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại xã Vị Đông và xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, năm 2015	2016	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - KST – CTTƯ
54	Thực trạng bệnh Pemphigus của những bệnh nhân điều trị tại Viện Da liễu Trung ương 2008-2012	2012	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng TƯ
55	Một số đặc điểm nhiễm giun móc/mỏ và thiếu máu do thiếu ferritin ở nữ công nhân ba nông trường chè tỉnh Phú Thọ, hiệu quả can thiệp điều trị đặc hiệu 2007-2009	2011	Công trình khoa học báo cáo tại hội nghị ký sinh trùng toàn quốc lần thứ 38.
56	Mối liên quan giữa tình trạng thiếu máu và nhiễm giun đường ruột ở học sinh 6 - 14 tuổi của ba trường tiểu học Quảng Lạc, Mai Pha, Chi Lăng thành phố Lạng Sơn 2005	2011	Công trình khoa học báo cáo tại Hội nghị ký sinh trùng Toàn quốc lần 38.
57	Thực trạng nhiễm khuẩn đường sinh sản ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ 18-49 đã có chồng tại huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ	2013	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - KST – CTTƯ
58	Phân tích mối liên quan giữa tình	2013	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét

	trạng nhiễm khuẩn đường sinh sản với kiến thức, thái độ và thực hành phòng bệnh ở phụ nữ tuổi sinh đẻ 18-49 đã có chồng tại huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ (2011-2012)		và các bệnh ký sinh trùng. Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương
59	Ứng dụng kỹ thuật PCR định danh nấm đường sinh sản ở phụ nữ tuổi 18-49 đã có chồng tại huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ 2011-2012	2013	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng.
60	Nghiên cứu định loại nấm đường sinh sản của phụ nữ tuổi sinh đẻ (18-49) huyện Tam Nông Phú Thọ bằng kỹ thuật PCR và giải trình tự gen 2013	2014	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng. Viện Sốt rét - KST – CTTU
61	Phân tích mối liên quan giữa tình trạng nhiễm trùng đường sinh sản với kiến thức, thái độ, thực hành phòng bệnh ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (18 - 49) đã có chồng tại Thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh (2013)	2014	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng. Viện Sốt rét - KST – CTTU
62	Hiệu quả can thiệp cộng đồng phòng chống nhiễm ký sinh trùng đường sinh sản ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (18 -49) đã có chồng tại thị xã Quảng Yên tỉnh Quảng Ninh 2013	2014	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, số chuyên đề khoa học đào tạo chuyên ngành ký sinh trùng Toàn quốc lần 41.
63	Nghiên cứu các đặc điểm dịch tễ học bệnh sốt xuất huyết Dengue trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2005 - 2013	2014	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng. Viện Sốt rét - KST – CTTU
64	Thực trạng nhiễm giun đường ruột ở phụ nữ trong độ tuổi sinh sản (18 -49) tại huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, năm 2014	2014	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Báo cáo tại Hội nghị khoa học NCS lần thứ nhất.
65	Định danh các loài nấm ký sinh gây bệnh trên người suy giảm miễn dịch bằng phương pháp sinh học phân tử và phân tích phả hệ	2015	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế.
66	Thực trạng sự quan tâm của cha mẹ trong phòng chống sâu răng cho con	2015	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện

	của học sinh trường THPT Ngô Sỹ Liên, huyện Chương Mỹ, Hà Nội (2011-2012)		Sốt rét - KST – CTTƯ
67	Nghiên cứu cơ cấu, thành phần loài ký sinh trùng sốt rét và tính kháng thuốc của <i>Plasmodium falciparum</i> tại một số tỉnh đồng bằng Nam Bộ	2015	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - KST – CTTƯ
68	Nghiên cứu yếu tố liên quan đến viêm âm đạo do nấm <i>Candida</i> spp ở phụ nữ đến khám phụ khoa tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương, năm 2014	2015	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - KST – CTTƯ
69	Mối liên quan giữa chỉ số sinh hóa, huyết học và đông máu với một số yếu tố thai phụ có hội chứng tiền sản giật	2015	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - KST – CTTƯ
70	Đánh giá hiệu quả điều trị nấm phổi ở bệnh nhân HIV/AIDS, lao phổi có BK âm tính tại các bệnh viện tỉnh Nghệ An (2013 -2014)	2015	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - KST – CTTƯ
71	Một số đặc điểm lâm sàng bệnh Zona và kết quả điều trị tại Bệnh viện tỉnh Hòa Bình năm 2015	2015	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - KST – CTTƯ
72	Tương quan giữa các chỉ số muỗi, lăng quăng <i>Aedes</i> và bệnh sốt xuất huyết Dengue tỉnh Tiền Giang năm 2012	2016	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - KST – CTTƯ
73	Đặc điểm dịch tễ bệnh tay chân miệng tỉnh Tiền Giang	2016	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - KST – CTTƯ
74	Phân tích liên quan giữa tình trạng nhiễm giun móc/mò (<i>Ancylostoma duodenale/Necateramericanus</i>) với thiếu máu, thiếu kẽm và thể chất của phụ nữ có thai tại Diễn Châu, Nghệ An (2014- 2015)	2016	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - KST – CTTƯ
75	Nghiên cứu mối liên quan giữa hội chứng chuyển hóa với một số yếu tố nguy cơ tại thành phố Cần Thơ, năm 2012.	2016	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - KST – CTTƯ

76	Kiến thức, thực hành vệ sinh an toàn thực phẩm của người kinh doanh thức ăn đường phố tại phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, 2013	2016	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - KST – CTTU
77	Thực trạng sử dụng nguồn nước và nhà tiêu tại hai xã huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, năm 2011-2014	2015	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 2.
78	Thực trạng nhiễm khuẩn đường sinh sản ở phụ nữ tuổi sinh đẻ tại huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, năm 2015	2016	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - KST – CTTU
79	Xác định thành phần loài giun móc/mò tại Đắc Lắc bằng hình thái học và sinh học phân tử, năm 2015	2016	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng TU
80	Thực trạng nhiễm trùng đường sinh dục dưới ở phụ nữ mang thai đến khám tại Bệnh viện Phụ sản tỉnh Hải Dương, 2013	2015	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng.
81	Ứng dụng kỹ thuật PCR định danh nấm đường sinh sản ở phụ nữ tuổi 18-49 đã có chồng tại huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ 2011-2012	2013	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng.
82	Thực trạng nhiễm mầm bệnh ký sinh trùng nguồn nước sinh hoạt tại 2 xã huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình năm 2011	2014	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Báo cáo tại Hội nghị khoa học nghiên cứu sinh lần thứ nhất
83	Một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở bệnh nhân viêm da do tiếp xúc tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình, hiệu quả điều trị (2013)	2014	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng.
84	Giám định phân tử một số chủng vi nấm phân lập từ dược liệu thu thập tại một số bệnh viện trên địa bàn tỉnh Nghệ An, năm 2017	2017	Tạp chí Y Dược lâm sàng Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Tập 12.
85	Hiệu quả một số biện pháp can thiệp phòng chống bệnh dại ở huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.	2023	Tạp chí Y học Việt Nam, Tập 524, số 1B, tháng 3/2023.
86	Thực trạng nhiễm giun móc/mò và thiếu máu ở phụ nữ tuổi sinh đẻ tại	2023	Tạp chí Y học dự phòng, Số đặc biệt của Hội nghị Khoa học

	Quảng Nam 2021, Tạp chí Y học dự phòng, Số đặc biệt của Hội nghị Khoa học nghiên cứu sinh Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương		nghiên cứu sinh Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương 2022; Tập 33; Số 3; Tr.98-105
87	Kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống nhiễm giun móc/mò ở phụ nữ tuổi sinh đẻ tại Tỉnh Quảng Nam năm 2021.	2023	Tạp chí Y học dự phòng, Số đặc biệt của Hội nghị Khoa học nghiên cứu sinh Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương 2022; Tập 33; Số 3; Tr.106-113

(Tổng số 87 bài báo trong đó: Báo quốc tế 27 bài, báo trong nước 60 bài)

3. Sách đã xuất bản có mã số chuẩn quốc tế ISBN do nhà xuất bản trong nước và ngoài nước phát hành

TT	Tên sách	Năm công bố	Nhà xuất bản	Trách nhiệm	Sách có mã số chuẩn quốc tế ISBN
1	Thực hành ký sinh trùng	2015	NXB Y học 2015, Số 69025-2015/CX BIH/17 -35/YH.QĐ số: 140 /QĐ -XBYH ngày 25/4/2015, lưu chiều quý II/2015	Thành viên và Thư ký biên soạn	ISBN: 978-604-66-1174-5
2	Dịch tễ học ký sinh trùng y học	2015	NXBY học 2015, Số đăng ký 2930/2015/CXBI.H/1-132/ YH. QĐ xuất bản số: 366/ QĐXBYH, ngày 6/11 /2015, lưu chiều quýIV/2015	Thành viên và Thư ký biên soạn	ISBN: 978-604-66-1469-2
3	Ký sinh trùng y học	2016	NXB Y học 2016, Số đăng ký 773-2016/CXBLH/2-36-YH. QĐ xuất bản số:141 /QĐ /QĐ-XBYH ngày 15/4 /2016, lưu chiều quý II/2016	Thành viên và Thư ký biên soạn	ISBN: 978-604-66-1888-1
4	Quy trình xét nghiệm Sốt rét- Ký sinh trùng- Côn trùng tập 2	2016	NXB Y học, 2016, Số đăng ký 915216/CXBLH/850/ YH.QĐ xuất bản,số:142/ QĐXBYH,ngày 15/4/2016 lưu chiều quý II/2016	Thành viên và Thư ký biên soạn	ISBN: 978-604-66-1908-6
5	Phương pháp phân tích và xử lý số liệu thống kê y sinh học	2017	NXB Y học năm 2017, Số đăng ký 4514-2017/ CXBLH/7176/ YH.QĐ xuất bản số:149/QĐX BYH,13/12/2017 lưu chiều 12 /2017	Thành viên và Thư ký biên soạn	ISBN: 978-604-66-3047-0
6	Phương pháp	2018	NXB Y học năm 2018, Số	Thành	ISBN: 978-604-

	nghiên cứu y sinh học		đăng ký 4515-2017/CX BLH/7176/YH.QĐXB số 492/QĐXBYH ngày 13/12/2017, lưu chiều quý III/2018	viên và Thư ký biên soạn	66-3047-0
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Cỡ mẫu trong nghiên cứu Y Sinh học	2019	NXB Y học năm 2019, Số đăng ký 4877-2019/CX BIPH/4-174/ YH.QĐXB số:324/QĐ-XBYH, ngày 09/12/2019, lưu chiều quý III /2019	Thành viên và Thư ký biên soạn	ISBN: 978-604-66-3047-1
8	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	2023	NXB Y học năm 2023, Số đăng ký 1905-2023/CXBI PH/7-81/ YH.QĐXB số: 168/QĐ-XBYH, 15/6/2023 lưu chiều quý IV/2023	Thành viên và Thư ký biên soạn	ISBN: 978-604-66-6160-3
9	Dịch tễ học Ký sinh trùng y học	2025	NXB Y học năm 2025, Số đăng ký 1413-2025/ CXBI PH/2-68/YH.QĐXB số: 137/QĐ-XBYH, 29/4/2025 lưu chiều quý II/2025	Thành viên và Thư ký biên soạn	ISBN: 978-604-66-7270-8

(Tổng số 09 cuốn sách).

V. QUÁ TRÌNH THAM GIA ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Đối tượng	Trách nhiệm	Số lượng	
		Đang hướng dẫn	Đã bảo vệ thành công
Hướng dẫn luận án tiến sĩ	Chính	07	06
	Phụ	05	02
Hướng dẫn luận văn cao học	Chính	0	0
	Phụ	0	0

(Tổng số hướng dẫn 18 NCS, 08 NCS đã tốt nghiệp TS)

Tôi xin cam đoan mọi thông tin trong lý lịch khoa học là đúng sự thật.

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Xác nhận của cơ quan

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)




PGS. TS. Cao Bá Lợi

Số: 1367/QĐ-VSR

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư

VIỆN TRƯỞNG VIỆN SÓT RÉT-KÝ SINH TRÙNG - CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 3003/QĐ-BYT ngày 24/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ - TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư; Quyết định số 20/2012/QĐ - TTg ngày 27/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư ban hành kèm theo Quyết định số 174/2008/QĐ - TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-HĐCDGSNN ngày 10/10/2016 của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước về việc công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư; Phó Giáo sư năm 2016;

Căn cứ kết quả cuộc họp của Hội đồng Khoa học - Giáo dục ngày 11/11/2016;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư ngành Y học - chuyên ngành Dịch tễ học cho:

Ông Cao Bá Lợi, sinh ngày 28/11/1965.

Quê quán: Hà Nội.

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Dịch tễ học, bộ phận Đào tạo Sau đại học, phòng Khoa học - Đào tạo.

Đơn vị công tác: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Phó Giáo sư được bổ nhiệm tại Điều 1 thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Trưởng các khoa (phòng): Tổ chức cán bộ, Khoa học - Đào tạo, Hành chính quản trị, các khoa (phòng) liên quan và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.



TS. Trần Thanh Dương

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

THE CHAIRMAN
OF THE STATE COUNCIL FOR PROFESSOR TITLE

Pursuant to Decision N° 174/2008/QĐ-TTg dated December 31, 2008 and Decision N° 20/2012/QĐ-TTg dated April 27, 2012 by the Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam;
Pursuant to Resolution N° 01/2016/NQ-HĐCĐ-SNN dated October 08, 2016 by the State Council for Professor Title,

CONFERS
THE CERTIFICATE OF RECOGNITION

Upon: *Mr. Cao Ba Loi*

Born on: *November 28, 1965*

In: *Ung Hoa, Ha Noi city*

for having met the standards of associate professor title

in: **Medicine**



Given under the Seal
of the State Council for Professor Title



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC**

- Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 và Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐCSNN ngày 08/10/2016 của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước.

**CÔNG NHẬN
ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHẠM GIÁO SƯ**

Ngành: Y học

Cho: Ông Cao Bá Lợi

Sinh ngày 28 tháng 11 năm 1965

Quê quán: Ứng Hòa, T.p Hà Nội



Phùng Xuân Nhạ

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số: 04099/PGS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT BỔ NHIỆM LẠI
CHỨC DANH: GIÁO SƯ / PHÓ GIÁO SƯ**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

1. Họ và tên người đăng ký: Đỗ Ngọc Ánh
2. Ngày tháng năm sinh: 13/06/1982;
3. Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
4. Đảng viên Đảng CSVN: ☒
5. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: xã Vĩnh Phú, tỉnh Phú Thọ (trước đây là xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc)
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Căn hộ 2601T1 chung cư Park Kiara, KĐT Park City, La Khê, Hà Đông, Hà Nội. Nay là Căn hộ 2601T1 chung cư Park Kiara, KĐT Park City, phường Dương Nội, Tp. Hà Nội.
7. Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ký sinh trùng và Côn trùng, Học viện Quân y, Số 160, đường Phùng Hưng, phường Hà Đông, Tp. Hà Nội.
Điện thoại di động: 0989255773.; Email: dranhk61.vmmu@gmail.com
8. Cơ quan công tác, chức vụ hiện nay:
Chức vụ: Chủ nhiệm Bộ môn
Cơ quan công tác: Bộ môn Ký sinh trùng và Côn trùng, Học viện Quân y.
Địa chỉ cơ quan: Số 160, đường Phùng Hưng, phường Hà Đông, Tp. Hà Nội.
Điện thoại cơ quan: 069.698910
Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Viện SR-KST-CT Trung ương
9. Hệ số lương hiện hưởng: 7.3
10. Đã được công nhận chức danh PGS ngày 30 tháng 03 năm 2022, ngành: Y học
11. Đã được bổ nhiệm chức danh PGS ngày 30 tháng 5 năm 2022, ngành: Y học
12. Kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định trong thời gian được bổ nhiệm chức danh Giáo sư/Phó giáo sư: 2022: Hoàn thành tốt nhiệm vụ; 2023: Hoàn thành tốt nhiệm vụ; 2024: Hoàn thành tốt nhiệm vụ; 2025: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
Đăng ký xét bổ nhiệm lại chức danh vị trí Giáo sư hoặc Phó Giáo sư tại (Bộ môn/Khoa Ký sinh trùng, Cơ sở đào tạo Viện SR-KST-CT Trung ương)
Tôi xin cam kết thực hiện trách nhiệm và quyền lợi khi được bổ nhiệm chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư theo quy định hiện hành.

Hà Nội, ngày 22. tháng 12 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Ngọc Ánh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

**THE CHAIRMAN
OF THE STATE COUNCIL FOR PROFESSORSHIP**

Pursuant to Decision N° 37/2018/QĐ-TTg dated August 31, 2018
and Decision N° 25/2020/QĐ-TTg dated August 31, 2020 by the
Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam;

Pursuant to Decision N° 16/QĐ-HĐGiSNN dated March 30, 2022
by the Chairman of the State Council for Professorship.

**CONFERS
THE CERTIFICATE OF RECOGNITION**

Upon: *Mr. Lo - Vyee - Anh*

Born on: *June 13, 1982*

In: *Vinh Tuong, Vinh Phuc*

For having met the standards of associate professor title
in: **Medicine**



Given under the Seal
of the State Council for Professorship

Photoscan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC**

- Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 và Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-HĐGSNN ngày 30/3/2022 của Chủ tịch Hội đồng Giáo sư nhà nước,

**CÔNG NHẬN
ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

Ngành: **Y học**

Chor: **Ông Đỗ Ngọc Anh**

Sinh ngày **13** tháng **6** năm **1982**

Quốc quán: **Vinh Tường, Vinh Phúc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Kim Sơn
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số: **6265/PGS**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN QUÂN Y
BỔ NHIỆM CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

Cho đồng chí: **Đỗ Ngọc Ánh**

Sinh ngày: 13/06/1982

Ngành: Y học

Chuyên ngành: Ký sinh trùng và Côn trùng Y học

Đơn vị: Bộ môn Ký sinh trùng và Côn trùng (K61)

Thời gian bổ nhiệm: 5 năm

(Kèm theo Quyết định số 1535/QĐ-HVQY ngày 26/5/2022)./.

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2022



Thiếu tướng
PGS.TS. Nguyễn Xuân Kiên

LÝ LỊCH KHOA HỌC CHUYÊN GIA

1. Họ và tên: ĐỖ NGỌC ÁNH	
2. Năm sinh ¹ : 1982	3. Nam/Nữ : Nam
4. Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu (nếu có) : 026082008019	
5. Học hàm: Phó giáo sư	Năm được phong: 2022
Học vị: Tiến sĩ	Năm đạt học vị: 2017
6. Lĩnh vực nghiên cứu chính trong 5 năm gần đây liên quan đến hướng nhiệm vụ: - Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học, dịch tễ học phân tử các vi nấm gây bệnh ở người. - Nghiên cứu đặc điểm kháng thuốc và cơ chế phân tử của hiện tượng kháng thuốc ở nấm <i>Candida</i> gây bệnh ở người. - Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học, dịch tễ học phân tử của giun sán ký sinh, gây bệnh ở người.	
7. Chức danh nghiên cứu: Nghiên cứu viên chính. Chức vụ hiện nay: Phó chủ nhiệm Bộ môn Ký sinh trùng và côn trùng, Học viện Quân y.	
8. Thông tin liên hệ: Căn hộ 2601T1, chung cư Park kiara, KĐT Park city, P. Lã Khê, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội. Số điện thoại liên hệ: 0989255773 E-mail: dranhk61.vmmu@gmail.com	
9. Cơ quan công tác: Tên cơ quan: Học viện Quân y Tên người đứng đầu: Trung tướng GS. TS. Trần Viết Tiến Địa chỉ cơ quan: 160 Đường Phùng Hưng, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội Điện thoại: 069.698.910 ; Fax: 0436883994 ; Website: http://www.hocvienquany.vn	

¹ Không cần ghi nếu đã cung cấp số định danh cá nhân.

10. Quá trình đào tạo						
Bậc đào tạo		Nơi đào tạo		Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	
Đại học		Học viện Quân y		Bác sĩ đa khoa	2007	
Thạc sỹ		Học viện Quân y		Ký sinh trùng Y học	2012	
Tiến sỹ		Viện Sốt rét – Ký sinh trùng và Côn trùng Trung ương		Ký sinh trùng Y học	2017	
Thực tập sinh khoa học		Viện các Truyền nhiễm Quốc gia Nhật Bản		Nấm y học	2016, 2019	
11. Trình độ ngoại ngữ (mỗi mục đề nghị ghi rõ mức độ: Tốt/Khá/TB)						
TT	Tên ngoại ngữ		Nghe	Nói	Đọc	Viết
1	Tiếng Anh		Trung bình	Trung bình	Tốt	Tốt
12. Quá trình công tác						
Thời gian (từ năm ... đến năm...)		Vị trí công tác	Lĩnh vực chuyên môn		Cơ quan công tác	
9/2007 - 11/2012		Giảng viên, nghiên cứu viên	Nấm y học, Vi - ký sinh trùng, CNSH trong y học		Học viện Quân y	
12/2012 - 6/2017		Giảng viên, nghiên cứu viên	Nấm y học, Vi - ký sinh trùng, CNSH trong y học		Học viện Quân y	
7/2017 - nay		Giảng viên chính, nghiên cứu viên chính, Phó chủ nhiệm Bộ môn	Nấm y học, Vi sinh vật y học, Ký sinh trùng y học, CNSH trong y học		Học viện Quân y	
13. Các công trình khoa học và công nghệ (KH&CN) chủ yếu được công bố, sách chuyên khảo: (liệt kê công trình tiêu biểu đã công bố trong 5 năm gần nhất)						
TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)		Là tác giả đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng nhà xuất bản)	Năm công bố	
1	Tạp chí quốc tế					
1	Distribution of Species of Dermatophyte Among Patients at a Dermatology Centre of Nghean Province, Vietnam, 2015-2016		Tác giả chính	Mycopathologia 182(Suppl 4):1-7 https://doi.org/10.1007/s11046-017-0193-x	2017	

2	Case report: the first case of human infection by adult of <i>Spirometra erinaceieuropaei</i> in Vietnam	Đồng tác giả	BMC Infectious Diseases 17(1):669 https://doi.org/10.1186/s12879-017-2786-x	2017
3	Case Report: A Case of Chromoblastomycosis Caused by <i>Ponsecaea pedrosoi</i> in Vietnam	Đồng tác giả	Mycopathologia 184(1) https://doi.org/10.1007/s11046-018-0284-3	2018
4	Identification of <i>Fasciola</i> Species Isolates from Nghe An Province, Vietnam. Based on ITS1 Sequence of Ribosomal DNA Using a Simple PCR-RFLP Method	Tác giả chính	Journal of Parasitology Research 2018(12):1-6 https://doi.org/10.1155/2018/2958026	2018
5	Prevalence, Species Distribution, and Related Factors of Fish-Borne Trematode Infection in Ninh Binh Province, Vietnam	Đồng tác giả	BioMed Research International, Volume 2019, ID 8581379	2019
6	Dirofilariasis in Vietnam: A case report and brief review	Đồng tác giả	Tropical Biomedicine 36(2): 475–481 (2019)	2019
7	Prevalence of <i>Candida</i> bloodstream isolates from patients in two hospitals in Vietnam	Tác giả chính	Iranian Journal of Microbiology, Vol 11 No 2, 2019, 108-113	2019
8	Infection of burn wound by <i>Aspergillus fumigatus</i> with gross appearance of fungal colonies	Đồng tác giả	Medical Mycology Case Reports 24 (2019): 30–32;	2019
9	Prevalence of <i>Candida</i> Species Isolated from Vaginal Discharge of Women Undergoing in vitro Fertilization Embryo Transfer in Vietnam	Tác giả chính	BioMedical Journal of Scientific & Technical Research, 2019, 14(5), https://doi.org/10.1155/2019/1405002	2019
10	A Rare Case of Fungal Burn Wound Infection Caused by <i>Fusarium solani</i> in Vietnam	Đồng tác giả	Journal of Investigative Medicine High Impact Case Reports, 8: 1–4	2020
11	Prevalence and capsular type distribution of group B <i>Streptococcus</i> isolated from vagina of pregnant women in Nghe An province, Vietnam	Tác giả chính	Iranian Journal Microbiology, 12(1): 11–17. https://doi.org/10.18502/ijm.v12i1.2511	2020
12	Epidemiological characterization of pityriasis versicolor and distribution of <i>Malassezia</i> species among students in Hai Phong city, Vietnam	Tác giả chính	Current Medical Mycology 6(2):11-17. Doi: https://doi.org/10.18502/CMM.6.2.2838	2020
13	Prevalence, species distribution and antifungal susceptibility of <i>Candida albicans</i> causing vaginal discharge among symptomatic non-pregnant women of reproductive age at a	Tác giả chính	BMC Infectious Diseases, 21: 523. Doi: https://doi.org/10.1186/s12879-021-06192-7	2021

	tertiary care hospital, Vietnam			
14	Species Distribution and Antifungal Susceptibility Pattern of <i>Candida</i> Recovered from Intensive Care Unit Patients, Vietnam National Hospital of Burn (2017–2019)	Đồng tác giả	Mycopathologia 2021 Aug;186(4):543-551. doi: 10.1007/s11046-021-00569-7	2021
15	Biliary fascioliasis - A rare differential diagnosis of biliary obstruction	Đồng tác giả	Journal of Infection in Developing Countries 2022 Oct 31; 16(10): 1664-1667.	2022
16	Establishment of an in-house real-time RT-PCR assay for the detection of severe acute respiratory syndrome coronavirus 2	Đồng tác giả	Journal of Clinical Laboratory Analysis 2022 May; 36(5): e24355.	2022
17	Serotype distribution and antibiotic resistance of <i>Streptococcus pneumoniae</i> isolates collected from children with pneumonia in central Vietnam	Tác giả chính	Iranian Journal of Microbiology 2022 Oct; 14(5): 653-661. doi: 10.18502/ijm.v14i5.10958	2022
18	Polychlorinated dibenzo-p-dioxins and polychlorinated dibenzofurans in blood samples from historically herbicide-sprayed areas and rural and industrialized unspra	Đồng tác giả	Chemosphere 2023 Jun; 326: 138331. doi: 10.1016/j.chemosphere.2023.138331	2023
19	Prevalence, risk factors and genotyping of <i>Chlamydia trachomatis</i> from endocervical specimens of infertile women at a tertiary care hospital, Vietnam	Tác giả liên hệ	International Journal of STD & AIDS 2024, Vol. 35(6) 452–461. Doi: 10.1177/09564624241230342	2024
20	A vulvovaginal yeast infection caused by <i>Cryptococcus victoriae</i> in Vietnam: A rare case report	Tác giả liên hệ	Journal of Investigative Medicine High Impact Case Reports Volume 12: 1–4	2024
21	Human infection with <i>Hymenolepis diminuta</i> : case report of a child in rural Vietnam	Tác giả liên hệ	Journal of Infection in Developing Countries 2024; 18(9):1458-1460. doi: 10.3855/jide.18978	2024
22	Distribution and antifungal susceptibility of <i>Candida</i> species causing vulvovaginal candidiasis and urinary tract infection in Medlatec healthcare system, Ha Noi city, Vietnam in 2023	Tác giả liên hệ	Therapeutic advances in infectious disease. 2025. Vol. 12: 1–10. doi: 10.1177/20499361241311465	2025

2 Tạp chí quốc gia				
1	Đánh giá hoạt tính kháng nấm <i>Candida albicans</i> và nấm <i>Cryptococcus neoformans</i> của hợp chất Prodigiosin	Đồng tác giả	Tạp chí Phòng chống sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Số 1 (109) 2019	2019
2	Xác định mật độ và các chi nấm sợi trong không khí khu vực Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh (2018-2019)	Đồng tác giả	Tạp chí Phòng chống sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Số 3 (111) 2019	2019
3	Xác định tỷ lệ nhiễm và thành phần loài nấm sinh dục ở nữ bệnh nhân điều trị vô sinh tại Viện mô phổi lâm sàng quân đội (2017)	Đồng tác giả	Tạp chí Phòng chống sốt rét và các bệnh ký sinh trùng, Số 1 (115) 2020	2020
4	Một số đặc điểm dịch tễ học nhiễm nấm huyết ở bệnh nhân bỏng điều trị tại khoa Hồi sức Cấp cứu bệnh viện Bỏng Quốc Gia, 2017 - 2019	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Tp. Hồ Chí Minh, Tập 25, Số 2, tr: 36-40	2021
5	Xác định tỷ lệ viêm âm đạo do nấm và phân tích tình trạng kháng thuốc của nấm <i>Candida albicans</i> ở phụ nữ tuổi sinh đẻ tại Hà Nội (2019 - 2020)	Tác giả chính	Tạp chí Y Dược học Quân sự, 46(4): 32-39	2021
6	Phân tích đa hình gen ty thể <i>cox1</i> của sán lá gan nhỏ <i>Clonorchis sinensis</i> thu thập tại 2 tỉnh Ninh Bình và Phú Thọ	Tác giả chính	Tạp chí Y dược lâm sàng 108, 17(4): 120-127	2022
7	Đặc điểm lâm sàng nhiễm <i>Chlamydia trachomatis</i> đường sinh dục ở phụ nữ vô sinh đến khám và điều trị tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương (2020-2022)	Đồng tác giả	Tạp chí Y dược lâm sàng 108, 18(3): 145-151	2023
8	Xác định tần suất mang gen <i>erm(B)</i> và <i>meff(A)</i> ở <i>Streptococcus pneumoniae</i> kháng macrolide thu thập từ trẻ dưới 5 tuổi bị viêm phổi tại Nghệ An (2019-2021)	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và công nghệ Việt Nam, Bản B, 65(2): 9-13	2023
9	Xác định các kiểu gen và phân tích đa hình gen <i>ompA</i> của <i>Chlamydia trachomatis</i> phân lập từ đường sinh dục của phụ nữ Việt Nam bị vô sinh	Tác giả chính (tác giả liên hệ)	Tạp chí Khoa học và công nghệ Việt Nam, Bản B, 66(2): 1- 7	2024
10	Viêm xoang mạn tính thể u nấm không xâm nhập xoang hàm trái do <i>Aspergillus flavus</i> ở người khỏe mạnh: nhân một trường hợp	Tác giả chính (tác giả liên hệ)	Tạp chí Y Dược Huế - Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, Số đặc biệt, tháng 4 2024: 180-185	2024
3	Hội thảo/ hội nghị quốc tế Hội nghị Quốc tế về các bệnh nhiệt đới bị lãng quên	Đồng tác giả	Đại học Khon Kaen, Thái Lan	2015

4	Sách chuyên khảo <i>Cryptococcus neoformans</i> : sinh học, bệnh học, chẩn đoán và điều trị	Đồng tác giả	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật	2017
14. Số lượng văn bằng độc quyền sáng chế/ giải pháp hữu ích/ văn bằng bảo hộ quyền tác giả/phần mềm đã được cấp (nếu có)				
TT	Tên và nội dung văn bằng		Năm cấp văn bằng	
15. Số lượng công trình, kết quả nghiên cứu được áp dụng trong thực tiễn (nếu có)				
TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng		Thời gian
1	Quy trình kỹ thuật PCR-RFLP xác định 6 loài nấm men gây bệnh thường gặp	Bộ môn Ký sinh trùng và Côn trùng, Học viện Quân y		2015-nay
2	Quy trình xác định độ nhạy cảm của nấm <i>Candida</i> gây bệnh với thuốc chống nấm trên môi trường lỏng	Bộ môn Ký sinh trùng và Côn trùng, Học viện Quân y		2019-nay
3	Quy trình giải trình tự, giám định loài nấm dựa vào chỉ thị trình tự đoạn ITS1 - 5.8S - ITS2 hệ gen nhân	Bộ môn Ký sinh trùng và Côn trùng, Học viện Quân y		2019-nay
4	Quy trình giải trình tự, giám định loài giun tròn, sán lá gây bệnh bằng sử dụng môi trường trên trình tự gen nhân 18S.	Bộ môn Ký sinh trùng và Côn trùng, Học viện Quân y		2019-nay
16. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia trong 5 năm gần đây				
Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì		Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu-xếp loại, chưa nghiệm thu)
Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử để phát hiện nhiễm <i>Candida</i> sp. và <i>Cryptococcus neoformans</i> trong dịch não tủy.		2013-6/2015	Đề tài cấp BQP, thuộc Chương trình CNSH phục vụ Quốc phòng	Đã nghiệm thu Khá
Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ, thành phần loài và tình trạng kháng thuốc của nấm <i>Candida</i> gây viêm sinh dục ở phụ nữ tuổi sinh đẻ tại một số bệnh viện Hà Nội; đề xuất các biện pháp dự phòng và điều trị.		2019-2021	Đề tài cấp Thành phố Hà Nội, thuộc Chương trình 01C-08	Đã nghiệm thu Xuất sắc

Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã tham gia	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Nghiên cứu đặc điểm sinh học, lâm sàng, cận lâm sàng, các yếu tố liên quan và đánh giá kết quả điều trị nhiễm nấm trên bệnh nhân bỏng	2017-2019	Đề tài cấp BQP, thuộc Chương trình CNSH phục vụ Quốc phòng	Đã nghiệm thu (Thư ký đề tài)
Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật Nested Multiplex realtime - PCR phát hiện một số căn nguyên vi khuẩn và vi nấm gây viêm màng não thường gặp ở khu vực Tp. Hà Nội.	2016-2018	Đề tài cấp Thành phố Hà Nội	Đã nghiệm thu (Thư ký đề tài)
Nghiên cứu chế tạo kháng nguyên TES tái tổ hợp và ứng dụng chế tạo sinh phẩm ELISA phát hiện kháng thể IgG kháng ấu trùng gây bệnh giun đũa chó mèo ở người (Toxocariasis)	2019-2023	Đề tài cấp Bộ Y tế	Đã nghiệm thu (tham gia)

17. Giải thưởng (về KH&CN, về chất lượng sản phẩm, ...)

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng
1	Giải nhất Olympic toán học sinh viên Toàn quốc	2002
2	Giải 3 giải thưởng VIFOTEX dành cho sinh viên	2004
3	Giải nhì Giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo trong Quân đội	2013

18. Kinh nghiệm về quản lý, đánh giá KH&CN (số lượng các Hội đồng tư vấn, xét duyệt, nghiệm thu, đánh giá các chương trình, đề tài, dự án KH&CN cấp quốc gia hoặc tương đương trong và ngoài nước đã tham gia trong 5 năm gần đây)

TT	Hình thức Hội đồng	Số lần
1	Hội đồng KHCN cấp cơ sở nghiệm thu các đề tài cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC10 16-20	02
2	Là Thư ký hành chính Chương trình KC10 11-15 giai đoạn 2011-2015: tham dự và hỗ trợ nhiều hội đồng tư vấn xét chọn đầu vào, đánh giá, nghiệm thu các đề tài dự án cấp Nhà nước thuộc Chương trình KC10 11-15.	80

19. Nghiên cứu sinh đã hưởng dẫn bảo vệ thành công (nếu có)

TT	Họ và tên	Hướng dẫn / đồng hướng dẫn	Đơn vị công tác	Năm bảo vệ thành công
1	Nguyễn Hòa	Đồng hướng dẫn	Bệnh viện Phụ sản Trung ương	2024

Tôi xin cam đoan những thông tin được ghi ở trên là hoàn toàn chính xác.

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

**Xác nhận của Thủ trưởng
Cơ quan công tác**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Việt Tiến

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)



Đỗ Ngọc Ánh

Số: 44/QĐ-HĐCDGSNN

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành "Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư";

Căn cứ Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của "Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư" ban hành kèm theo Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 763/QĐ-TTg ngày 26/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2014-2019;

Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-TTg ngày 25/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Ủy viên Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2014-2019 được thành lập theo Quyết định số 763/QĐ-TTg ngày 26/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT ngày 15/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT ngày 15/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐCDGSNN của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước kỳ họp thứ VII, ngày 01/02/2018;

Căn cứ công văn số 1253/BGDĐT-TTr ngày 02/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc kiểm tra hồ sơ giáo sư, phó giáo sư;

Xét đề nghị của Tổng Thư ký Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư cho 09 nhà giáo và đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư cho 44 nhà giáo (danh sách kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Tổng Thư ký Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học và các cơ quan, đơn vị có liên quan, các nhà giáo có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Dam (để báo);
- Như Điều 2;
- Website HĐCDGSNN;
- Lưu VP.



DANH SÁCH CÁC NHÀ GIÁO ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ, PHÓ GIÁO SƯ NĂM 2017

(Theo Quyết định số 11/QĐ-HDCDGSNN ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước)

TT	Họ và tên ứng viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Ngành, chuyên ngành	Nơi làm việc	Quê quán (huyện/quận, tỉnh/thành phố)	Mã số Giấy Chứng nhận
1	Dương Đình Chính	30/04/1972	Nam	Y học	Sở Y tế Nghệ An	Quỳnh Lưu, Nghệ An	5139/PGS

BTH



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

**THE CHAIRMAN
OF THE STATE COUNCIL FOR PROFESSOR TITLE**

Pursuant to Decision N° 174/2008/QĐ-TTg dated December 24, 2008 and Decision N° 20/2012/QĐ-TTg dated April 27, 2012 by the Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam, Pursuant to Decision N° 11/QĐ-HOCTDGSNN dated April 03, 2018 by the Chairman of the State Council for Professor Title,

**CONFERS
THE CERTIFICATE OF RECOGNITION**

Upon: **Mr. Duong Dinh Chinh**

Born on: **April 30, 1972**

In: **Quynh Luu, Nghe An**

for having met the standards of associate professor title

in: **Medicine**



Given under the Seal
of the State Council for Professor Title

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC**

- Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 và Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-HĐCDGSNN ngày 03/4/2018 của Chủ tịch Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước,

CÔNG NHẬN

Đã công nhận **Ông Dương Đình Chính** là **Giáo sư** ngành **Y học**

Ngành: **Y học**

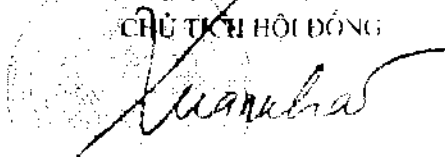
Cho: **Ông Dương Đình Chính**

Sinh ngày **30** tháng **4** năm **1972**

Quê quán: **Quỳnh Lưu, Nghệ An**

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Phùng Xuân Nhạ

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số: **5139/PGS**

Số: 48 /QĐ-VSR

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư

VIỆN TRƯỞNG VIỆN SỞT RÉT-KÝ SINH TRÙNG - CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 3003/QĐ-BYT ngày 24/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ - TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư; Quyết định số 20/2012/QĐ - TTg ngày 27/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư ban hành kèm theo Quyết định số 174/2008/QĐ - TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-HĐCĐGSNN ngày 03/4/2018 của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước về việc công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư năm 2017;

Căn cứ kết quả cuộc họp của Hội đồng Khoa học - Kỹ thuật ngày 05/4/2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư ngành Y học, Ngành/chuyên ngành: Nội thần kinh, cho:

Ông Dương Đình Chinh, sinh ngày 30/4/1972.

Quê quán: Quỳnh Lưu, Nghệ An.

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Dịch tễ học, bộ phận Đào tạo sau Đại học, phòng Khoa học - Đào tạo.

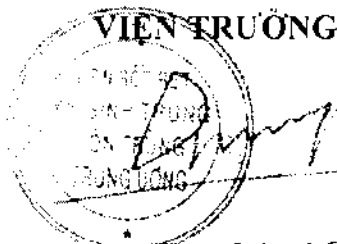
Đơn vị công tác: Sở Y tế tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Phó Giáo sư được bổ nhiệm tại Điều 1 thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Trưởng các khoa (phòng): Hành chính quản trị, Tổ chức cán bộ, Khoa học - Đào tạo, các đơn vị liên quan và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.



PGS.TS. Trần Thanh Dương

MÃ SỐ HỒ SƠ:.....



**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Giáo sư ☐; Phó giáo sư ☒

Đối tượng: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Y học ; Chuyên ngành: Thần kinh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **DƯƠNG ĐÌNH CHỈNH**

2. Ngày tháng năm sinh: 30 / 04 / 1972 ; Nam ☒; Nữ ☐; Dân tộc: Kinh

3. Đảng viên Đảng CSVN: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Quỳnh Hậu - Quỳnh Lưu -
Nghệ An

5. Chỗ ở hiện nay (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 123
đường Lê Hoàn, phường Hưng Phúc, Tp Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Điện thoại nhà riêng: 02383567568; Điện thoại di động: 0913513809;

Địa chỉ E-mail: chinhuehoang@gmail.com

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 123 đường Lê
Hoàn, phường Hưng Phúc, Tp Vinh, Tỉnh Nghệ An.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Tháng 10 năm 1988: Trúng tuyển Đại học Y Thái Bình

- Tháng 7 năm 1994: Tốt nghiệp bác sỹ đa khoa

- Từ tháng 8 năm 1994 đến tháng 2 năm 1995: Học chuyên khoa định hướng Thần kinh tại trường Đại học Y Hà Nội
- Từ tháng 3 năm 1995 đến năm 2001: Bác sỹ điều trị tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An
- Từ năm 2001 đến năm 2006: Phó trưởng khoa Thần kinh tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An
- Từ năm 2006 đến năm 2010: Trưởng khoa Thần kinh Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An
- Từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 5 năm 2017: Phó giám đốc, kiêm Trưởng khoa Thần kinh bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An.
- Từ tháng 5 năm 2017 đến nay: Phó giám đốc Sở Y tế Nghệ An.
- Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Sở Y tế Nghệ An
- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó giám đốc Sở Y tế Nghệ An
- Cơ quan công tác hiện nay (khoa, phòng, ban; trường, viện; thuộc Bộ): Sở Y tế Nghệ An

Địa chỉ cơ quan: Số 18 - Đường Trường Thi - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

Điện thoại cơ quan: 0238.3844791; Địa chỉ E-mail: yt@nghean.gov.vn; Fax: 0238.3844791

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có) : Trường Đại học Vinh; Trường Đại học Y khoa Vinh; Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương; Viện nghiên cứu Khoa học Y Dược lâm sàng 108.

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Y khoa Vinh; Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương; Viện nghiên cứu Khoa học Y Dược lâm sàng 108.

9. Hiện nay là (đánh dấu vào ô phù hợp):

Giảng viên ☐ ; Nghiên cứu viên ☐ ; Cán bộ quản lý ☒ ; Các công tác khác ☐ ;
Hưu trí ☐

10. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 7 năm 1994, ngành: Bác sỹ đa khoa, chuyên ngành: Nội - Nhi

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Y khoa Thái Bình, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 29 tháng 11 năm 2001, ngành: Y học, chuyên ngành: Thần kinh

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 21 tháng 5 năm 2012, ngành: Y học, chuyên ngành: Thần kinh

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Quân Y, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày.....tháng.....năm....., ngành:....., chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

11. Đã được công nhận chức danh PGS : Chưa

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HECDSGS cơ sở: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

13. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HECDSGS ngành, liên ngành: Y học.

14. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

- Nghiên cứu về bệnh lý đột quỵ não (tai biến mạch máu não): Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, đặc điểm hình ảnh học các thể đột quỵ não. Nghiên cứu các yếu tố nguy cơ gây đột quỵ. Nghiên cứu điều trị đột quỵ não: các yếu tố tiên lượng điều trị các thể đột quỵ; hiệu quả của các phương pháp, các loại thuốc trong điều trị đột quỵ não; đặc biệt chú trọng tới các phương pháp mới trong điều trị (dùng thuốc tiêu sợi huyết, dùng dụng cụ cơ học trong điều trị nhồi máu não sớm; điều trị các dị dạng mạch não bằng can thiệp nội mạch)

- Nghiên cứu các bệnh lý thần kinh khác: nghiên cứu việc chẩn đoán sớm, điều trị các bệnh lý thần kinh ngoại biên (thoát vị đĩa đệm cột sống cổ, cột sống thắt lưng ..); đau đầu; bệnh lý động kinh; các bệnh lý thần kinh khác.

- Ngoài 2 hướng nghiên cứu chính trên tôi còn tham gia nghiên cứu về đặc điểm dịch tễ học, tìm hiểu các yếu tố nguy cơ và từ đó đề xuất các giải pháp phòng chống đối với một số bệnh thường gặp tại cộng đồng, đặc biệt các bệnh lý thuộc nhóm bệnh tim mạch; nhóm bệnh thần kinh.

15. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn chính 03 Học viên cao học bảo vệ thành công luận văn ThS, và 1 bác sỹ CKII bảo vệ thành công luận văn. Đã hướng dẫn phụ 02 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn. Đang hướng dẫn 03 Nghiên cứu sinh (02 hướng dẫn chính, 01 hướng dẫn phụ).

- Đã hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp tỉnh, hiện đang tiếp tục chủ nhiệm 02 đề tài cấp tỉnh và thư ký của 01 đề tài cấp tỉnh.

- Đã hoàn thành 2 sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh

- Đã hoàn thành 14 đề tài NCKH cấp cơ sở xếp loại xuất sắc.

- Đã công bố 66 bài báo KH trong nước.

- Số sách đã xuất bản 05.

- Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất (sách hoặc đề tài NCKH hoặc bài báo KH). Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN (nếu có); với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí đăng, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ thuộc loại nào: SCI, SCIE, ISI, Scopus (đối với KHTN-CN); SSCI, A&HCI, ISI, Scopus (đối với KHXH-NV), chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số H của ứng viên.

1. *Giáo trình Thần kinh học*, tác giả Trần Viết Lực, Dương Đình Chính, Cao Trường Sinh; NXB Y học, 2016, chỉ số ISBN: 978-604-66-1885-0.

2. Sách tham khảo: *Chóng mặt từ bệnh học đến điều trị*; tác giả Dương Đình Chính, Trần Văn Thanh; NXB Y học, 2017, chỉ số ISBN: 978-604-66-2724-1.

3. Đề tài cấp Tỉnh: *Khảo sát tình hình bệnh tim bẩm sinh ở trẻ em dưới 16 tuổi tại tỉnh Nghệ An và đề xuất biện pháp quản lý, điều trị*. Chủ nhiệm đề tài TS Dương Đình Chính, đã nghiệm thu năm 2016 đạt loại xuất sắc.

4. Đề tài cấp cơ sở: *Điều trị bệnh dị dạng mạch máu não bằng phương pháp can thiệp nội mạch tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An*. Chủ nhiệm đề tài TS

Dương Đình Chính, đã nghiệm thu đạt loại xuất sắc, giải nhì Hội thi sáng tạo khoa học cộng nghệ tỉnh Nghệ An năm 2013.

5. Bài báo: Kiều Văn Dương, Dương Đình Chính (2016), *Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến kết quả điều trị tiêu sợi huyết đường tĩnh mạch ở bệnh nhân nhồi máu não cấp*. Tạp chí Y học Việt Nam, năm 2016, số 1, trang 142 - 146. Trích từ đề tài cấp cơ sở năm 2015, đã nghiệm thu đạt loại xuất sắc, giải nhì Hội thi sáng tạo khoa học cộng nghệ tỉnh Nghệ An năm 2017.

16. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- **Thầy thuốc ưu tú** (Quyết định số: 183/QĐ/ CTN ngày 14 tháng 02 năm 2012, Chủ tịch nước)

- **Bằng khen Thủ tướng Chính phủ đã có thành tích trong công tác từ năm 2010-2014, góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và Bảo vệ Tổ quốc** (Quyết định số 1047/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ).

- Bằng khen Bộ Y tế: năm 2014, năm 2017.

- Bằng khen của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh: năm 2008; 2011; 2012 (2 bằng khen); 2013 (2 bằng khen); 2014; 2015;

- **Chiến sỹ thi đua Toàn quốc đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua yêu nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và Bảo vệ Tổ quốc** (Quyết định số 2387/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2016).

- **Chiến sỹ thi đua cấp Tỉnh:** năm 2011, năm 2015.

- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: liên tục 14 năm (từ 2002 đến 2016)

- Nhiều bằng khen, giấy khen khác.

17. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

Về hoạt động nghiên cứu khoa học:

Luôn đi đầu, gương mẫu trong đơn vị trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Cùng với các đồng nghiệp thực hiện nhiều đề tài cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở được đánh giá rất cao về ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn. Trong hoạt động khoa luôn trung thực, khách quan, luôn tuân thủ khía cạnh đạo đức trong nghiên cứu. Ba

lần liên tiếp đạt giải nhì về sáng tạo khoa học công nghệ tỉnh Nghệ an, nhiều bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ an về công tác nghiên cứu khoa học.

Về hoạt động đào tạo:

Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của một nhà giáo theo quy định của luật giáo dục. Giảng dạy theo đúng chuyên ngành, chương trình giáo dục đúng quy định tại các cơ sở đào tạo. Là giáo viên tâm huyết với nghề nghiệp, luôn coi trọng việc giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của một nhà giáo, tôn trọng sinh viên; học viên. Thường xuyên cập nhật kiến thức mới trong mỗi bài giảng, đảm bảo chất lượng bài giảng khi lên lớp. Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các em sinh viên, các học viên trong quá trình học tập, cũng như trong quá trình thực hiện đề tài.

Chủ biên tài liệu giảng dạy cho Đại học Y khoa Vinh: đã biên soạn xong Giáo trình Thần kinh học, đang tiếp tục cùng các đồng nghiệp biên soạn cuốn Bệnh học nội khoa. Tham gia biên soạn Giáo trình bệnh học Thần kinh của trường Đại học Y Dược Thái Bình. Là chủ biên của sách tham khảo: Chóng mặt từ bệnh học đến điều trị, là tài liệu tham khảo cho các bác sỹ chuyên ngành Thần kinh; chuyên ngành Tai mũi họng và nhiều chuyên ngành khác. Tham gia biên soạn một số tài liệu chuyên khảo và tham khảo khác.

Về việc thực hiện các nhiệm vụ khác:

Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh giản dị, khiêm tốn, luôn nỗ lực học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đồng nghiệp tin yêu, sinh viên kính trọng và bệnh nhân tin tưởng. Luôn sẵn sàng chia sẻ những kiến thức kinh nghiệm mà bản thân có được với các đồng nghiệp, có tính cộng sự cao trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Đạt chiến sỹ thi đua cấp cơ sở 14 năm liên tục, 2 lần được danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, được phong tặng thầy thuốc ưu tú năm 2012, chiến sỹ thi đua toàn quốc năm 2016, Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen năm 2015.

2. Thâm niên đào tạo:

Tổng số 08 thâm niên đào tạo đại học và sau đại học liên tục như sau:

Khai cụ thể ít nhất 6 thâm niên, trong đó có 3 thâm niên cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

TT	Khoảng thời gian	Hướng dẫn NCS		Hướng dẫn BS CKII		Hướng dẫn luận văn thạc sỹ		Hướng dẫn đồ án tốt nghiệp đại học	Giảng dạy		Tổng số giờ lý thuyết quy đổi
		Chính	Phụ	Chính	Phụ	Chính	Phụ		Đại học	Sau đại học	
1	2009-2010								90		90
2	2010-2011								180		180
3	2011-2012								182		182
4	2012-2013						1		100	120	220
3 năm cuối (2013 -2016)											
5	2013-2014					1			129	60	213
6	2014-2015						1		124	120	244
7	2015-2016	1				2			144	60	285
8	2016-2017 (đang thực hiện)	1	1	1					148	60	

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐ :

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:

- Bảo vệ luận án ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ☐ ; Tại nước :

- Thực tập dài hạn (> 2 năm) ☐ ; Tại nước :

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☒ :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ (tiếng Anh): Đại học Vinh; số bằng: 1255868; năm cấp: 2015

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐ :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2, nơi cấp Đại học Vinh, năm cấp: 2017.

4. Hướng dẫn NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS:

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng			Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn từ...đến. ..	Cơ sở đào tạo	Năm đã bảo vệ
		NC S	BS CK II	HV Cao học	Chính	Phụ			
1	Kiều Mai Anh			x		x	2012-2013	Đại học Dược Hà Nội	2013
2	Lê Quang Toàn			x	x		2013-2014	Học viện Quân Y	2014
3	Nguyễn Thị Mỹ Linh			x		x	2014-2015	Đại học Y Hà Nội	2015
4	Kiều Văn Dương			x	x		2015-2016	Đại học Y Hà Nội	2016
5	Nguyễn Phạm Duy Bình			x	x		2015-2016	Đại học Vinh	2016
6	Nguyễn Thị Hải		x		x		2016-2017	Đại học Y Dược Hải Phòng	2017
7	Nguyễn Thanh Long	x			x		2015-2019	Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược Lâm Sàng 108	Dự kiến năm bảo vệ 2019

8	Phạm Hùng Tiến	x				x	2016-2020	Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Trung Ương	Dự kiến năm bảo vệ 2020
9	Nguyễn Anh Dũng	x			x		2017-2020	Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược Lâm Sàng 108	Dự kiến năm bảo vệ 2020

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phân biên soạn	Thẩm định, xác nhận sử dụng của CSGDDH	ISBN
1	Giáo trình thần kinh học	Giáo trình giảng dạy Đại học	NXB Y học, 2016, Số đăng ký: 685-2016/CXBIPH/6-31/YH. QĐ số: 97/QĐ-XBYH ngày 28/3/2016. Nộp lưu chiều Quý II năm 2016	05	Đồng chủ biên	Viện sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Trung Ương	978-604-66-1885-0

2	Chóng mặt từ bệnh học đến điều trị	Sách tham khảo	NXB Y học, 2017. Số đăng ký: 1623- 2017/CXBIPH/4- 59/YH. QĐ số: 205/QĐ-XBYH ngày 25/5/2017. Nộp lưu chiều quý II năm 2017	04	Đồng chủ biên	Viện sốt rét-Ký sinh trùng- Côn trùng Trung Ương	978- 604- 66- 2724-1
3	Chuẩn đoán và điều trị các chứng bệnh đau đầu thường gặp	Sách tham khảo	NXB Y học, 2013. Số đăng ký: 1392- 2013/CXB/12- 138/YH. QĐ số: 372/QĐ-YH ngày 28/10/2013. Nộp lưu chiều quý IV năm 2013	06	Tham gia biên soạn	Viện sốt rét-Ký sinh trùng- Côn trùng Trung Ương	978- 604- 66- 0137-1
4	Theo dõi huyết áp lưu động 24 giờ- Từ nguyên lý đến thực hành	Sách chuyên khảo	NXB Đại học Huế, 2016. Số đăng ký: 2016/CXBIPH/01- 06ĐHH. QĐ số : 17/QĐ/ĐHH- NXB, ngày 22/3/2016. Nộp lưu chiều năm 2016	05	Tham gia biên soạn	Viện sốt rét-Ký sinh trùng- Côn trùng Trung Ương	978- 604- 912- 544-7
5	Giáo trình bệnh học thần kinh	Sách giáo khoa	NXB Y học Hà Nội. Số đăng ký: 1381- 2016/CXBIPH/4- 75/YH. QĐ số :178/QĐ-XBYH, ngày 13/5/2016. Nộp lưu chiều quý IV năm 2013.	07	Tham gia biên soạn	Viện sốt rét-Ký sinh trùng- Côn trùng Trung Ương	978- 604- 66- 1987-1

6. Chủ nhiệm hoặc tham gia chương trình, đề tài NCKH đã nghiệm thu:

TT	Tên CT, ĐT	CN	TG	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Khảo sát tình hình bệnh tim bẩm sinh ở trẻ em dưới 16 tuổi tại tỉnh Nghệ An và đề xuất biện pháp quản lý, điều trị	x		Tỉnh	2014 - 2016	27/12/2016	Xuất sắc
2	Nghiên cứu một số chỉ số Lipid máu ở bệnh nhân tai biến mạch máu não tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	x		Cơ sở	2012	11/10/2012	Xuất sắc
3	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, hình ảnh cộng hưởng từ và điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng bằng phương pháp sử dụng Lidocain + Depomedrol tiêm ngoài màng cứng tại Bệnh viện HNĐK Nghệ An	x		Cơ sở	2013	02/12/2013	Xuất sắc
4	Điều trị bệnh dị dạng mạch máu não bằng phương pháp can thiệp nội mạch tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	x		Cơ sở	2013	02/12/2013	Xuất sắc

5	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá kết quả điều trị chảy máu dưới nhện do vỡ phình động mạch não bằng phương pháp nút Coil tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	x		Cơ sở	2014	24/11/2014	Xuất sắc
6	Bước đầu nghiên cứu hàm lượng Isulin trong huyết thanh người bình thường và bệnh nhân đái tháo đường	x		Cơ sở	2014	24/11/2014	Xuất sắc
7	Nghiên cứu lâm sàng và kết quả điều trị dị dạng thông động tĩnh mạch não đã vỡ bằng nút mạch với Onyx tại bệnh viện Tỉnh Nghệ An	x		Cơ sở	2015	05/10/2015	Xuất sắc
8	Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng, hình ảnh chụp cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ của chảy máu thân não	x		Cơ sở	2015	05/10/2015	Xuất sắc
9	Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và các yếu tố liên quan đến kết quả điều trị tiêu sợi huyết ở bệnh nhân nhồi máu sớm	x		Cơ sở	2015	05/10/2015	Xuất sắc

10	Tìm hiểu kiến thức, thái độ, thực hành của người nhà bệnh nhân đột quỵ não tại khoa Thần kinh Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	x		Cơ sở	2016	10/11/2016	Xuất sắc
11	Nghiên cứu các yếu tố tiên lượng đến kết quả điều trị nội khoa thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	x		Cơ sở	2016	21/10/2016	Xuất sắc
12	Nghiên cứu các yếu tố tiên lượng tử vong ở bệnh nhân xuất huyết não tự phát tại Bệnh viện HNĐK Nghệ An	x		Cơ sở	2016	10/11/2016	Xuất sắc
13	Đánh giá hiệu quả điều trị của thuốc Cytoflavin ở bệnh nhân đột quỵ não cấp tại khoa Thần kinh Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	x		Cơ sở	2016	21/10/2016	Xuất sắc
14	Đặc điểm lâm sàng và đánh giá chất lượng cuộc sống ở bệnh nhân đau đầu mạn tính hàng ngày	x		Cơ sở	2016	21/10/2016	Xuất sắc
15	Nghiên cứu về mối liên quan giữa tình trạng nhiễm khuẩn và kết quả điều trị nhồi máu não	x		Cơ sở	2016	10/11/2016	Xuất sắc

16	Nghiên cứu thực trạng viêm mũi dị ứng của học sinh trung học cơ sở lứa tuổi 11 - 14 ở thành phố Vinh - Nghệ An và đề xuất giải pháp can thiệp	x		Tỉnh	2016 - 2017	Dự kiến nghiệm thu Tháng 9 năm 2017	
17	Nghiên cứu dịch tễ học bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và đánh giá hiệu quả can thiệp tại tỉnh Nghệ An		x (thư ký)	Tỉnh	2016 - 2018	Dự kiến nghiệm thu Tháng 6 năm 2018	
18	Nghiên cứu can thiệp lấy huyết khối bằng dụng cụ cơ học ở bệnh nhân nhồi máu não cấp do tắc mạch máu lớn tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	x		Tỉnh	2017 - 2019	Dự kiến nghiệm thu Tháng 8 năm 2019	
	Sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh						
19	Nghiên cứu biến đổi huyết áp và hiệu quả điều trị của lercanidipine ở bệnh nhân nhồi máu não có tăng huyết áp bằng theo dõi huyết áp lưu động 24 giờ	x	2	Tỉnh	2011 - 2015	24/3/2016	
20	Giải pháp điều trị tiêu sợi huyết ở bệnh nhân nhồi máu não sớm tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An	x	5	Tỉnh	2012 - 2016	03/03/2017	

7. Kết quả NCKH đã công bố (bài báo khoa học và bằng phát minh, sáng chế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố trước khi bảo vệ luận án Tiến Sĩ

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí, kỷ yếu	Tập	Số	Trang số	Năm công bố
1	Nhận xét một số đặc điểm lâm sàng , hình ảnh chụp cắt lớp vi tính và đánh giá giá trị thang điểm Siriraj trong chẩn đoán phân biệt bệnh xuất huyết não và nhồi máu não trên lều tại BV ĐK Nghệ An	01	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 0866 - 7241	519	9	36 -40	2005
2	Tìm hiểu một số nguy cơ trên bệnh nhân Tai biến mạch máu não điều trị tại Bệnh viện Đa Khoa Nghệ An	01	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 0866 - 7241	525	10	59 -62	2005
3	Kiến thức, thái độ và thực hành chăm sóc bệnh nhân bị đột quỵ não tại cộng đồng tỉnh Nghệ An	03	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	763	5	02 - 06	2011
4	Khảo sát một số yếu tố nguy cơ của bệnh đột quỵ não ở Nghệ An (2007 - 2008)	04	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	759	4	9 -11	2011
5	Một số đặc điểm dịch tễ học tai biến mạch máu não tại Nghệ An (2000 - 2007)	04	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	760	4	113 -116	2011

6	Thực trạng công tác quản lý và chăm sóc bệnh nhân bị đột quỵ não tại cộng đồng ở tỉnh Nghệ An.	04	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	765	5	45 -48	2011
---	--	----	---	-----	---	--------	------

7.2. Bài báo khoa học đã công bố sau khi bảo vệ luận án Tiến Sĩ

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí, kỷ yếu	Tập	Số	Trang số	Năm công bố
1	Nghiên cứu kết quả điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	01	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	427	1	21 -27	2015
2	Đánh giá vai trò của phương pháp dẫn lưu não thất và đo áp lực nội sọ bằng máy spiegelberg trong điều trị xuất huyết não	01	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	443	2	140 - 145	2016
3	Nghiên cứu một số đặc điểm hình ảnh học của u góc cầu tiểu não tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	01	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	445	1	75 - 82	2016
4	Nghiên cứu mối liên quan giữa tình trạng nhiễm khuẩn và kết quả điều trị nhồi máu não	01	Tạp chí Y Dược học Quân Sự ISSN 1859-0748	41	ĐB	50 - 55	2016

5	Nghiên cứu một số chỉ số Lipid máu ở bệnh nhân đột quỵ não tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	01	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	421	1	20 - 24	2014
6	Đánh giá kết quả bước đầu điều trị can thiệp mạch máu não tại Bệnh viện Đa Khoa Nghệ An	01	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	837	8	51-55	2012
7	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, hình ảnh cộng hưởng từ thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	01	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 -1663	948	1	02 -07	2015
8	Đặc điểm các bệnh nhân trầm cảm điều trị tại Bệnh viện Tâm Thần tỉnh Nghệ An	01	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	972	7	36 - 39	2015
9	Đánh giá kết quả điều trị bệnh trầm cảm tại Bệnh viện Tâm Thần tỉnh Nghệ An	01	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	976	9	07-12	2015
10	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng của u góc cầu tiểu não tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	01	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	1014	6	67 - 71	2016
11	Tìm hiểu các yếu tố tiên lượng u góc cầu tiểu não	01	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	1023	10	02 - 06	2016

12	Thực trạng nguồn nhân lực và kết quả khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa Khoa Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	01	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	972	7	187 -190	2015
13	Nghiên cứu kết quả điều trị can thiệp nội mạch đối với dị dạng động - tĩnh mạch não bằng onyx tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	02	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	426	1	10 - 14	2015
14	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trong điều trị bệnh trầm cảm tại Bệnh viện Tâm Thần Nghệ An	02	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	434	1	22 - 27	2015
15	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng dị dạng thông động - tĩnh mạch đã vỡ điều trị tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	02	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	441	1	229 - 232	2016
16	Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến kết quả điều trị tiêu sợi huyết đường tĩnh mạch ở bệnh nhân nhồi máu não cấp	02	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	447	1	142 - 146	2016

17	Nghiên cứu sự biến đổi nhịp ngày đêm của huyết áp ở bệnh nhân đột quỵ não cấp có tăng huyết áp bằng huyết áp lưu động 24 giờ	02	Tạp chí Y được lâm sàng 108 - Viện nghiên cứu khoa học Y được lâm sàng 108 ISSN 1859 - 2872	10	9	93 - 99	2015
18	Đánh giá kết quả điều trị chảy máu dưới nhện bằng phương pháp nút coils tại Bệnh viện Đa Khoa Nghệ An	02	Tạp chí Y được lâm sàng 108 - Viện nghiên cứu khoa học Y được lâm sàng 108 ISSN 1859 - 2872	10	9	325 - 332	2015
19	Phân tích thực trạng sử dụng thuốc trong điều trị Động kinh trên bệnh nhân nội trú tại Bệnh viện Tâm Thần Nghệ An	02	Tạp chí Dược Học ISSN 0866 - 07861	471	7	54 - 58	2015
20	Đặc điểm bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại Nghệ An	02	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	422	1	15 - 19	2014
21	Đặc điểm rối loạn Lipid máu ở bệnh nhân đái tháo đường Type II	02	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	429	2	34 -39	2015
22	Đánh giá kiến thức và thái độ của cán bộ Y tế Bệnh viện Đa Khoa thành phố Vinh về công tác quản lý chất lượng bệnh viện	02	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	435	2	25 - 30	2015

23	Mối tương quan giữa homa - ir với một số yếu tố ở bệnh nhân đái tháo đường type II	02	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	446	2	136 - 140	2016
24	Đánh giá kiến thức, thực hành về quản lý chất thải rắn y tế của cán bộ trạm y tế xã, phường trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An năm 2014	02	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	442	2	202 - 207	2016
25	Nhận xét bước đầu hiệu quả lấy huyết khối bằng dụng cụ cơ học trong điều trị nhồi máu não cấp tính tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	02	Tạp chí Y Dược học Quân Sự ISSN 1859-0748	41	ĐB	116 - 121	2016
26	Nhân 2 trường hợp nhồi máu não cấp được lấy huyết khối bằng dụng cụ cơ học	02	Tạp chí Y dược lâm sàng 108 - Viện nghiên cứu khoa học Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859 - 2872	10	9	356-361	2015
27	Đánh giá kết quả chụp và can thiệp động mạch vành qua da tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	02	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	843	10	6 -9	2012

28	Đánh giá kết quả điều trị tiêu sợi huyết tĩnh mạch đối với bệnh nhân nhồi máu não cấp tính tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	02	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	953	3	59 - 61	2015
29	Đánh giá kết quả bước đầu vi phẫu thuật u não tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	02	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	996	2	06 - 09	2016
30	Kết quả điều trị vi phẫu u màng não tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	02	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	997	2	28 - 31	2016
31	Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh học của dị dạng thông động - tĩnh mạch đã vỡ điều trị tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	02	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	1001	4	02 - 05	2016
32	Đặc điểm lâm sàng và đánh giá chất lượng cuộc sống ở những bệnh nhân đau đầu mạn tính hằng ngày	02	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	1032	1	181 - 184	2017
33	Tìm hiểu kiến thức của nhóm chăm sóc bệnh nhân tim bẩm sinh ở trẻ em dưới 16 tuổi tại cộng đồng dân cư tỉnh Nghệ An	02	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	1037	3	50 - 52	2017

34	Đánh giá kết quả điều trị ung thư biểu mô tế bào gan bằng thuyên tắc mạch hóa dầu tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	02	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 -1663	937	10	30 - 33	2014
35	Đánh giá tình hình phù hợp của bộ tiêu chí kiểm định chất lượng bệnh viện tại Bệnh viện Đa Khoa thành phố Vinh	02	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	979	10	06-09	2015
36	Nghiên cứu một số yếu tố nguy cơ hạ huyết áp tư thế đứng ở người cao tuổi	02	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	980	10	30 - 33	2015
37	Tìm hiểu kiến thức, thái độ và thực hành của bệnh nhân đái tháo đường type II tại khoa nội tiết Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	02	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	985	11	06 - 09	2015
38	Thực trạng quản lý chất thải rắn Y tế trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An năm 2014	02	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	1003	4	25 - 29	2016
39	Nghiên cứu kiến thức, thực hành và một số yếu tố liên quan về phòng bệnh tay chân miệng của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại xã	02	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng. ISSN 0868 - 3735	93	4	19 - 28	2016

	Vị Đông và xã Vĩnh Trung, Huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang năm 2015						
40	Lấy huyết khô cơ học trong điều trị nhồi máu não cấp tính: Nhân một trường hợp thực hiện tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	02	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	954	3	176 -180	2015
41	Bệnh Marchiafara - Bignami, tổn thương bệnh học, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng: Nhân hai ca lâm sàng tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	02	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	993	1	70 - 73	2016
42	Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến sự hải lòng của người bệnh tại Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An, năm 2016	02	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	1051	7	20-23	2017
43	Nghiên cứu mối liên quan giữa HBA1C với các rối loạn lipid máu trên bệnh nhân nhồi máu não cũ có đái tháo đường type II tại Bệnh viện Nội Tiết Nghệ An	03	Tạp chí Y dược lâm sàng 108 - Viện nghiên cứu khoa học Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859 - 2872	10	9	80 - 85	2015

44	Nghiên cứu kết quả điều trị dị dạng thông động - tĩnh mạch não đã vỡ bằng nút mạch với onyx tại Bệnh viện Tỉnh Nghệ An	03	Tạp chí Y dược lâm sàng 108 - Viện nghiên cứu khoa học Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859 - 2872	10	9	182 - 187	2015
45	Nghiên cứu mối liên quan giữa lâm sàng và hình ảnh học của nhồi máu thân não	03	Tạp chí Y dược lâm sàng 108 - Viện nghiên cứu khoa học Y dược lâm sàng 108 ISSN 1859 - 2872	10	9	206 - 213	2015
46	Nghiên cứu kết quả điều trị tiêu sợi huyết tĩnh mạch liều 0,9 mg/kg đối với bệnh nhân nhồi máu não cấp tính của số điều trị 4,5 giờ	03	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	448	2	93 - 97	2016
47	Đánh giá kết quả bước đầu phẫu thuật tim hở tại bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	03	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	444	1	113 - 115	2016
48	Đánh giá hiệu quả điều trị của Cytoflavin ở bệnh nhân nhồi máu não cấp tính tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	03	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	451	1	149 - 154	2017

49	Đánh giá tác dụng của laser nội mạch kết hợp bài thuốc “lục vị kỷ cúc gia giảm” trong điều trị đột quỵ não sau giai đoạn cấp	03	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	1031	1	02 - 04	2017
50	Kiến thức, thái độ và thực hành của bệnh nhân động kinh đối với bệnh tật điều trị tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	03	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	1037	3	07 - 10	2017
51	Khảo sát đặc điểm và tỷ lệ mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại thành phố Vinh - Nghệ An	03	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	879	9	88-90	2013
52	Đánh giá tình hình sử dụng Corticoid toàn thân và kháng sinh trong điều trị đợt cấp COPD tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	03	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	964	5	131 -135	2015
53	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, tình hình chẩn đoán và điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại Bệnh viện Tỉnh Nghệ An	03	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	968	6	59 - 62	2015

54	Thực trạng tiếp cận dịch vụ kỹ thuật tại trạm y tế Xã và nhu cầu khám chữa bệnh của người dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An năm 2014	03	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	986	11	177 - 181	2015
55	Đánh giá hiệu quả của gây tê ngoài màng cứng lên cuộc chuyển dạ ở sản phụ đẻ tại khoa sản phụ Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	03	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	1015	2	233- 236	2016
56	Khảo sát tình hình bệnh tim bẩm sinh và một số yếu tố liên quan đến trẻ em dưới 16 tuổi trên địa bàn tỉnh Nghệ An	04	Tạp chí Y học Việt Nam - Tổng hội Y học Việt Nam ISSN 1859-1868	452	2	186 - 191	2017
57	Tìm hiểu tỷ lệ, các nguyên nhân tử vong ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và tử vong mẹ ở Nghệ An 2 năm 2009 - 2010	04	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	875	7	47- 51	2013
58	Xác định thành phần loài giun móc /mỏ tại Đăk Lắc bằng hình thái học và sinh học phân tử	04	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng. ISSN 0868 - 3735	93	4	14 - 19	2016
59	Thực trạng bệnh viêm mũi dị ứng ở học sinh trung học cơ sở thành phố Vinh – Nghệ An năm 2015	06	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	1049	6	10 - 13	2017

60	Một số yếu tố liên quan đến bệnh viêm mũi dị ứng ở học sinh trung học cơ sở thành phố Vinh – Nghệ An năm 2015	06	Tạp chí Y học thực hành, Bộ Y tế ISSN 1859 - 1663	1049	6	40 - 43	2017
----	---	----	---	------	---	---------	------

7.3. Bảng phát minh, sáng chế

TT	Tên bằng	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1	<i>Giải nhì sáng tạo khoa học công</i>	Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An	30 /12/ 2013	02
2	<i>Giải nhì sáng tạo khoa học công</i>	Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An	24 /04/ 2015	02
3	<i>Giải nhì sáng tạo khoa học công</i>	Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An	08/05/2017	01

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu tôi sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Vinh, ngày 01 tháng 08 năm 2017

Người đăng ký

Dương Đình Chính

D. XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NƠI ĐANG LÀM VIỆC

Xác nhận nội dung thông tin về cá nhân của Tiến sỹ Dương Đình Chính khai trên là đúng như hồ sơ đang quản lý.

Xác nhận khoảng thời gian Tiến sỹ Dương Đình Chính tham gia giảng dạy đại học, sau đại học tại các cơ sở giáo dục đại học và Tiến sỹ Dương Đình Chính cũng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong khoảng thời gian này.

Tiến sỹ Dương Đình Chính cũng đã có nhiều đóng góp trong hoạt động nghiên cứu khoa học cho sự phát triển chuyên ngành Thần kinh nói riêng cũng như lĩnh vực Y tế nói chung. Hiện là Chủ tịch hội đồng khoa học của Sở Y Tế Nghệ An, ủy viên hội đồng khoa học tỉnh Nghệ An.

Vinh, ngày 02 tháng 08 năm 2017

Thủ trưởng cơ quan

Hoàng Văn Hảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT BỎ NHIỆM LẠI
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống : ☐)

1. Họ và tên người đăng ký: **LÊ ĐÌNH THANH.**
2. Ngày tháng năm sinh: **12/02/1966;**
3. Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: **Việt Nam;** Dân tộc: **Kinh;** Tôn giáo: **Không**
4. Đảng viên Đảng CSVN: ☒
5. Quê quán: **Xã Chì Lãng Nam, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương**
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): **54 Đường 9, Linh Chiểu, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh**
7. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): **Bệnh viện Thống Nhất, số 1 Lý Thường Kiệt, phường Tân Sơn Nhất, Tp. Hồ Chí Minh**
Điện thoại di động: 0913634383; Email: ledinhthanhvnm@yahoo.com.vn
8. Cơ quan công tác, chức vụ hiện nay:
Chức vụ: Giám đốc
Cơ quan công tác: Bệnh viện Thống Nhất
Địa chỉ cơ quan: số 1 Lý Thường Kiệt, phường Tân Sơn Nhất, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại cơ quan: 02838690277.
Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Y Dược, trường Đại học Trà Vinh; Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Đại học Y Dược TP. HCM
9. Hệ số lương hiện hưởng: **7.28** ngày hưởng **1/3/2025**
10. Đã được công nhận chức danh Phó Giáo sư ngày **05 tháng 3 năm 2018,** Ngành: **Y học**
11. Đã được công nhận chức danh Phó Giáo sư ngày **05 tháng 3 năm 2018,** Ngành: **Y học**
12. Kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định trong thời gian được bổ nhiệm chức danh Phó giáo sư *(Nêu rõ theo từng năm, từng nhiệm vụ đối với Phó giáo sư theo quy định):*
- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo theo quy định đối với chức danh Phó Giáo sư; trực tiếp tham gia giảng dạy đại học và sau đại học tại các trường Trường Y

Được, trường Đại học Trà Vinh; Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Đại học Y Dược TP. HCM, đảm bảo chất lượng và tiến độ đào tạo.

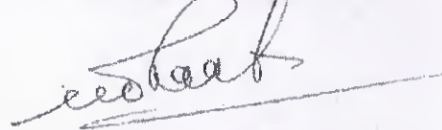
- Tham gia hướng dẫn học viên sau đại học (thạc sĩ, bác sĩ nội trú, nghiên cứu sinh...). đảm bảo đúng quy định chuyên môn và chuẩn đầu ra. Hướng dẫn được 01 nghiên cứu sinh (tốt nghiệp 2025), 20 thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II (từ năm 2019 đến năm 2025)
- Chủ trì/ tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở/cấp bộ/cấp nhà nước; công bố các công trình khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế có uy tín:
 - + Chủ trì 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, đã nghiệm thu 2025.
 - + Chủ nhiệm và tham gia: 05 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cấp bộ (Từ 2019- 2025)
 - + Chủ nhiệm và tham gia 25 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở (từ 2019- 2025)
 - + Có 07 bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín (từ năm 2022-2025)
- Chủ biên 03 sách/ giáo trình (các năm 2023, 2024)
- Tham gia hội đồng khoa học, hội đồng chuyên môn; phản biện khoa học cho các đề tài, luận văn, luận án theo phân công.
- Thực hiện tốt công tác chuyên môn khám, chữa bệnh; tham gia hội chẩn chuyên sâu, góp phần nâng cao chất lượng điều trị tại đơn vị.
- Tham gia các hoạt động đào tạo liên tục, chuyển giao kỹ thuật, hội thảo khoa học trong và ngoài nước.

Đã ký xét bổ nhiệm lại chức danh vị trí Phó Giáo sư tại Cơ sở đào tạo Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

Tôi xin cam kết thực hiện trách nhiệm và quyền lợi khi được bổ nhiệm chức danh phó giáo sư theo quy định hiện hành.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Lê Đình Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

*(Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 09 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC:

1. Họ và tên: **LÊ ĐÌNH THANH**
2. Giới tính: Nam
3. Sinh ngày 12 tháng 02 năm 1966
4. Nơi sinh: Bắc Giang
5. Quê quán: Hải Dương
6. Dân tộc: Kinh
7. Học hàm, học vị cao nhất: Phó Giáo sư năm 2018; Tiến sĩ, năm 2008
8. Nước công nhận học vị: Việt Nam
9. Chức vụ (hiện tại): Giám đốc Bệnh viện Thống Nhất, Bộ Y tế; kiêm Phó Hiệu trưởng trường Y Dược- Đại học Trà Vinh; Chủ nhiệm bộ môn Lão- Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch; Phó Chủ nhiệm bộ môn Nội- Đại học Sức khỏe- Đại học Quốc Gia TP. HCM; Phó Chủ tịch Hội Lão khoa TP. Hồ Chí Minh.
10. Đơn vị công tác (hiện tại): Bệnh viện Thống Nhất – TP. Hồ Chí Minh
11. Địa chỉ liên lạc: Bệnh viện Thống Nhất, Số 01 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
12. Điện thoại liên hệ: CQ: (08)38636686, NR: (08)38967600, DD: 0913634383
E-mail: ledinhthanhvmc@yahoo.com.vn
13. Số CCCD: 024066008236 Ngày cấp: 22/12/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Dài hạn
Nơi đào tạo: Học viện Quân Y- Hà Nội.
Ngành học: Y
Nước đào tạo: Việt Nam Năm tốt nghiệp: 1988

2. Sau đại học:

- Chuyên khoa cấp I chuyên ngành Nội chung; Năm cấp bằng: 1993
Nơi đào tạo: Học viện Quân Y- Hà Nội.
- Tiến sĩ y học chuyên ngành Nội tim mạch; Năm cấp bằng: 2008.

Nơi đào tạo: Học viện Quân Y- Hà Nội.

- Tên luận án: Nghiên cứu biến đổi huyết áp 24 giờ ở người bình thường và người tăng huyết áp và công nhân làm việc trên biển.

3. Ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B2 Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN:

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
10/1988 - 10/1990	Khoa Nội nhiễm, Bệnh viện Quân đoàn 4.	Bác sĩ điều trị
11/1990 – 3/1993	Khoa Nội chung, Bệnh viện Quân đoàn 4.	Học chuyên khoa I Nội chung - phụ trách khoa nội chung.
4/1993 – 02/1994	Phòng quân y, Quân đoàn 4.	Trợ lý điều trị, phòng quân y quân đoàn
3/1994 – 5/1995	Bảo hiểm y tế Dầu khí	Giám đốc chi nhánh phụ trách phía Nam
6/1995 – 12/2003	Trung tâm y tế Vietsovpetro, Vũng Tàu	Phụ trách khối y tế biển, y tế Vietsovpetro
1/2004 – 8/2007	Trung tâm y tế Vietsovpetro, Vũng Tàu	Làm nghiên cứu sinh tại bộ môn Nội chung, Học viện Quân Y
9/2007 – 8/2011	Trung tâm y tế Vietsovpetro, Vũng Tàu	Trưởng khối y tế biển, Y tế Vietsovpetro
9/2011 – 8/2019	Bệnh viện Thống Nhất, TP Hồ Chí Minh	Phó Giám đốc Bệnh viện Thống Nhất – TP. HCM
9/2019- nay	Bệnh viện Thống Nhất, TP Hồ Chí Minh	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Bệnh viện Thống Nhất, Bộ Y tế; kiêm Phó Hiệu trưởng trường Đại học Trà Vinh; Chủ nhiệm bộ môn Lão- Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch; Phó Chủ nhiệm bộ môn Nội- Đại học Sức khỏe- Đại học Quốc Gia TP. HCM; Phó Chủ tịch Hội Lão khoa TP. Hồ Chí Minh
Từ T11/2024		Ủy viên, Ủy Ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2024-2029

TT	Tên đề tài nghiên cứu/ lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
----	--	----------------	------------------------------------	-----------------------------------

	Đề tài cấp Bộ, tỉnh, Nhà nước			
1	Nghiên cứu sự biến đổi huyết áp 24 giờ ở người bình thường và người tăng huyết áp làm việc trên các công trình biển	2006	Ngành Dầu khí TC Y học thực hành	Chủ nhiệm
2	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật chụp xa hình đánh giá chức năng thận ở bệnh nhân tăng huyết áp nguyên phát	2010	Bộ Quốc Phòng	Tham gia
3	Nghiên cứu tỷ lệ và đặc điểm hội chứng chuyển hóa của cán bộ diện Tỉnh ủy quản lý tại Bạc Liêu- giai đoạn 2.	2013	Tỉnh Bạc Liêu	Tham gia
4	Nghiên cứu tương đương điều trị lâm sàng giữa Ceftrimaz 1g và Rocephin 1g trong điều trị bệnh lý nhiễm trùng tại bệnh viện Thống Nhất và bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên”	2014	Tỉnh Phú Yên tại số 01KQNC/2014 của Sở khoa học và Công nghệ Phú Yên	Tham gia
5	Nghiên cứu tương đương điều trị lâm sàng giữa Fortaacef 1g và Claforan 1g trong điều trị bệnh lý nhiễm trùng tại bệnh viện Thống Nhất và bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên”	2014	Tỉnh Phú Yên tại số 03KQNC/2014 của Sở khoa học và Công nghệ Phú Yên	Tham gia
6	Thử nghiệm lâm sàng pha 2/3, ngẫu nhiên, nhãn mở nhằm đánh giá an toàn và hiệu quả của viên nang Molnupiravir kết hợp điều trị tiêu chuẩn so sánh với điều trị tiêu chuẩn đơn thuần ở bệnh nhân nhiễm COVID-19 được xác định bằng RT-PCR, mức độ nhẹ và vừa (nghiên cứu tại bệnh viện); kết hợp sử dụng thuốc có kiểm soát tại cộng đồng (nghiên cứu tại cộng đồng)- giai đoạn 2	Từ 14/8- 16/9/20 21	Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế tại số 36/CN-K2ĐT ngày 20/9/2021	Chủ nhiệm
7	Thử nghiệm lâm sàng pha 3, tiến cứu, nhãn mở, đơn nhóm, nhằm đánh giá tính an toàn và hiệu quả của Molnupiravir đường uống thêm vào điều trị tiêu chuẩn để điều trị bệnh nhân nhiễm COVID-19 mức độ nhẹ được xác định bằng SARS-CoV2 RT-PCR- Bắc cầu giai đoạn 3	Quý III- Quý IV/202 1	Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế tại số 44/CN-K2ĐT ngày 20/9/2021	Chủ nhiệm
8	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học và vi rút học bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng vi rút Corona mới 2019 (Covid-19) tại Việt Nam	2/2020- 7/2021	Đề tài cấp Nhà nước	Tham gia

10	Đề án thực hiện mạng lưới điều phối liên viện về hiến và ghép thận nhân tạo giữa BV Chợ Rẫy, BV Thống Nhất và BV Nhi đồng 2	10/2019-11/2022	Đề tài nghiên cứu cấp Sở khoa học Công nghệ	Phối hợp thực hiện
11	Nghiên cứu sử dụng tín hiệu PPG và trí tuệ nhân tạo trong tầm soát phát hiện tăng huyết áp và rối loạn nhịp tim	2025	QĐ số 730/QĐ-UBND ngày 18/08/2025 của UBND TP. Hồ Chí Minh. Đề tài cấp thành phố	Tham gia
12	Đánh giá kết quả phẫu thuật ít xâm lấn bóc lớp trong động mạch cảnh	2025	QĐ số 137/QĐ-SKHCN ngày 26/03/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Đồng chủ nhiệm
	Đề tài cấp cơ sở			
1.	Nghiên cứu tỷ lệ tăng huyết áp và biến đổi điện tim ở người lao động trên biển	2003	TTYT Vietsovpetro	Chủ nhiệm
2.	Khảo sát mối liên quan giữa kháng Insulin, dung nạp Glucose với một số chỉ số ở bệnh nhân suy thận mãn tính	2011	Tạp chí Nội tiết đái tháo đường số 2 -đặc biệt năm 2011	Chủ nhiệm
3.	Mối liên quan giữa biến đổi nồng độ Hormon tuyến giáp (FT3, FT4), TSH với một số chỉ số ở bệnh nhân suy thận mãn tính giai đoạn 3-4	2011	Tạp chí Nội tiết đái tháo đường số 2 -đặc biệt năm 2011	Chủ nhiệm
4.	Khảo sát việc sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường typ II tại bệnh viện Thống Nhất năm 2013	2013	Bệnh viện Thống Nhất TC Y học TP. HCM	Chủ nhiệm
5.	Khảo sát nồng độ Testosterone ở bệnh nhân rối loạn đường huyết lúc đói và đái tháo đường tại bệnh viện Thống nhất	2013	Bệnh viện Thống Nhất TC Y học TP. HCM	Chủ nhiệm
6.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số biến chứng ở bệnh nhân đái tháo đường typ 2 trên 60 tuổi chẩn đoán lần đầu	2014	Học viện Quân y TC Y học TP. HCM	Chủ nhiệm
7.	Khảo sát sự khác biệt một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, mức độ kiểm soát glucose máu ở bệnh nhân đái tháo đường typ 2 cao tuổi có bệnh thận mạn	2014	Học viện Quân y TC Y học TP. HCM	Tham gia
8.	Khảo sát sự khác biệt một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, mức độ kiểm	2014	Học viện Quân y TC Y học TP. HCM	Tham gia

	soát glucose máu ở bệnh nhân đái tháo đường typ 2 cao tuổi có bệnh mạn tính			
9.	So sánh tương quan giữa độ lọc cầu thận ước tính (EGFR) sử dụng công thức MDRD và công thức Cockcroft với độ thanh lọc creatinin	2014	Bệnh viện Thống Nhất TC Y học TP. HCM	Tham gia
10.	Khảo sát giá trị dự báo tử vong của procalcitonin ở bệnh nhân sốc nhiễm khuẩn tại bệnh viện Thống Nhất	2014	Bệnh viện Thống Nhất TC Y học TP. HCM	Chủ nhiệm
11.	Khảo sát sự thay đổi nồng độ NT-proBNP theo tuổi và theo mức độ suy tim ở người cao tuổi tại bệnh viện Thống Nhất	2015	TC Y học TP. HCM Chuyên đề điều dưỡng kỹ thuật Y học	Tham gia
12.	Khảo sát khả năng dự báo nguy cơ tử vong của nồng độ procalcitonin máu ở bệnh nhân sốc nhiễm khuẩn tại bệnh viện Thống Nhất	2015	Đề tài cấp trường ĐHYD TP. HCM; TC Y học TP. HCM	Đồng chủ nhiệm
13.	So sánh kết quả đo thân nhiệt bằng nhiệt kế điện tử với nhiệt kế thủy ngân	2015	Bệnh viện Thống Nhất TC Y học TP. HCM	Tham gia
14.	Nồng độ magnesium huyết thanh và loạn nhịp tim ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp	2015	Bệnh viện Thống Nhất TC Y học TP. HCM	Tham gia
15.	Khảo sát chỉ số NT-ProBNP ở bệnh nhân người cao tuổi và theo mức độ suy tim ở người cao tuổi tại bệnh viện Thống Nhất	2015	Đề tài cấp trường ĐHYD TP. HCM; TC Y học TP. HCM	Đồng chủ nhiệm
16.	Một số đặc điểm của hội chứng ngưng thở khi ngủ tắc nghẽn tại khoa Hô hấp bệnh viện Thống Nhất	2015	Bệnh viện Thống Nhất TC Y học TP. HCM	Tham gia
17.	Khảo sát giá trị dây chằng thắt lưng chậu và khớp sọ sườn trong việc định danh đốt sống chuyển tiếp trên hình ảnh cộng hưởng từ	2015	Bệnh viện Thống Nhất TC Y học TP. HCM	Tham gia
18.	Một số đặc điểm huyết áp 24 giờ ở bệnh nhân tăng huyết áp có đái tháo đường typ 2	2015	Bệnh viện Thống Nhất TC Y học TP. HCM	Chủ nhiệm
19.	Khảo sát mối tương đồng giữa các chỉ số kháng insulin xác định bằng 2 mô hình HOMA ở bệnh nhân đái tháo đường typ 2 chẩn đoán lần đầu	2015	Bệnh viện Thống Nhất TC Y học TP. HCM	Chủ nhiệm
20.	Nghiên cứu nồng độ PSA và testosterone ở người cao tuổi tại bệnh viện Thống Nhất	2015	Bệnh viện Thống Nhất TC Y học TP. HCM	Tham gia
21.	Khảo sát đặc điểm và kết quả liệu pháp rối loạn lipid máu ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp tại BVTN- Tp. HCM	2016	Bệnh viện Thống Nhất TC Y học TP. HCM	Tham gia

22.	Khảo sát đặc điểm lâm sàng tổn thương thần kinh ngoại biên ở bệnh nhân đái tháo đường Type 2	2016	Bệnh viện Thống Nhất TC Y học TP. HCM	Chủ nhiệm
23.	Giá trị của xét nghiệm chẩn đoán tại chỗ trong bệnh lý tim mạch	2018	Bệnh viện Thống Nhất TC Y học TP. HCM	Chủ nhiệm
24.	Giá trị của xét nghiệm chẩn đoán tại chỗ trong bệnh lý tim mạch	2018	Bệnh viện Thống Nhất TC Y học TP. HCM	Chủ nhiệm
25.	Vì sao cần phối hợp sớm trong điều trị đái tháo đường Type 2 và đâu là giải pháp	2019	Bệnh viện Thống Nhất	Chủ nhiệm
26.	Dapagliflazon phòng ngừa biến chứng tim thận cho bệnh nhân đái tháo đường	2019	Bệnh viện Thống Nhất	Chủ nhiệm
27.	Cải thiện tiên lượng và kỳ vọng sống ở bệnh nhân đái tháo đường Type 2: Nhìn lại bằng chứng CVOT	2019	Bệnh viện Thống Nhất	Chủ nhiệm
28.	Tình trạng dinh dưỡng ở bệnh nhân cao tuổi suy tim có phân suất tống máu thất trái giảm	2020	Bệnh viện Thống Nhất	Chủ nhiệm
29.	Liên quan giữa chỉ số cổ chân- cánh tay và tổn thương mạch vành trên người cao tuổi	2021	Bệnh viện Thống Nhất	Chủ nhiệm
30.	Đánh giá hiệu quả của công tác quản lý dược trong việc giảm xuất toán BHYT khi kê đơn cho người bệnh ngoại trú tại BVTN giai đoạn 2018-2020	2021	Bệnh viện Thống Nhất	Tham gia
31.	Phân tích tình hình sử dụng thuốc trong điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Thống Nhất giai đoạn 2016-2020	2021	Bệnh viện Thống Nhất	Tham gia
32.	Phân tích mô hình bệnh tật trong điều trị nội trú tại bệnh viện Thống Nhất giai đoạn 2014-2020	2021	Bệnh viện Thống Nhất	Tham gia
33.	Phân tích tình hình điều trị COVID-19 tại bệnh viện đa tầng Tân Bình: nghiên cứu tiến cứu và kinh tế y tế	2021	Bệnh viện Thống Nhất	Chủ nhiệm
34.	Xu hướng ứng dụng công nghệ Y tế tại Bệnh viện công	2022	Bệnh viện Thống Nhất (Báo cáo HNKH 2022)	Chủ nhiệm
35.	Vai trò SGLT2i trong bảo vệ hệ thống tim mạch- thận- chuyển hóa	2022	Bệnh viện Thống Nhất (Báo cáo HNKH 2022)	Chủ nhiệm
36.	Nghiên cứu điều trị can thiệp mạch vành qua da cho thân chung động mạch vành trái tại BVTN	2022	Bệnh viện Thống Nhất	Tham gia

37.	Nghiên cứu nồng độ Vitamin D huyết tương trên bệnh nhân đái tháo đường típ 2 cao tuổi	2022	Bệnh viện Thống Nhất	Tham gia
38.	Khảo sát mối liên quan giữa nồng độ Beta-crosslaps với một số bệnh lý liên quan ở BN đái tháo đường typs 2	2022	Bệnh viện Thống Nhất	Tham gia
39.	Đánh giá hiệu năng phương pháp một số xét nghiệm hóa sinh tại khoa Hóa Sinh Bệnh viện Thống Nhất	2024	Bệnh viện Thống Nhất	Chủ nhiệm
40.	Phân tích mô hình bệnh đồng mắc và chi phí liên quan của người bệnh đái tháo đường típ 2 tại một số bệnh viện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	2024	Bệnh viện Thống Nhất	Chủ nhiệm
41.	Cơ cấu bệnh tật bệnh nhân mắc bệnh cơ xương khớp nội trú từ 60 tuổi trở lên tại bệnh viện thống nhất giai đoạn 01/2023 – 11/2024	2025	Bệnh viện Thống Nhất	Chủ nhiệm
42.	Nghiên cứu tổng quan hệ thống bộ câu hỏi đánh giá chất lượng sống sống người bệnh thận mạn	2025	Bệnh viện Thống Nhất	Chủ nhiệm
43.	Khảo sát nồng độ lipoprotein (a) ở đối tượng nhân viên khám sức khỏe tổng quát tại bệnh viện thống nhất	2025	Bệnh viện Thống Nhất	Tham gia
44.	Nghiên cứu mối liên quan giữa apolipoprotein b đến kết cục lâm sàng nội viện trên bệnh nhân cao tuổi hội chứng vành cấp	2025	Bệnh viện Thống Nhất	Tham gia
45.	Xây dựng mô hình tiên lượng tử vong nội viện đối với bệnh nhân cao tuổi nhồi máu cơ tim cấp có st chênh lên được can thiệp mạch vành qua da tiên phát	2025	Bệnh viện Thống Nhất	Tham gia
46.	Bước đầu tạo bộ dữ liệu CT scan có cản quang trên người bệnh có khối choán chỗ vùng cổ cho ứng dụng trí tuệ nhân tạo tại Bệnh viện Thống Nhất	2025	Bệnh viện Thống Nhất	Tham gia
47.	Sự đề kháng nhóm kháng sinh thể hệ mới của Klebsiella pneumoniae kháng Carbapenem tại Bệnh viện Thống Nhất năm 2025	2025	Bệnh viện Thống Nhất	Tham gia
48.	Quality of life among elderly patients with heart failure at Thong Nhat hospital in 2023	2025	Bệnh viện Thống Nhất	Tham gia
49.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ chẩn đoán điều trị tổn thương choán chỗ vùng cổ trên ảnh chụp cắt lớp vi tính có cản quang tại Bệnh viện Thống Nhất	2025	QĐ số 726/QĐ-ĐHQG của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. HCM	Chủ nhiệm

1. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1.	Khảo sát mối liên quan giữa kháng Insulin, dung nạp Glucose với một số chỉ số ở bệnh nhân suy thận mãn tính	2011	Tạp chí Nội tiết đái tháo đường số 2 -đặc biệt năm 2011
2.	Mối liên quan giữa biến đổi nồng độ Hormon tuyến giáp (FT3, FT4), TSH với một số chỉ số ở bệnh nhân suy thận mãn tính giai đoạn 3-4	2011	Tạp chí Nội tiết đái tháo đường số 2 -đặc biệt năm 2011
3.	Khảo sát việc sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường typ II tại bệnh viện Thống Nhất năm 2013	2013	Tạp chí Y học TP. HCM
4.	Khảo sát nồng độ Testosterone ở bệnh nhân rối loạn đường huyết lúc đói và đái tháo đường tại bệnh viện Thống nhất	2013	Tạp chí Y học TP. HCM
5.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số biến chứng ở bệnh nhân đái tháo đường typ 2 trên 60 tuổi chẩn đoán lần đầu	2014	Tạp chí Y học TP. HCM
6.	Khảo sát sự khác biệt một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, mức độ kiểm soát glucose máu ở bệnh nhân đái tháo đường typ 2 cao tuổi có bệnh thận mạn	2014	Tạp chí Y học TP. HCM
7.	Khảo sát sự khác biệt một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, mức độ kiểm soát glucose máu ở bệnh nhân đái tháo đường typ 2 cao tuổi có bệnh mạn tính	2014	Tạp chí Y học TP. HCM
8.	So sánh tương quan giữa độ lọc cầu thận ước tính (EGFR) sử dụng công thức MDRD và công thức Cockcroft với độ thanh lọc creatinin	2014	Tạp chí Y học TP. HCM
9.	Khảo sát giá trị dự báo tử vong của procalcitonin ở bệnh nhân sốc nhiễm khuẩn tại bệnh viện Thống Nhất	2014	Tạp chí Y học TP. HCM
10.	Khảo sát sự thay đổi nồng độ NT-proBNP theo tuổi và theo mức độ suy tim ở người cao tuổi tại bệnh viện Thống Nhất	2015	Tạp chí Y học TP. HCM Chuyên đề điều dưỡng kỹ thuật Y học
11.	Khảo sát khả năng dự báo nguy cơ tử vong của nồng độ procalcitonin máu ở bệnh nhân sốc nhiễm khuẩn tại bệnh viện Thống Nhất	2015	Tạp chí Y học TP. HCM Chuyên đề Điều dưỡng Kỹ thuật Y học
12.	So sánh kết quả đo thân nhiệt bằng nhiệt kế điện tử với nhiệt kế thủy ngân	2015	Tạp chí Y học TP. HCM Hội nghị KHKTBệnh viện Thống Nhất năm 2015

13.	Nồng độ magnesium huyết thanh và loạn nhịp tim ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp	2015	Tạp chí Y học TP. HCM Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2015
14.	Khảo sát chỉ số NT-ProBNP ở bệnh nhân người cao tuổi và theo mức độ suy tim ở người cao tuổi tại bệnh viện Thống Nhất	2015	Tạp chí Y học TP. HCM Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2015
15.	Một số đặc điểm của hội chứng ngưng thở khi ngủ tắc nghẽn tại khoa Hô hấp bệnh viện Thống Nhất	2015	Tạp chí Y học TP. HCM Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2015
16.	Khảo sát giá trị dây chằng thắt lưng chậu và khớp sọ sườn trong việc định danh đốt sống chuyển tiếp trên hành ảnh cộng hưởng từ	2015	Tạp chí Y học TP. HCM Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2015
17.	Một số đặc điểm huyết áp 24 giờ ở bệnh nhân tăng huyết áp có đái tháo đường typ 2	2015	Tạp chí Y học TP. HCM Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2015
18.	Khảo sát mối tương đồng giữa các chỉ số kháng insulin xác định bằng 2 mô hình HOMA ở bệnh nhân đái tháo đường typ 2 chẩn đoán lần đầu	2015	Tạp chí Y học TP. HCM Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2015
19.	Nghiên cứu nồng độ PSA và testosterone ở người cao tuổi tại bệnh viện Thống Nhất	2015	Tạp chí Y học TP. HCM Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2015
20.	Khảo sát đặc điểm và kết quả liệu pháp rối loạn lipid máu ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp tại BVTN- Tp. HCM	2016	Tạp chí Y học TP. HCM Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2016
21.	Khảo sát đặc điểm lâm sàng tổn thương thần kinh ngoại biên ở bệnh nhân đái tháo đường Typ 2	2016	Tạp chí Y học TP. HCM Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2016
22.	Cơ cấu sử dụng thuốc chống tăng huyết áp và tỉ lệ kiểm soát huyết áp tại các phòng khám tim mạch BVTN	2018	Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh; Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2018
23.	Nâng cao chất lượng xét nghiệm BVTN qua các công trình ngoại kiểm của trung tâm kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm Bộ Y tế tại ĐHYD TP. HCM từ 2015-2018	2018	Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh; Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2018
24.	Khảo sát tình hình điều trị nhịp nhanh nhĩ bằng triệt đốt qua catheter tại BVTN	2018	Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh; Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2018
25.	Thực trạng phối hợp thuốc trong điều trị tăng huyết áp tại các phòng khám tim mạch BVTN	2018	Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh; Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2018
26.	Vì sao cần phối hợp sớm trong điều trị đái tháo đường Type 2 và đâu là giải pháp	2019	Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh; Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2019
27.	Dapagliflazon phòng ngừa biến chứng tim thận cho bệnh nhân đái tháo đường	2019	Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh; Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2019

28.	Cải thiện tiên lượng và kỳ vọng sống ở bệnh nhân đái tháo đường Type 2: Nhìn lại bằng chứng CVOT	2019	Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh; Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2019
29.	Khảo sát sự tuân thủ sử dụng thuốc của bệnh nhân suy tim tại BVTN, TP. HCM	2019	Tạp chí Y học Việt Nam tập 478, số 2 tháng 5 năm 2019
30.	Tình trạng dinh dưỡng ở bệnh nhân cao tuổi suy tim có phân suất tống máu thất trái giảm	2020	Tạp chí Y học Việt Nam năm 2020
31.	Nghiên cứu thực trạng kiểm soát LDL-C ở cán bộ thuộc diện quản lý sức khỏe Tỉnh ủy tỉnh Bình Phước	2020	Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh; Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2020
32.	Đánh giá tính an toàn và kết quả của VSTENT trong can thiệp mạch vành qua da tại Bệnh viện Thống Nhất	2020	Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh; Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2020
33.	Khảo sát biến cố hạ Kali huyết liên quan đến thuốc tại Bệnh viện Thống Nhất TP. HCM	2020	Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh; Hội nghị KHKT Bệnh viện Thống Nhất năm 2020
34.	Khảo sát biến cố hạ Kali huyết liên quan đến thuốc tại BVTN	2020	Tạp chí Y học TP. HCM tập 24, số 5 năm 2020
35.	Khảo sát tính hợp lý trong kê đơn thuốc ngoại trú tại BVTN	2020	Tạp chí Y học TP. HCM tập 24, số 5 năm 2020
36.	Mối liên quan giữa chỉ số cổ chân- cánh tay và tổn thương mạch vành trên người cao tuổi	2021	Hội nghị khoa học BVTN- Tạp chí Y học TP. HCM Tr 60 Tập 25 số 6 * 2021
37.	Đánh giá hiệu quả của công tác quản lý dược trong việc giảm xuất toán BHYT khi kê đơn cho người bệnh ngoại trú tại BVTN giai đoạn 2018-2020	2021	Tạp chí Y Dược Tr 89, Số 21 tháng 5/2021
38.	Phân tích tình hình sử dụng thuốc trong điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Thống Nhất giai đoạn 2016-2020	2021	Tạp chí Y Dược học Tr 10, Số 24 - Tháng 7/2021
39.	Tình hình sử dụng thuốc nội trú thông qua chỉ số DDD tại Bệnh viện Thống Nhất giai đoạn 2014-2020,	2021	Hội nghị khoa học BVTN- Tạp chí Y học TP. HCM Tr 249 Tập 25 số 6 * 2021
40.	Covid-19: Kiến thức, thái độ và thực hành của nhân viên khối hành chính BVTN	2021	Hội nghị khoa học BVTN- Tạp chí Y học TP. HCM tr 189 Tập 25 số 6 * 2021
41.	Thực trạng văn hóa An toàn người bệnh và mối liên quan đến tần suất ước đoán xảy ra sự cố y khoa của nhân viên chăm sóc tại BVTN	2021	Hội nghị khoa học BVTN- Tạp chí Y học TP. HCM Tr 174 Tập 25 số 6 * 2021
42.	Tỉ lệ nhồi máu cơ tim không có tắc nghẽn động mạch vành và một số yếu tố liên quan	2021	Hội nghị khoa học BVTN- Tạp chí Y học TP. HCM, Tr 83 Tập 25 số 6 * 2021
43.	Phân tích hình sử dụng thuốc trong điều trị nội trú tại bệnh viện Thống Nhất giai đoạn 2014-2020	2021	Báo cáo Hội nghị khoa học BVTN, 2021

44.	Phân tích tình hình điều trị COVID-19 tại bệnh viện đa tầng Tân Bình: nghiên cứu tiên cứu và kinh tế y tế	2021	Báo cáo Hội nghị khoa học BVTN, 2021
45.	Xu hướng ứng dụng công nghệ Y tế tại Bệnh viện công	2022	Báo cáo Hội nghị khoa học BVTN, 2022
46.	Vai trò SGLT2i trong bảo vệ hệ thống tim mạch- thận- chuyển hóa	2022	Báo cáo Hội nghị khoa học BVTN, 2022
47.	Nghiên cứu điều trị can thiệp mạch vành qua da cho thân chung động mạch vành trái tại BVTN	2022	Hội nghị khoa học BVTN, 2022
48.	Nghiên cứu nồng độ Vitamin D huyết tương trên bệnh nhân đái tháo đường typ 2 cao tuổi	2022	Hội nghị khoa học BVTN, 2022
49.	Khảo sát mối liên quan giữa nồng độ Beta-crosslaps với một số bệnh lý liên quan ở BN đái tháo đường typs 2	2022	Hội nghị khoa học BVTN, 2022
50.	Tương đương hiệu quả kháng khuẩn (in vitro) và hiệu quả điều trị (in vivo) ở bệnh nhân mắc bệnh lý nhiễm trùng được điều trị với pimenem và meronem tại bệnh viện Thống Nhất và bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên	2023	Tạp chí Y Dược Thực Hành 175; Số 34 - 6/2023
51.	Đánh giá tác động của COVID-19 lên tình hình sử dụng thuốc ngoại trú tại Bệnh viện Thống Nhất giai đoạn 2016-2022	2023	Tạp chí Y học Việt Nam tập số 534 số 1B (2024)
52.	Nghiên cứu tổng quan hệ thống bộ câu hỏi đánh giá chất lượng sống người bệnh thận mãn	2023	Tạp chí Y học Việt Nam tập số 534 số 1B (2024)
53.	Khảo sát sự biến đổi Lactat trên bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết tại Bệnh viện Thống Nhất	2023	Tạp chí Y học Việt Nam tập số 526 – tháng 11- số chuyên đề -2023
54.	Thẩm định giá trị cấu trúc và độ tin cậy của bộ câu hỏi lupus-pro phiên bản tiếng việt	2025	Tạp chí Y học Việt Nam; Tập 547 Số 2 (2025)
50.	Nghiên cứu tổng quan hệ thống bộ câu hỏi đánh giá chất lượng sống người bệnh thận mạn	2025	Tạp Chí Y học Việt Nam, 534(1B). https://doi.org/10.51298/vmj.v534i1B.8274
51.	Khảo sát nồng độ lipoprotein (A) ở đối tượng nhân viên khám sức khỏe tổng quát tại bệnh viện thống nhất	2025	Tạp chí Y học Việt Nam, 549 (Tháng 4 – Số chuyên đề 2025)
52.	Nghiên cứu mối liên quan giữa apolipoprotein b đến kết cục lâm sàng nội	2025	Tạp Chí Y học Việt Nam, 552(3).

	viện trên bệnh nhân cao tuổi hội chứng vành cấp		https://doi.org/10.51298/vmj.v552i3.15156
53.	Xây dựng mô hình tiên lượng tử vong nội viện đối với bệnh nhân cao tuổi nhồi máu cơ tim cấp có st chênh lên được can thiệp mạch vành qua da tiên phát	2025	npj Aging 11, 48 (2025)
54.	Bước đầu tạo bộ dữ liệu CT scan có căn quang trên người bệnh có khối choán chỗ vùng cổ cho ứng dụng trí tuệ nhân tạo tại Bệnh viện Thống Nhất	2025	International Conference on Content-Based Multimedia Indexing (CBMI2025)
55.	Quality of life among elderly patients with heart failure at Thong Nhat hospital in 2023	2025	JOURNAL OF MILITARY PHARMACO-MEDICINE No 4 - 2025 page 120

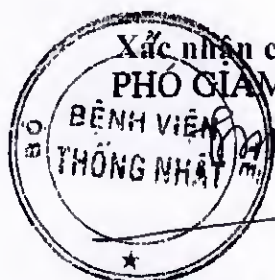
2. Bài báo đăng tạp chí nước ngoài:

TT	Bài báo	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Optimization of Oligomer Chitosan/Polyvinylpyrrolidone Coating for Enhancing Antibacterial, Hemostatic Effects and Biocompatibility of Nanofibrous Wound Dressing	2022	Polymers 14(17), p.3541 (2022)
2	Impact of pharmacist-led interventions on heart failure medication adherence: a prospective cohort study	2023	Journal of Pharmaceutical Health Services Research, 2023, XX, 1–7 https://doi.org/10.1093/jphsr/rmad008 Advance access publication 9 March 2023; 14(2), pp.205-211 (2023)
3	COVID-19 infection and decline in outdoor activities associated with depression in older adults: A multicenter study in Vietnam	2023	PLOS ONE; 18(6), p.e0286367 (2023)
4	Sputum culture and antibiotic resistance in elderly inpatients with exacerbation of chronic obstructive pulmonary disease at a tertiary geriatric hospital in southern Vietna	2023	ORIGINAL ARTICLE; Received: 29 June 2022 / Accepted: 23 March 2023 © The Author(s), under exclusive licence to Springer Nature Switzerland AG 2023; Aging Clinical and Experimental Research ; 35(6), pp.1347-1356 (2023)
5	Fabrication of 3D PCL/PVP scaffolds using monosodium glutamate as porogen by solvent casting/particulate	2024	Pub Med 2024 Aug 13;19(5). doi: 10.1088/1748-605X/ad6ac5. Q1

	leaching method for oral and maxillofacial bone tissue engineering		
6	Fabrication of <i>in situ</i> crosslinking hydrogels based on oxidized alginate/N,O-carboxymethyl chitosan/ β -tricalcium phosphate for bone regeneration	2024	ScienceDirect: https://doi.org/10.1016/j.jsamd.2022.100503 Q1
7	Optimization of Oligomer Chitosan/Polyvinylpyrrolidone Coating for Enhancing Antibacterial, Hemostatic Effects and Biocompatibility of Nanofibrous Wound Dressing	2024	MDPI https://doi.org/10.3390/polym14173541 Q1

3. Xuất bản sách:

TT	Tên sách	Năm công bố/ nhà xuất bản	Chủ biên/ tham gia
1	Giáo trình giảng dạy sau đại học: Lão hóa các hệ cơ quan ở người cao tuổi	Nhà xuất bản Y học, năm 2023	Chủ biên
2	Sách "Hướng dẫn sử dụng kháng sinh 2024"	do Nhà xuất bản Y học, xuất bản năm 2024	Chủ biên
3	Bệnh Tim mạch ở người cao tuổi trong thực hành Lâm sàng	Nhà xuất bản Y học năm 2024	Chủ biên



Võ Thành Toàn

TP. HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2025
Người khai

PGS.TS. Lê Đình Thanh

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành "Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư";

Căn cứ Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của "Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư" ban hành kèm theo Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 763/QĐ-TTg ngày 26/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2014-2019;

Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-TTg ngày 25/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Ủy viên Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2014-2019 được thành lập theo Quyết định số 763/QĐ-TTg ngày 26/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT ngày 15/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT ngày 15/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ kết quả xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2017 tại Kỳ họp lần thứ VII ngày 01/02/2018 và Nghị quyết số 02/NQ-HĐCDGSNN ngày 27/02/2018 của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước;

Xét đề nghị của Tổng Thư ký Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư và phó giáo sư năm 2017 cho các nhà giáo (danh sách kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Tổng Thư ký Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học và các cơ quan, đơn vị có liên quan, các nhà giáo có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Dam (để b/c);
- Như Điều 3
- Website HĐCDGSNN;
- Lưu VP.



DANH SÁCH CÁC NHÀ CHẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠI TIÊU CHUẨN THỰC DANH GIÁO SƯ, PHỎ GIÁO SƯ NĂM 2017
 (Theo Quyết định số 35/QĐ-HDCLIGSNN ngày 05 tháng 1 năm 2018 của Thủ tịch Hội đồng Thực danh giáo sư nhà nước)

TT	Họ và tên ứng viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Ngành, chuyên ngành	Nơi làm việc	Quê quán (huyện/quận, tỉnh/thành phố)	Mã số Giấy Chứng nhận
1	Lê Đình Thanh	12/02/1966	Nam	Y học	Bệnh viện Thống Nhất, Bộ Y tế	Thanh Miện, Hải Dương	5248 /PGS

B. H. H.



Số: 1187/QĐ-TĐHYKPNT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư năm 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Quyết định số 5747/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 và được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

Căn cứ Thông tư số 02/VBHN-BGDDĐT ngày 03 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết việc xét công nhận, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐCDGSNN ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-UBND-TC ngày 21 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Xét đề nghị của Hội đồng khoa học và Trường phòng Tổ chức cán bộ Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

QUYẾT ĐỊNH:

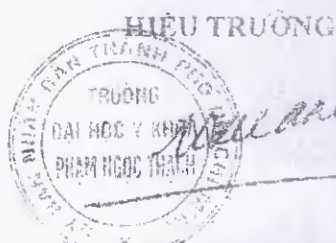
Điều 1. Nay bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư cho 09 nhà giáo có tên trong danh sách đính kèm.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các Phó Giáo sư được bổ nhiệm theo danh sách tại Điều 1 của Quyết định này được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông, Bà Trường Phòng/ Khoa/ Bộ môn liên quan và các Ông, Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để b/c);
- UBNDTP (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB. T //



PGS-TS. Ngô Minh Xuân

CHỦ TỊCH BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH CÁC NHÀ GIÁO ĐẲNG KÝ ĐƯỢC BỔ NHIỆM
CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ NĂM 2017

Kèm theo Quyết định số 487/QĐ-TĐHYKPNT ngày 08 tháng 4 năm 2018 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

STT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Quê quán	Ngành/chuyên ngành bổ nhiệm	Bổ nhiệm tại cơ sở giáo dục đại học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Phó Giáo sư						
1.	Lê Tuyết Hoa	01/4/1964	Nữ	Tây Ninh	Nội tiết	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Bộ môn Nội tổng quát)
2.	Trần Việt Luân	17/12/1971	Nam	Quảng Trị	Tai Mũi Họng	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Bộ môn Tai Mũi Họng)
3.	Phạm Văn Quang	08/01/1973	Nam	Quảng Bình	Nhi khoa	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Bộ môn Nhi khoa)
4.	Nguyễn Văn Thái	03/5/1954	Nam	Thái Bình	Chấn thương chỉnh hình	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Bộ môn Chấn thương chỉnh hình)
5.	Nguyễn Thanh Hùng	25/6/1964	Nam	Long An	Nhi khoa	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Bộ môn Nhi khoa)
6.	Huỳnh Thoại Loan	14/12/1965	Nữ	Long An	Nhi khoa	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Bộ môn Nhi khoa)
7.	Lê Đình Thanh	12/02/1966	Nam	Hải Dương	Lão khoa	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Bộ môn Lão khoa)
8.	Đỗ Quang Huân	20/5/1961	Nam	Hải Dương	Nội khoa	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Bộ môn Nội tổng quát)
9.	Phạm Trịnh Quốc Khanh	10/01/1964	Nam	Hà Nội	Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Bộ môn Phẫu thuật Tạo hình thẩm mỹ)

Ký duyệt danh sách có 09 người.